CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

NHÀ MÁY YAZAKI TẠI TRÀ VINH

Trà Vinh, Tháng 9 năm 2024

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

NHÀ MÁY YAZAKI TẠI TRÀ VINH

CHỦ CƠ SỞ

GĐ CHI NHÁNH
TANIZAWA WATARU

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC

Lê Minh Trí

Trà Vinh, Tháng 9 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

MỤC LỤC **1**
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT **3**
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU **4**
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ **5**
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ **6**
1.1. Tên chủ cơ sở **6**
1.2. Tên cơ sở **6**
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở **8**
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 8
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 8
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở 10
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở **10**
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở **15**
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở 15
1.5.2. Danh mục máy móc, thiết bị tại cơ sở 17
1.5.3. Vốn đầu tư 19
1.5.4. Tổ chức quản lý, vận hành 19
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG **20**
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tại địa phương **20**
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường **20**
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ **21**
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải **21**
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa 21
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải 24
3.1.3. Xử lý nước thải 27
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải **32**
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường **34**
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại **36**
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn **38**

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 38
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 43
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 45
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 45
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn 46
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 47
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải 47
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải 49
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 54
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 54
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật 54
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm 54
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 55
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 57
PHỤ LỤC BÁO CÁO 58
PHỤ LỤC I 59
PHỤ LỤC II 60

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BCĐX	Báo cáo đề xuất
BOD	Biochemical Oxygen Demand – nhu cầu oxy sinh học
CNCH	Cứu nạn cứu hộ
COD	Chemical Oxygen Demand – nhu cầu oxy hoá học
CTNH	Chất thải nguy hại
CO_x	Oxit của cacbon
DO	Oxy hòa tan
GPMT	Giấy phép môi trường
KCN	Khu công nghiệp
NO_x	Oxit của nitơ
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
SO_x	Oxit của lưu huỳnh
UBND	Ủy ban nhân dân
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Trang

Bảng 1.1: Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu của cơ sở 10
Bảng 1.2 Nhu cầu sử dụng nước sạch tại cơ sở 13
Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở 14
Bảng 1.4: Quy mô các hạng mục công trình tại cơ sở 15
Bảng 1.5: Danh mục máy móc, thiết bị tại cơ sở 17
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của công trình thu gom nước mưa tại cơ sở 21
Bảng 3.2: Vị trí thoát nước mưa tại cơ sở 23
Bảng 3.3. Thống kê lượng nước thải phát sinh tại cơ sở 24
Bảng 3.4: Công trình thu gom nước thải tại cơ sở 27
Bảng 3.5: Thông số thiết kế công trình hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở 30
Bảng 3.6: Hiệu quả xử lý nước thải tại cơ sở 31
Bảng 3.7: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở 36
Bảng 3.8: Phương tiện ứng phó sự cố cháy nổ tại cơ sở 38
Bảng 3.9: Phương tiện ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại cơ sở 40
Bảng 3.10: Những nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 44
Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải 45
Bảng 4.2: Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép 46
Bảng 5.1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải trong năm 2022 và năm 2023 tại cơ sở 48
Bảng 5.2: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí bên trong cơ sở trong năm 2022 và năm 2023 tại cơ sở 51

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Trang

Hình 1.1: Vị trí của cơ sở trên ảnh vệ tinh 7
Hình 1.2: Quy trình sản xuất tại cơ sở 9
Hình 1.3: Sơ đồ cân bằng nước tại cơ sở 12
Hình 1.4: Sơ đồ tổ chức quản lý, vận hành tại cơ sở 19
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở 21
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở 25
Hình 3.3. Sơ đồ quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cơ sở ... 28
Hình 3.4. Quy trình xử lý mùi hôi tại cơ sở 32
Hình 3.5. Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt chung tại cơ sở 35

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh
- Địa chỉ: Lô C & H, đường số 1 và số 5, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Đại diện: TANIZAWA WATARU Chức vụ: Giám đốc chi nhánh
- Điện thoại: 02943 746 846
- Mã số thuế: 3700230036-002
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 3700230036-002, đăng ký lần đầu ngày 22/10/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 16/11/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

1.2. Tên cơ sở

NHÀ MÁY YAZAKI TẠI TRÀ VINH

a. Địa điểm cơ sở

Cơ sở được thực hiện tại lô C & H, đường số 1 và số 5, khu công nghiệp Long Đức, ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh với tổng diện tích đất sử dụng là 88.954,5 m^2. Hiện tại chủ cơ sở đã thực hiện xong các thủ tục thuê đất theo Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 20/HĐ-CtyQLPTHT ngày 04/11/2013 theo đúng quy định *(Đính kèm tại phụ lục)*. Tứ cận tiếp giáp của cơ sở được mô tả như sau:

- Phía Tây Bắc: giáp với đường Nguyễn Tấn Liềng, kế đến là nhà dân.
- Phía Đông Nam: giáp với đường số 4, kế đến là Công ty Cổ phần Mỹ Lan.
- Phía Đông Bắc: giáp với đường số 1, kế đến là Công ty TNHH MTV CY Vina.
- Phía Tây Nam: giáp với đường số 5, kế đến là Công ty cổ phần xây dựng Phú Thành và Công ty TNHH Xây dựng Thủy lực.

Hình 1.1: Vị trí của cơ sở trên ảnh vệ tinh

b. Cơ sở pháp lý có liên quan đến môi trường của cơ sở

- Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh".

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp lần 1 ngày 02/6/2015; Mã số QLCTNH: 84.000095T.

- Giấy xác nhận số 10/GXN-STNMT ngày 30/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh" (hạng mục công trình xử lý nước thải sinh hoạt công suất 440 m^3/ngày đêm).

- Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh".

c. Quy mô của cơ sở

- Theo Luật Đầu tư công, cơ sở thuộc Điểm g, Khoản 3, Điều 8 và Khoản 2, Điều 9, cơ sở có tổng vốn đầu tư 1.028,714 tỷ đồng nên được xác định là **NHÓM B.**

- Theo Luật Bảo vệ môi trường, quy mô cơ sở xác định như sau:

  + Cơ sở **thuộc** danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm môi trường (Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

  + Cơ sở thuộc mục số 03, Phụ lục III, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được xác định là **NHÓM I**.

  + Theo quy định tại Khoản 2, Điều 39 và Khoản 3, Điều 41, Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở thuộc đối tượng phải lập BCĐX cấp GPMT trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, thẩm định và tham mưu UBND tỉnh Trà Vinh cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở thực hiện sản xuất bộ dây dẫn điện cho xe ô tô với công suất là 5.000.000 bộ dây dẫn/năm.

Công suất hoạt động của cơ sở không thay đổi so với Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh".

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở thực hiện sản xuất bộ dây dẫn điện cho xe ô tô với quy trình sản xuất như sau:

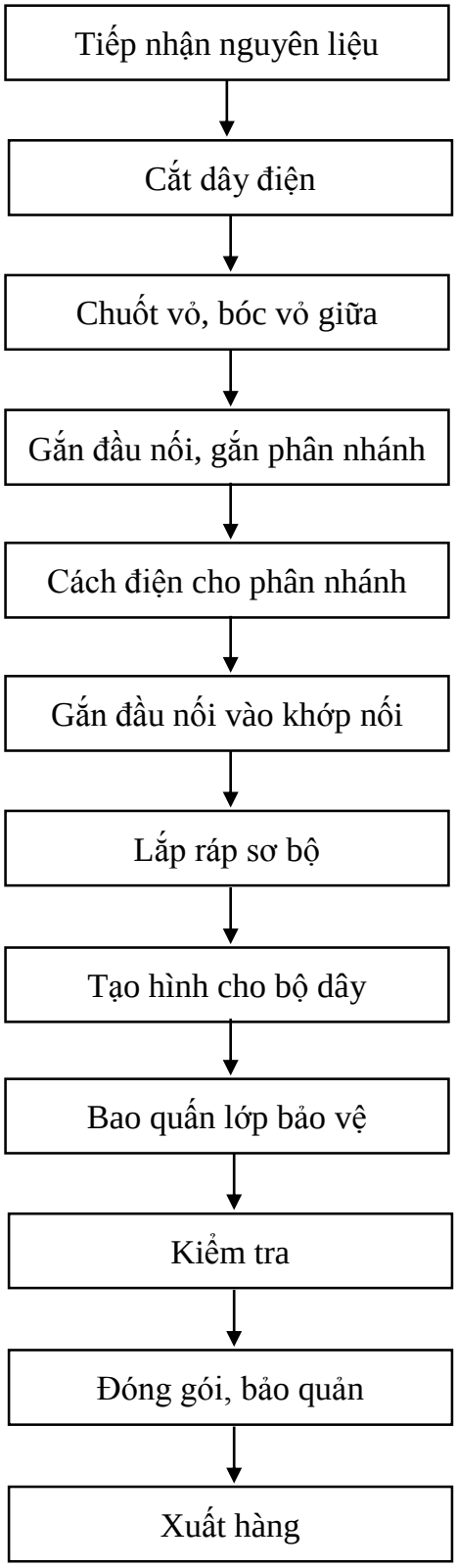

Hình 1.2: Quy trình sản xuất tại cơ sở

Thuyết minh sơ đồ:

Quy trình lắp ráp hệ thống dây dẫn điện ô tô theo các bước sau: Nguyên vật liệu sau khi nhập về sẽ được Công ty tiến hành kiểm tra chất lượng, những nguyên vật liệu nào không đạt yêu cầu chất lượng sẽ được loại ra và gửi trả lại nhà cung cấp hoặc YEV sẽ hủy (theo thỏa thuận giữa 2 bên). Việc này nhằm đảm bảo

chất lượng sản phẩm và đồng thời không làm phát sinh rác thải do nguyên liệu không đạt chất lượng. Sau khi đã kiểm tra thì các nguyên vật liệu này sẽ được đưa vào dây chuyền sản xuất. Dây chuyền sản xuất phải đi qua nhiều công đoạn, các công đoạn có thể miêu tả như sau: Công đoạn cắt đây diện: Tùy thuộc vào bộ dây dẫn điện của từng loại xe mà công đoạn này sẽ cắt dây điện ra theo kích thước phù hợp với sản phẩm. Công đoạn này được sự hỗ trợ bởi máy cắt.

Công đoạn chuốt vỏ, tách vỏ: Hai đầu của đoạn dây điện sau khi cắt được chuốt vỏ, tách vỏ giữa để tạo thuận lợi cho quá trình gắn đầu nối, gắn các khớp nối và phân nhánh bộ dây dẫn trong quá trình lắp ráp.

Công đoạn gắn đầu nối, khớp nối, phân nhánh bộ dây dẫn: Các đoạn dây dẫn sẽ được gắn cẩn thận và chắc chắn vào các đầu nối. Tại những vị trí phân nhánh dây dẫn đều được cách điện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

Công đoạn lắp ráp sơ bộ, tạo hình, quấn lớp bảo vệ: các dây dẫn điện đã được gắn khớp nối sẽ được công nhân lắp ráp với nhau giúp cho bộ dây dẫn điện được tạo hình dạng phù hợp, sau đó sẽ gắn các ống nhựa chuyên dụng và quấn băng keo bảo vệ, cách điện.

Công đoạn kiểm tra, đóng gói: Bộ dây dẫn điện được tạo thành sẽ đưa qua bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm kiểm soát lần cuối. Quá trình kiểm soát này nhằm loại bỏ những sản phẩm không đảm bảo chất lượng. Các chỉ tiêu kiểm soát cơ bản đảm bảo thông mạch trong bộ dây dẫn, đảm bảo cách điện hoàn toàn và thẩm mỹ. Sản phẩm hoàn thành sẽ được đóng thành kiện và đưa vào kho chứa bảo quản, chờ xuất khẩu.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là bộ dây dẫn điện cho xe ô tô được xuất khẩu sang nước ngoài với công suất là 5.000.000 bộ dây dẫn/năm.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu

Nguyên, vật liệu sử dụng tại cơ sở được chủ cơ sở ký hợp đồng thu mua với các nhà cung cấp uy tín trong và ngoài nước. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu tại cơ sở như sau:

Bảng 1.1: Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu của cơ sở

Stt	Nguyên liệu	Đơn vị tính/ tháng	Khối lượng	Xuất xứ
1	Dây điện	Mét	1.267.771.883	Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan, Việt Nam
2	Băng keo	Mét	328.737.903	Nhật Bản, Thái Lan, Việt Nam
3	Đầu nối (Connector)	Cái	230.078.002	Nhật Bản, Thái Lan, Bắc Mỹ

Stt	Nguyên liệu	Đơn vị tính/ tháng	Khối lượng	Xuất xứ
4	Khớp nối (Tanshi)	Cái	1.798.057.399	Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc
5	Ống cứng	Cái	124.065.921	Nhật Bản
6	Ống nhựa	Mét	24.912.739	Nhật Bản, Thái Lan
7	Relay	Cái	32.573.258	Nhật Bản, Thái Lan
8	Nắp chụp	Cái	16.998.513	Nhật Bản, Việt Nam, Indonesia
9	Gommet	Cái	3.828.293	Nhật Bản
10	Clip	Cái	152.747.394	Nhật Bản
11	Cầu chì	Cái	76.722.514	Nhật Bản
12	Gomusen	Cái	27.775.122	Nhật Bản, Thái Lan
13	Vinyl sheet	Mét	2.513.401	Nhật Bản
14	Thùng nhựa	Cái	1.999.370	Nhật Bản

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, tháng 7/2024)

b. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Nhu cầu sử dụng điện

Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở chủ yếu vận hành thiết bị máy móc trong quá trình sản xuất, vận hành hệ thống xử lý nước thải, chiếu sáng trong khu vực nhà máy,... Dựa theo thông báo tiền điện tháng 3, 4, 5 năm 2024 của cơ sở thì hiện nay lượng điện năng tiêu thụ trung bình tại cơ sở khoảng 609.467 kWh/tháng. Nguồn cung cấp điện cho cơ sở là Công ty Điện lực Trà Vinh – Điện lực thành phố Trà Vinh. Ngoài ra, tại cơ sở còn trang bị 01 máy phát điện dự phòng có công suất 1.735KVA để cấp điện khi cúp điện hoặc có sự cố về mạng lưới điện tại khu vực cơ sở.

Nhu cầu sử dụng nước cấp

Trong quá trình hoạt động, nhu cầu sử dụng nước sạch chủ yếu phục vụ sinh hoạt của công nhân, hoạt động của bếp ăn, tưới cây xanh, rửa đường và PCCC,… với tổng lượng nước tiêu thụ tại cơ sở ước tính khoảng **375,03 m^3/ngày.đêm** (không bao gồm lượng nước cấp cho PCCC). Nguồn cung cấp nước từ Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh. Sơ đồ cân bằng nước tại cơ sở được thể hiện như sau:

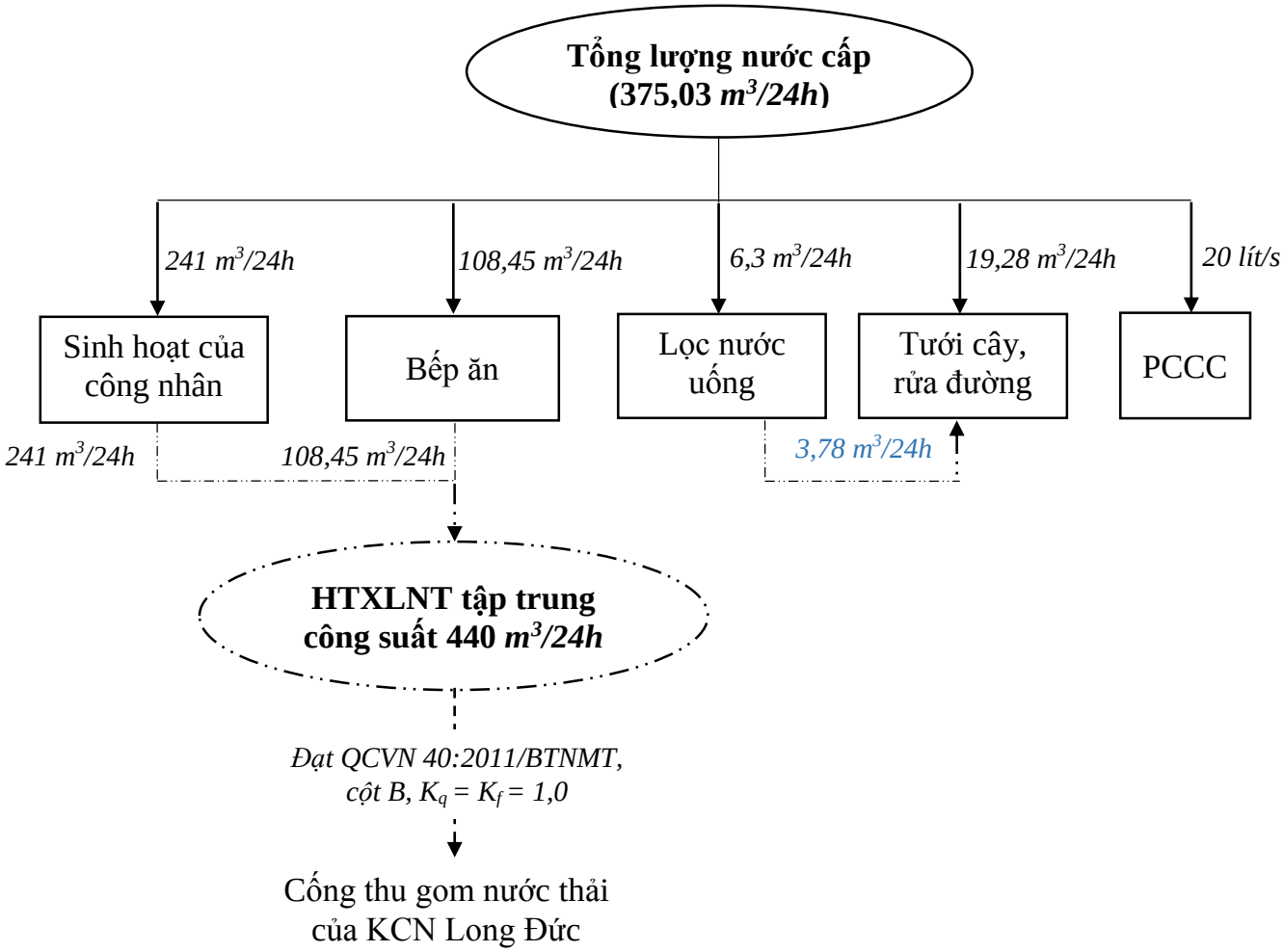

Hình 1.3: Sơ đồ cân bằng nước tại cơ sở

Ghi chú: *Tổng lượng nước tiêu thụ ước tính khoảng 375,03 m^3/ngày.đêm không bao gồm lượng nước cấp cho PCCC.*

Dòng nước cấp

Dòng nước thải

Dòng nước sau xử lý

- Nước cấp cho sinh hoạt: hiện tại số lượng công nhân làm việc tại cơ sở khoảng 6.025 người. Căn cứ QCVN 01:2021/BXD thì định mức sử dụng nước sạch cấp cho sinh hoạt là 80 lít/người/ngày, tuy nhiên do công nhân chỉ sử dụng nước phục vụ các hoạt động vệ sinh tay chân nên nhu cầu sử dụng nước ước tính khoảng bằng ½ định mức, tương đương khoảng 241 m^3/ngày.đêm.

- Nước cấp cho bếp ăn: tại cơ sở bố trí bếp ăn để phục vụ công nhân làm việc với định mức 01 suất ăn/người/ngày. Hiện tại số lượng công nhân làm việc tại cơ sở là 6.025 người tương ứng tổng suất ăn dự kiến thực hiện là 6.025 suất/ngày. Theo Trịnh Xuân Lai (2005) thì định mức nước cấp đối với nhà hàng, quán ăn khoảng 18 lít/suất ăn, tương đương lượng nước cần sử dụng khoảng 108,45 m^3/ngày.đêm.

- Nước cấp cho tưới cây xanh, rửa đường: căn cứ QCVN 01:2021/BXD thì định mức sử dụng nước tưới cây xanh, rửa đường tối thiểu là 8% lượng nước sinh hoạt, tương đương khoảng 19,28 m^3/ngày.đêm.

- Nước cấp cho hoạt động lọc nước uống: Hiện tại nhu cầu sử dụng nước uống tại cơ sở khoảng 2.520 lít/ngày.đêm. Tại dự án dự kiến bố trí máy lọc nước nóng lạnh RO ADC207 công suất 15 lít/h để lọc nước uống cho công nhân, nhân viên làm việc tại cơ sở. Theo định mức thì với 1 m^3 nước cấp sẽ lọc được 400 lít nước uống đảm bảo chất lượng đạt QCVN 6-1:2010/BYT. Vậy lượng nước cấp cần sử dụng cho hoạt động lọc nước uống tại cơ sở khoảng 6,3 m^3/ngày.đêm.

- Nước cấp cho công tác PCCC: tùy vào quy mô đám cháy và lượng nước sử dụng để phục vụ cho công tác ứng cứu là khác nhau. Theo QCVN 06:2022/BXD, trong trường hợp có cháy, nhu cầu sử dụng nước không nhỏ hơn 20 lít/s và không nhỏ hơn 3 giờ.

Bảng 1.2 Nhu cầu sử dụng nước sạch tại cơ sở

Stt	Nhu cầu sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Hoạt động sinh hoạt	m^3/ngày.đêm	241	Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh
2	Hoạt động bếp ăn	m^3/ngày.đêm	108,45	
3	Hoạt động lọc nước uống	m^3/ngày.đêm	6,3	
4	Hoạt động tưới cây xanh, rử đường	m^3/ngày.đêm	19,28	Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh và nước xả từ quá trình lọc nước tại cơ sở
5	Hoạt động PCCC	lít/s	20	
Tổng cộng *(không bao gồm hoạt động PCCC)*		**m^3/ngày.đêm**	**375,03**	**-**

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024)

Nhu cầu sử dụng dầu Diesel (DO)

Nhu cầu sử dụng dầu DO chủ yếu vận hành xe nâng trong quá trình sản xuất, máy phát điện công suất 1.735kVA khi có sự cố về điện về xảy ra. Ngoài ra, tại cơ sở thực hiện vận hành máy phát điện định kỳ 01 lần/tuần để kiểm tra tình trạng vận hành của máy, lượng dầu DO tiêu hao khi vận hành máy phát trong 01 giờ có tải dao động từ 250 – 270 lít.

c. Nhu cầu sử dụng hóa chất

Các hóa chất được sử dụng trong hoạt động sản xuất, xử lý nước thải được sử dụng tại cơ sở như sau:

Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở

Stt	Tên hóa chất	ĐVT	Khối lượng
1	ARON ALPHA	PC	3.564
2	POLYOL 8757 B	KG	1.299
3	ISOCYANATE 5635	KG	655
4	SILICON SEALANT	KG	1.374
5	DRYSURF MDF-2510EL	CAN	708
6	ARUTECO	PC	30
7	RESIN FOR ALUMI ANTI-CORROSION	KG	52
8	CH_3OH	KG	18.503
9	NaOCl	KG	14.146
10	NaOH	KG	11.062
11	Chai vệ sinh MATR420	Chai	27
12	Keo 502 Thuận Phong 20gr	Chai	456
13	Bình tẩy rửa CRC 02016C	Chai	54
14	Thiếc hàn không chì	Cuộn	5
15	Cồn 90'	Chai	134
16	POWER GREEN	Chai	54
17	Dầu Paraffin	Chai	54
18	Throat Seal Liquid	Chai	27
19	Mỡ bò	Kg	18
20	SUMO	Chai	134
21	RP7	Chai	402
22	DẦU VÀNG (PA 5)	Lít	268
24	GM ELEANER 100	Lít	268
25	ACETON 5	Chai	134

Stt	Tên hóa chất	ĐVT	Khối lượng
26	OIL 10 DẦU XANH	Lít	134

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, 2024)

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở đã đi vào hoạt động chính thức từ năm 2014, hiện tại cơ sở đã hoàn thành xong các hạng mục công trình với quy mô như sau:

Bảng 1.4: Quy mô các hạng mục công trình tại cơ sở

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m^2)	Tỉ lệ sử dụng đất (%)	Ghi chú
1	Nhà xưởng	29.634,91	33,32	*Khu vực sản xuất*
1.1	*Phòng y tế*	*157,5*	-	*Bố trí bên trong khu vực nhà xưởng*
2	Nhà máy phát điện	61,5	0,07	-
3	Trạm biến áp	200,0	0,23	-
4	Kho nhiên liệu	100,0	0,11	-
5	Kho chứa rác thải sản xuất thông thường	233,24	0,26	-
5.1	*Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt*	*5,8*	-	*Bố trí bên trong kho chứa rác thải sản xuất thông thường*
6	Kho chứa chất thải nguy hại	34,3	0,04	-
7	Nhà kho	11.122,19	12,50	-
7.1	*Khu vực chứa hóa chất*	*36,45*	-	*Bố trí bên trong nhà kho*
8	Nhà văn phòng và canteen	3.401,41	3,82	-
9	Nhà bảo vệ 1	56,0	0,06	-
10	Nhà bảo vệ 2	16,0	0,02	-
11	Nhà bảo vệ 3	16,0	0,02	-
12	Nhà xe	7.071,52	7,95	-
13	Mái nối	1.762,41	1,98	
14	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	216,0	0,24	-

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m^2)	Tỉ lệ sử dụng đất (%)	Ghi chú
14.1	*Khu vực chứa hóa chất của HTXLNT*	*18,14*	-	*Bố trí bên trên khu vực HTXLNT*
15	Hồ chứa nước	294,0	0,33	-
16	04 nhà vệ sinh	242,97	0,27	-
17	Khu vực cây xanh	20.929,53	23,53	-
18	Khu vực sân đường nội bộ	13.562,52	15,25	
19	Hệ thống cấp điện, cấp nước, PCCC	-	-	-
Tổng cộng		**88.954,5**	**100**	-

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, 2024)

- Nhà xưởng: được xây dựng với diện tích 29.634,91 m^2 với kết cấu nền bê tông cốt thép, tường gạch, mái tole. Tại đây bố trí các máy móc, thiết bị phục vụ cho các hoạt động sản xuất tại cơ sở.

- Nhà máy phát điện: tại nhà máy có trang bị 01 máy phát điện với công suất 1.735KVA được đặt trong nhà có diện tích 61,5 m^2 với kết cấu nền bê tông cốt thép, tường gạch, mái tole và 01 ống khói cao 6m.

- Trạm biến áp: tại cơ sở có trang bị 02 máy biến áp trong đó: 01 máy công suất 2.000KVA và 01 máy công suất 2.500KVA được đặt trong nhà có kết cấu nền bê tông cốt thép, tường gạch và mái tole.

- Kho nhiên liệu: được xây dựng với diện tích 100 m^2 với kết cấu nền bê tông cốt thép, tường gạch, mái tole. Kho chủ yếu chứa dầu Diesel phục vụ vận hành máy phát điện.

- Kho chứa rác thải sản xuất thông thường: được xây dựng với diện tích 233,24 m^2 có kết cấu tường gạch, mái tole. Bên trong kho chứa bố trí khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt với diện tích 5,8 m^2 với kết cấu tường lưới kẽm có chiều cao 2,3m.

- Kho chứa chất thải nguy hại: được xây dựng với diện tích 34,3 m^2 có kết cấu tường gạch, mái tole.

- Nhà kho: là nơi lưu trữ nguyên liệu, thành phẩm và các hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất tại cơ sở. Nhà kho với diện tích 11.122,19 m^2 sẽ được phân chia thành các khu vực khác nhau để bố trí, lưu trữ các loại hàng hóa mà vẫn đảm bảo duy trì khoảng cách an toàn để phòng ngừa rủi ro cháy nổ và đảm bảo thuận tiện trong quá trình xuất nhập hàng hóa trong kho. Bên trong nhà kho bố trí khu vực chứa hóa chất riêng biệt có diện tích 36,45 m^2 để lưu chứa hóa chất phục vụ hoạt động sản xuất tại cơ sở.

- Nhà văn phòng và canteen: được xây dựng với diện tích 3.401,41 m^2 có kết cấu là nền bê tông cốt thép, tường gạch, mái tole.

- Nhà bảo vệ: tại cơ sở bố trí 03 nhà bảo vệ tương ứng với 03 cổng ra vào với tổng diện tích 88 m^2 có kết cấu là nền bê tông cốt thép, tường gạch, mái tole.

- Nhà xe: được bố trí với diện tích 7.071,52 m^2 có kết cấu là nền bê tông cốt thép, mái tole để chứa xe của công nhân khi làm việc tại cơ sở.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: được xây dựng với diện tích 216 m^2 có kết cấu BTCT với công suất xử lý của hệ thống là 440m^3/ngày đêm, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$. Phía trên các bể bố trí khu vực chứa hóa chất phục vụ vận hành hệ thống với diện tích 18,14 m^2, tại đây bố trí 06 bồn chứa tương ứng với 03 loại hóa chất (CH_3OH, NaOH, NaClO) dung tích 1.000 lít/bồn.

- Hồ chứa nước: tại cơ sở có trang bị 01 hồ chứa nước để chứa nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và PCCC có dung tích 823 m^3 bằng bê tông cốt thép.

- Sân đường nội bộ, cây xanh: sân đường giao thông nội bộ và diện tích cây xanh tại cơ sở có tổng diện tích 34.492,05 m^2 với kết cấu bê tông nhựa.

1.5.2. Danh mục máy móc, thiết bị tại cơ sở

Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến bố trí tại cơ sở được thống kê qua bảng sau:

Bảng 1.5: Danh mục máy móc, thiết bị tại cơ sở

Stt	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng sử dụng (%)
1	Máy cắt dập tự động AC	Cái	138	Nhật Bản	80-90%
2	Máy cắt dây Shield	Cái	7	Nhật Bản	80-90%
3	Máy cắt VS	Cái	5	Nhật Bản	80-90%
4	Máy cắt ống Cot	Cái	12	Nhật Bản	80-90%
5	Máy dập tay YCM	Cái	79	Nhật Bản	80-90%
6	Máy chuốt Kawamuki	Cái	41	Nhật Bản	80-90%
7	Máy dập 30T	Cái	4	Nhật Bản	80-90%
8	Máy gia công Shield tape	Cái	2	Nhật Bản	80-90%
9	Máy Nakahagi	Cái	1	Nhật Bản	80-90%
10	Máy ép nhiệt Bonder	Cái	65	Nhật Bản	80-90%
11	Máy quấn tape Joint	Cái	8	Nhật Bản	80-90%

Stt	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng sử dụng (%)
12	Máy xoắn dây	Cái	73	Nhật Bản	80-90%
13	Máy sấy keo Raykem	Cái	31	Nhật Bản	80-90%
14	Máy Nakamuki	Cái	4	Nhật Bản	80-90%
15	Máy co rút Doren	Cái	4	Nhật Bản	80-90%
16	Máy shisuhagi	Cái	2	Nhật Bản	80-90%
17	Oshigiri	Cái	1	Nhật Bản	60%
18	Máy cắt dập tự động SC40,42	Cái	5	Nhật Bản	60%
19	Máy sóng siêu âm Minic	Cái	2	Nhật Bản	80-90%
20	Máy Chuốt vỏ giữa C381A	Cái	1	Nhật Bản	90-95%
21	Máy mài điện cực	Cái	1	Nhật Bản	60%
22	Máy Chuốt và gắn phần phụ US2300	Cái	9	Nhật Bản	80-90%
23	Máy gia công tape shield TZ25	Cái	1	Nhật Bản	50%
24	Bàn Jigu lắp ráp	Cái	985	Nhật Bản/ Việt Nam	100%
25	Máy cắm Relay	Cái	13	Nhật Bản	50%
26	Máy bung Grommet (loại lớn)	Cái	16	Nhật Bản	50%
27	Máy bung Grommet (loại nhỏ)	Cái	3	Nhật Bản	50%
28	Máy siết ốc	Cái	16	Nhật Bản	50%
29	Máy đổ keo 1 chất	Cái	1	Nhật Bản	50%
30	Máy đổ keo 2 chất	Cái	1	Nhật Bản	50%
31	Máy kiểm tra thử nước grommet	Cái	1	Nhật Bản	50%
32	Băng chuyền loại xoay	Cái	15	Nhật Bản	80-90%
33	Băng chuyền loại lật	Cái	22	Trung Quốc	50%
34	Máy kiểm tra hình ảnh cầu chì	Cái	17	Trung Quốc	50%

Stt	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng sử dụng (%)
35	Máy quấn tape tự động	Cái	2	Nhật Bản	80-90%
36	Xe nâng	Cái	15	Nhật Bản	60%

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, tháng 7/2024)

1.5.3. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 1.028,714 tỷ đồng (*Bằng chữ: Một nghìn không trăm hai mươi tám tỷ, bảy trăm mười bốn triệu đồng*) từ nguồn vốn của Công ty TNHH Yazaki EDS Việt Nam.

1.5.4. Tổ chức quản lý, vận hành

Trong quá trình hoạt động, cơ sở được quản lý và vận hành dưới cơ cấu tổ chức, quản lý như sau:

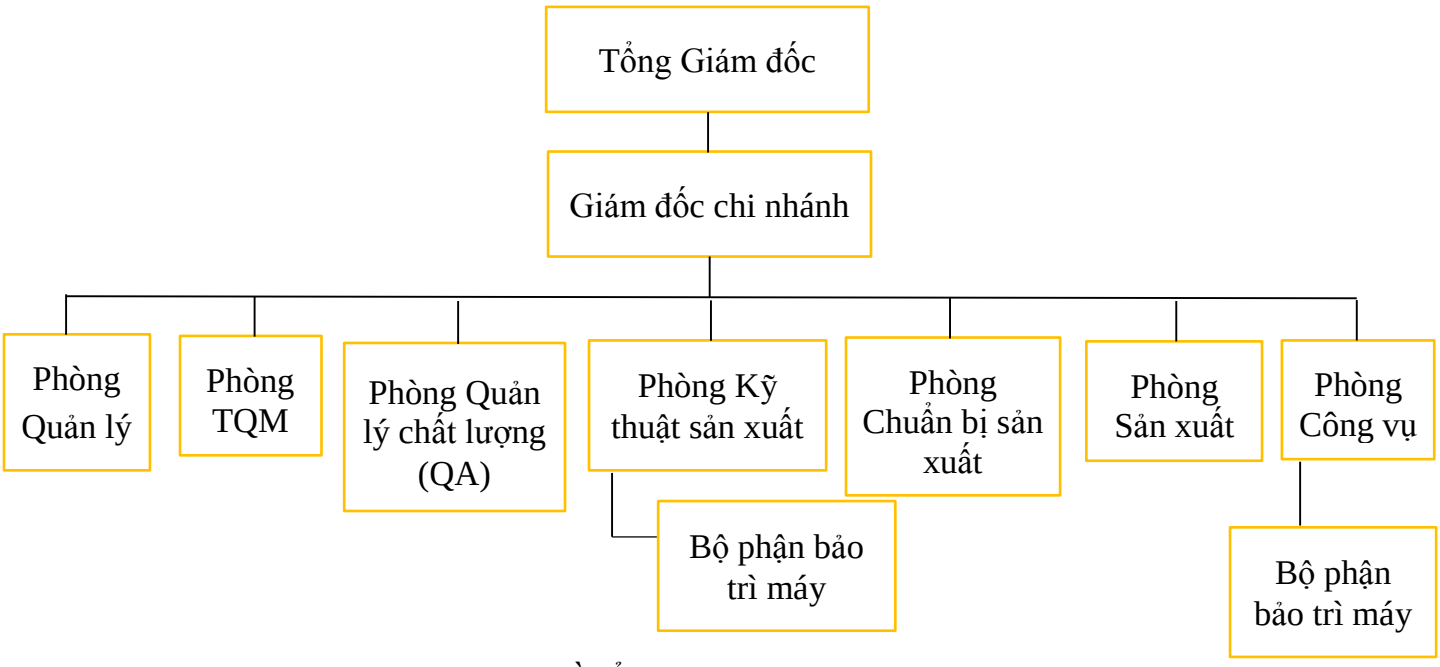

Hình 1.4: Sơ đồ tổ chức quản lý, vận hành tại cơ sở

Riêng đối với bộ phận an toàn môi trường thì công ty sẽ bố trí cán bộ chuyên trách vấn đề quản lý chất thải đảm bảo môi trường làm việc cho nhà máy và vận hành hệ thống xử lý nước thải với số lượng cán bộ được phân công là 17 người.

Thời gian làm việc: Chế độ làm việc của cơ sở trung bình là 6 ngày/tuần, mỗi ngày làm 3 ca, mỗi ca làm việc dài 8h, công nhân viên được nghỉ giữa ca nhiều lần với tổng thời gian từ 40 phút – 70 phút. Toàn bộ cán bộ, công nhân được nghỉ vào các dịp lễ, tết truyền thống và các ngày nghỉ theo đúng quy định của nhà nước và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tại địa phương

- Cơ sở đã được Ban quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7640770884, chứng nhận lần đầu 22/10/2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 24/12/2018.

- Cơ sở được thực hiện tại lô C & H, đường số 1 và số 5, khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh với tổng diện tích đất sử dụng 88.954,5 m^2 là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Long Đức theo Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Long Đức, thị xã Trà Vinh (nay là thành phố Trà Vinh), tỉnh Trà Vinh.

- Cơ sở góp phần nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp trong tỉnh, tăng cường hợp tác, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa, điều này phù hợp với Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 2/10/2023 của Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh năm 2024.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Trong quá trình vận hành, nước thải phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$ và thoát ra cống thu gom nước thải của KCN Long Đức, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Đức để tiếp tục xử lý, tại cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường bên ngoài. Do đó, trong phạm vi báo cáo không thực hiện đánh giá khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Giải pháp quản lý, thu gom nước mưa chảy tràn tại cơ sở được thực hiện như sau:

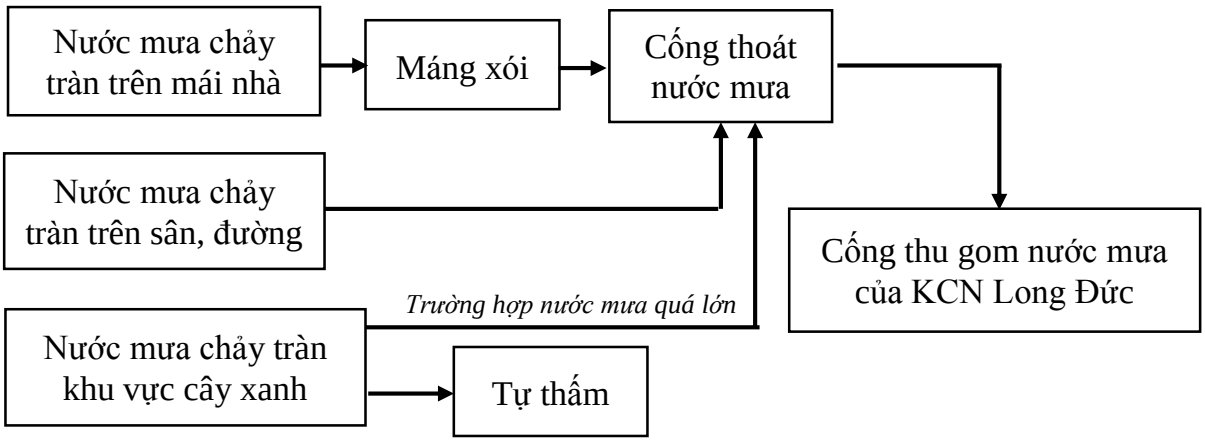

Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà được thu gom bằng máng xói dẫn vào ống nhựa ϕ=150mm và thoát vào cống thoát nước mưa nội bộ được bố trí bên trong cơ sở.

- Nước mưa chảy tràn trên sân, đường nội bộ sẽ theo độ dốc từ 0,83% – 1,2% thoát về cống thoát nước mưa nội bộ được bố trí bên trong cơ sở.

- Nước mưa chảy tràn khu vực cây xanh sẽ tự thấm và bốc hơi tự nhiên. Trường hợp lượng nước mưa quá lớn thì nước mưa chảy tràn sẽ chảy theo hướng về cống thoát nước mưa nội bộ của cơ sở, độ dốc thoát nước là 0,2%.

- Cống thu gom nước mưa là cống hở dạng U với kết cấu bê tông cốt thép có tổng chiều dài là 1.828,1m, độ dốc 0,2% được bố trí rộng khắp trên diện tích nhà máy.

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của công trình thu gom nước mưa tại cơ sở

Stt	Loại cống	Chiều dài (m)	Độ dốc (%)	Vị trí bố trí
1	U-0,85x0,3	176	0,2	Lối đi nội bộ giữa kho và xưởng sản xuất
	U-0,85x0,4	58,5		
2	U-0,4x0,4	100	0,2	Khu vực nhà xe
	U-0,4x0,5	146		
3	U-0,3x0,3	14	0,2	Khu vực nhà kho

Stt	Loại cống	Chiều dài (m)	Độ dốc (%)	Vị trí bố trí
	U-0,3x0,5	50		
	U-0,3x0,6	45		
	U-0,4x0,6	13		
	U-0,6x0,4	50		
	U-0,6x0,5	53		
4	U-0,3x0,3	58	0,2	Khu vực văn phòng, canteen
	U-0,3x0,4	130		
	U-0,3x0,5	8		
5	U-0,3x0,3	47	0,2	Khu vực cây xanh phía trước văn phòng
	U-0,4x0,4	122		
	U-0,4x0,7	60		
	U-0,6x0,5	25		
6	U-0,3x0,4	91	0,2	Khu vực sân đường trước kho
	U-0,4x1,0	17		
7	U-0,3x0,3	27	0,2	Khu vực trước hệ thống XLNT và nhà xe
	U-0,4x0,4	8,6		
	U-0,5x0,7	48		
8	U-0,3x0,5	44	0,2	Khu vực cây xanh tại nhà xe
	U-0,4x0,6	18		
9	U-0,4x0,4	54	0,2	Khu vực cây xanh phía trước nhà xưởng
	U-0,4x0,5	60		

Stt	Loại cống	Chiều dài (m)	Độ dốc (%)	Vị trí bố trí
10	U-0,4x0,4	138	0,2	Khu vực xưởng sản xuất
	U-0,4x0,5	27		
	U-0,5x0,4	58		
	U-0,5x0,5	109		
Tổng chiều dài		**1.828,1**	**-**	-

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, 2024)

- Nước mưa chảy tràn theo cống thoát nước mưa nội bộ bên trong cơ sở được phân phối đều ra 03 hướng thoát ra cống thu gom nước mưa của KCN Long Đức tại 13 vị trí trên các tuyến đường số 1, đường số 5 và đường Nguyễn Tấn Liềng. Tại những điểm cuối đấu nối thoát nước mưa đều có bố trí hố ga, trong đó: tại đường số 1 bố trí 07 hố, đường số 5 bố trí 05 hố và đường Nguyễn Tấn Liềng bố trí 01 hố. Các vị trí đấu nối nước mưa đã được Công ty Quản lý và Phát triển Hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp thống nhất theo Công văn số 43/CtyQLPTHT ngày 17/10/2014.

Bảng 3.2: Vị trí thoát nước mưa tại cơ sở

Stt	Tên điểm đấu nối	Thông số kỹ thuật hố ga		Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^0		Vị trí đấu nối
		Kích thước (dài x rộng) (m)	Cao trình (đỉnh/đáy) (m)	X (m)	Y (m)	
1	A1	0,8x0,8	+2,9/+1,98	1103374	592142	Đường số 1
2	A2	0,8x0,8	+2,9/+1,1	110335	592184	
3	A3	0,9x0,9	+3,15/+2,15	1103265	592251	
4	A4	0,7x0,7	+3,15/+2,15	1103233	592276	
5	A5	0,7x0,7	+3,05/+2,65	1103190	592314	
6	A6	0,6x0,6	+3,15/+2,8	1103209	592299	
7	A7	0,7x0,7	+3,05/+2,25	1103295	592227	
8	B1	1,2x1,2	+2,9/+2,0	1103295	592055	Đường Nguyễn Tấn Liềng
9	B2	0,7x0,7	+2,9/+1,93	1103194	591943	Đường số 5
10	B3	0,8x0,8	+2,9/+2,37	1103114	591985	

Stt	Tên điểm đấu nối	Thông số kỹ thuật hố ga		Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^0		Vị trí đấu nối
		Kích thước (dài x rộng) (m)	Cao trình (đỉnh/đáy) (m)	X (m)	Y (m)	
11	B4	0,8x0,8	+2,9/+2,02	1103075	592019	
12	B5	0,8x0,8	+2,9/+2,02	1103017	592066	
13	B6	0,7x0,7	+2,95/+2,29	1102955	592121	

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, 2024)

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Tại cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân, nhân viên, hoạt động của bếp ăn và nước xả từ quá trình lọc nước. Khối lượng nước thải phát sinh được ước tính như sau:

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, nhân viên: Theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP lượng nước thải sinh hoạt phát sinh bằng 100% lượng nước cấp, tương đương 241 m^3/ngày.đêm.

- Nước thải từ hoạt động của bếp ăn: Theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP lượng nước thải sinh hoạt phát sinh bằng 100% lượng nước cấp, tương đương 108,45 m^3/ngày.đêm.

- Nước xả từ quá trình lọc nước: Theo thiết kế của máy lọc nước dự kiến bố trí tại cơ sở thì với 1 m^3 nước cấp sẽ lọc được 400 lít nước uống đảm bảo chất lượng đạt QCVN 6-1:2010/BYT, xả bỏ 600 lít nước thải. Với khối lượng nước cấp cần sử dụng cho hoạt động lọc nước uống tại cơ sở khoảng 6,3 m^3/ngày.đêm thì ước tính lượng nước xả phát sinh từ hoạt động này là 3,78 m^3/ngày.đêm.

Vậy tổng khối lượng nước thải phát sinh tại cơ sở trong quá trình hoạt động khoảng **353,23 m^3/ngày.đêm**.

Bảng 3.3. Thống kê lượng nước thải phát sinh tại cơ sở

Stt	Nguồn phát sinh	ĐVT	Khối lượng
1	Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, nhân viên	m^3/ngày.đêm	241
2	Nước thải từ hoạt động của bếp ăn	m^3/ngày.đêm	108,45
3	Nước xả từ quá trình lọc nước	m^3/ngày.đêm	3,78
Tổng cộng *(không bao gồm hoạt động PCCC)*		**m^3/ngày.đêm**	**353,23**

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024)

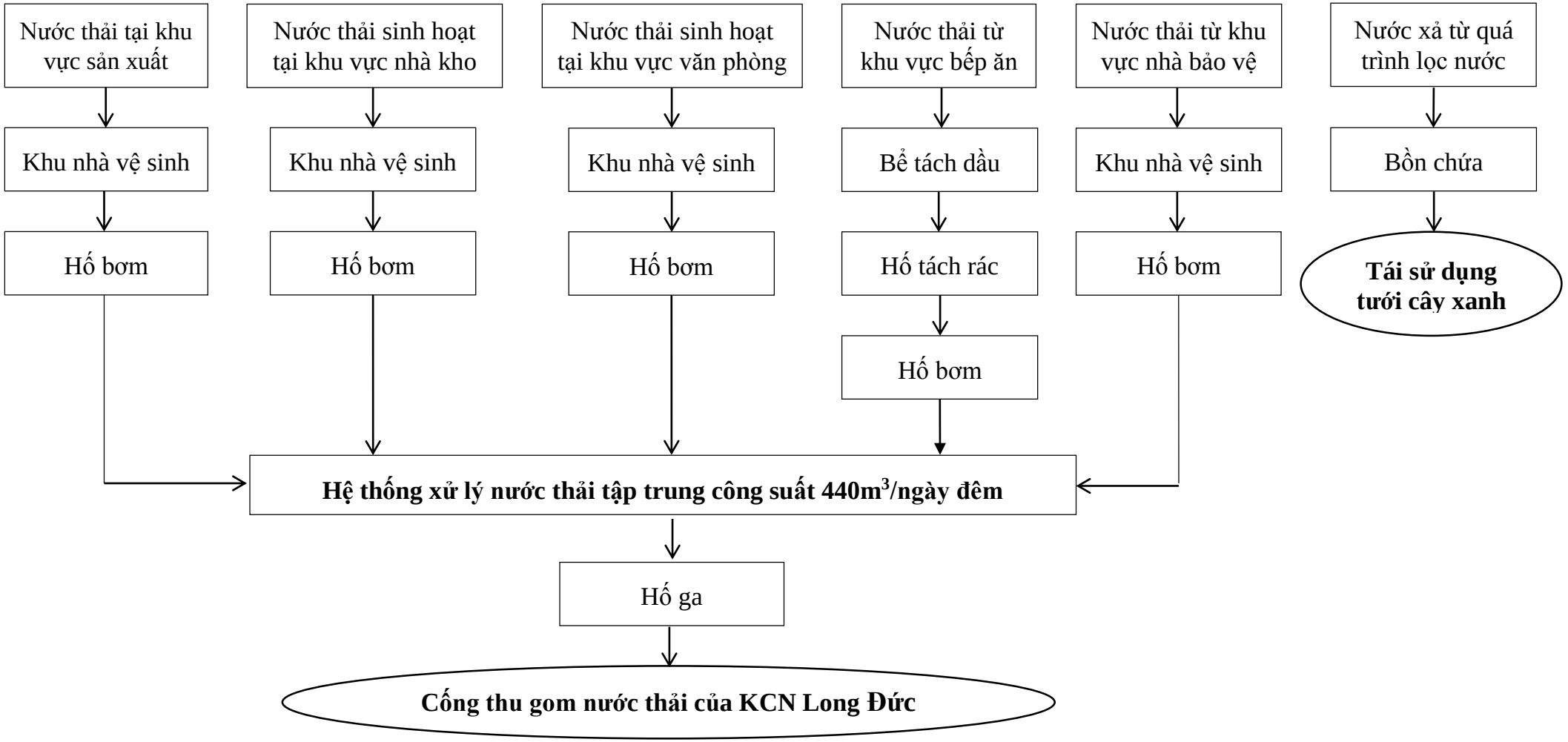

Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở

- Nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực sản xuất: cơ sở đã xây dựng 11 khu nhà vệ sinh (trong đó: 10 khu tại xưởng sản xuất và 01 khu tại nhà kho) để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân. Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ theo đường ống HDPE Ø90 – Ø114 có độ dốc 1% chảy trực tiếp về hố bơm. Nước thải từ hố bơm được bơm về hệ thống XLNT tập trung tại cơ sở.

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên tại khu vực nhà kho: cơ sở đã xây dựng 01 khu nhà vệ sinh tại khu vực nhà kho để thu gom nước thải sinh hoạt của nhân viên và nước xả từ quá trình lọc nước. Nước thải từ nhà vệ sinh này sẽ chảy trực tiếp vào hố bơm, sau đó được bơm về hệ thống XLNT tập trung tại cơ sở.

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên tại khu vực văn phòng: cơ sở đã xây dựng 02 khu nhà vệ sinh tại khu vực văn phòng để thu gom nước thải sinh hoạt của nhân viên và nước xả từ quá trình lọc nước. Nước thải từ nhà vệ sinh này sẽ chảy trực tiếp vào hố bơm, sau đó được bơm về hệ thống XLNT tập trung tại cơ sở.

- Nước thải từ khu vực bếp ăn (canteen) và bếp Nhật: được thu gom về bể tách dầu bằng phương pháp tự chảy theo đường ống HDPE Ø60 – Ø114 có độ dốc 1%, sau đó nước thải từ bể tách dầu sẽ chảy qua hố tách rác, váng dầu tại bể tách dầu được loại bỏ bằng máy hút chuyên dụng được chủ cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Minh Huy theo hợp đồng số 01/2024/HĐKT-YZK ngày 01/3/2024 để thu gom và xử lý với tần suất 03 lần/tháng. Tại hố tách rác nước thải tiếp tục theo đường ống HDPE Ø114 có độ dốc 1% chảy trực tiếp về hố bơm, nước thải từ hố bơm được bơm về hệ thống XLNT tập trung tại cơ sở.

- Nước thải từ khu vực nhà bảo vệ: cơ sở đã xây dựng 03 nhà vệ sinh tương ứng với 03 nhà bảo vệ để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân. Nước thải từ nhà vệ sinh theo đường ống HDPE Ø114 có độ dốc 1% chảy trực tiếp về hố bơm. Nước thải từ hố bơm được bơm về hệ thống XLNT tập trung tại cơ sở.

- Nước thải từ các hố bơm sẽ được bơm đẩy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 440 m^3/ngày.đêm của cơ sở theo đường ống uPVC Ø114 lắp nổi treo trần để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$.

- Nước xả từ quá trình lọc nước sẽ được thu gom vào 02 bồn chứa bằng nhựa với dung tích 2 m^3/bồn, lượng nước này sẽ được tái sử dụng để tưới cây xanh bên trong khuôn viên cơ sở.

- Nước thải sau xử lý theo đường cống BTCT Ø300 thoát ra nguồn tiếp nhận là cống thu gom nước thải của KCN Long Đức. Cơ sở có 01 vị trí thoát nước thải sau xử lý tại vị trí có tọa độ: X(m) = 1103333 và Y(m) = 592197 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^0) trên đường số 1, KCN Long Đức. Cơ sở đã được Công ty Quản lý và Phát triển Hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp thống nhất vị trí đấu nối nước thải theo Công văn số 43/CtyQLPTHT ngày 17/10/2014 và chấp thuận việc xả nước sau xử lý vào hệ thống thu nước thải chung của KCN Long Đức theo Công văn số 47/CtyQLPTHT ngày 31/10/2014 *(đính kèm tại phụ lục*

Bảng 3.4: Công trình thu gom nước thải tại cơ sở

Stt	Tên công trình	ĐVT	Thông số	Kết cấu	Vị trí bố trí
1	Bể tách dầu	m^3	0,5	BTCT	Phòng máy nén khí
2	Bể tách dầu	m^3	1,0		Văn phòng
3	Bể tách dầu	m^3	2,0		Bếp ăn
4	Hố bơm 1	m^3	2,0		Nhà bảo vệ
5	Hố bơm 2	m^3	2,0		Văn phòng
6	Hố bơm 3 - 4	m^3	2,0		Xưởng sản xuất
7	Hố bơm 5 - 6	m^3	3,0		
8	Hố bơm 7 - 10	m^3	2,0		
9	Hố bơm 11	m^3	3,0		Nhà kho
10	Hố bơm 12	m^3	3,0		HTXLNT
11	Hố ga MH 1, MH 5	m^2	0,36		Nhà bảo vệ
12	Hố ga MH 1 - 4	m^2	0,36		Văn phòng
13	Hố ga MH 6 - 7	m^2	0,36		Phía trước nhà bảo vệ cổng 3

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, 2024)

3.1.3. Xử lý nước thải

Tại cơ sở đã đầu tư xây dựng hệ thống XLNT tập trung công suất 440 m^3/ngày.đêm để tiếp nhận và xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$. Quy trình xử lý nước thải tập trung tại cơ sở được thể hiện qua hình sau:

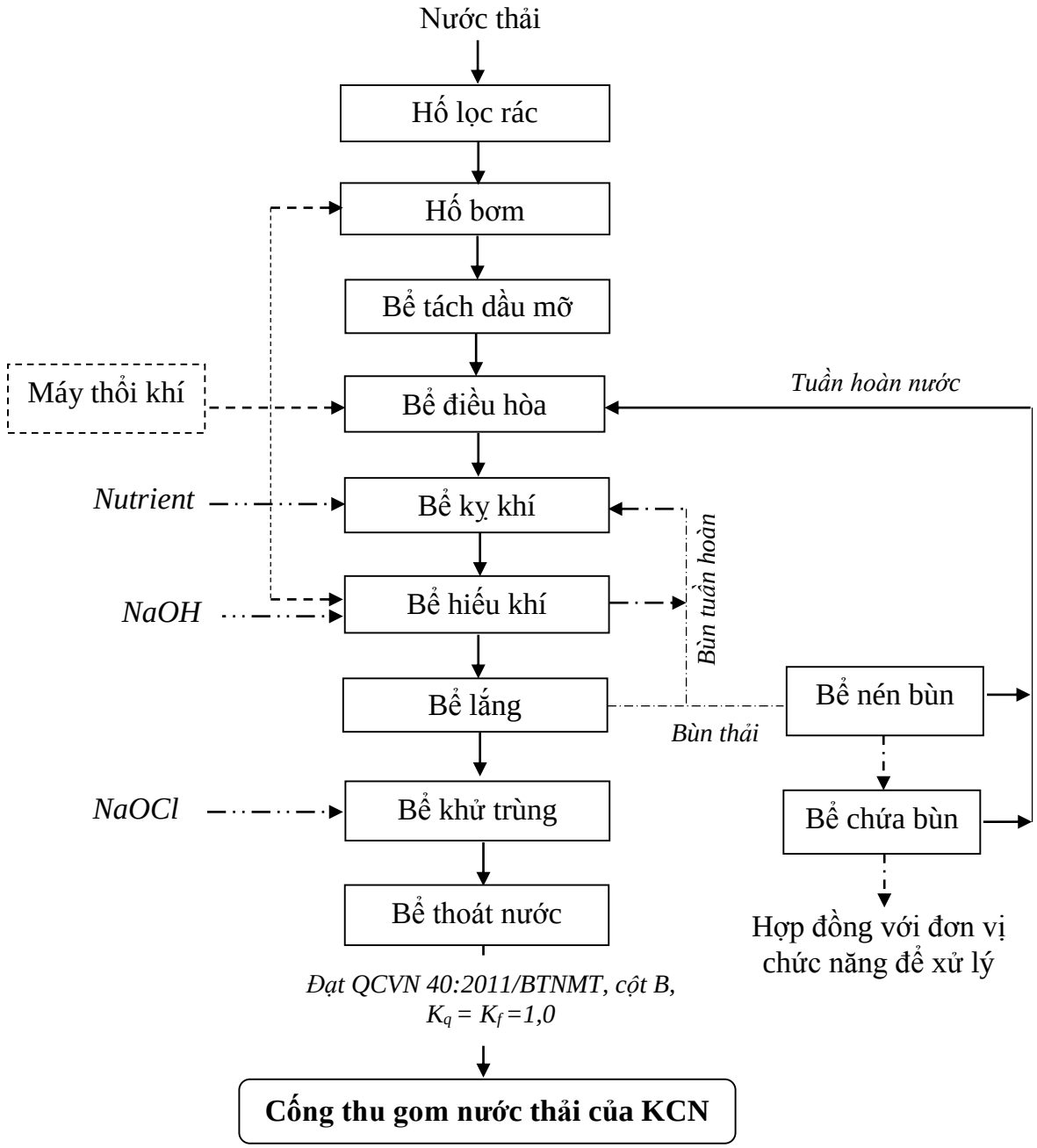

Hình 3.3. Sơ đồ quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cơ sở

❖ **Thuyết minh quy trình**

Hố lọc rác (T-01) và hố bơm (T-01): Hố lọc rác là công trình đầu tiên tiếp nhận nước thải từ các nguồn khác nhau của cơ sở. Hố lọc rác có nhiệm vụ loại bỏ rác có kích thước lớn trong nước thải (≥20mm) khi đưa nước thải về công trình xử lý sau, từ đó tránh được các sự cố tắt nghẽn đường ống, hư hỏng thiết bị. Rác thải từ hố lọc rác được loại bỏ thủ công qua bể nén bùn (T-21). Sau khi qua hố lọc rác nước thải chảy qua hố bơm, tại đây có bố trí 02 máy bơm hoạt động luân phiên với nhau để bơm nước thải qua bể tách dầu mỡ.

Bể tách dầu mỡ (T-03): Phía trên bể tách dầu mỡ có bố trí thêm lưới lược rác tinh để loại bỏ rác còn sót lại tại hố lọc rác. Bể tách dầu mỡ áp dụng phương pháp trọng lực, dầu mỡ nổi lên trên được loại bỏ ra ngoài bằng máy hút chuyên dụng được

chủ cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Minh Huy theo hợp đồng số 01/2024/HĐKT-YZK ngày 01/3/2024 để thu gom và xử lý với tần suất 03 lần/tháng, sau đó nước thải chảy sang bể điều hòa.

Bể điều hòa (T-04): Tại đây nước thải được sục khí để tránh lắng cặn đồng thời điều hòa lưu lượng cho các bể xử lý phía sau. Sau đó nước thải được bơm qua bể xử lý kỵ khí.

Bể kỵ khí (T-05): Bể này được chia thành 02 ngăn, quá trình xử lý trong bể có bổ sung thêm hóa chất nutrient nhằm cung cấp dinh dưỡng cho các vi sinh vật. Phương pháp xử lý kỵ khí là dùng các vi sinh vật sống trong điều kiện thiếu oxy và không có oxy để xử lý nước thải. Nước thải sau khi qua thảm bùn vi sinh kỵ khí sẽ làm giảm hàm lượng ô nhiễm. Trung bình hiệu quả xử lý của phương pháp này là khoảng 70 – 75% đối với các chất ô nhiễm như BOD và COD. Ngoài ra trong quá trình xử lý còn phát sinh thêm khí mêtan với hàm lượng rất ít và sẽ đưa lên cao để phát tán vào không khí.

Bể hiếu khí (T-06): Bể này được chia thành 02 ngăn và nước thải từ bể kỵ khí sẽ đi qua lần lượt các ngăn trong bể. Vi sinh vật hiếu khí trong bể sẽ sử dụng các chất hữu cơ trong nước thải để làm nguồn thức ăn, sản phẩm của quá trình này chủ yếu là khí CO_2 và sinh khối vi sinh vật. Các hợp chất chứa nitơ và lưu huỳnh sẽ chuyển thành dạng NO_3^-, SO_4^{2-} và tiếp tục bị khử nitrat, sulfate bởi các vi sinh vật. Trong bể xử lý hiếu khí được cung cấp khí và dung dịch NaOH nhằm bổ sung chất dinh dưỡng cho vi sinh vật. Trong quá trình xử lý hiếu khí sẽ sinh ra rất nhiều bùn, do đó một phần bùn sẽ theo nước thải chảy qua bể lắng, một phần bùn bị giữ lại trong bể tại những vị trí ít bị xáo trộn. Trong bể có bố trí 02 máy bơm chìm để bơm hoàn lưu bùn trong bể về bể kỵ khí.

Bể lắng (T-07): Bể này có tác dụng làm lắng bùn sinh ra trong quá trình xử lý sinh học. Tại đây nước thải từ bể hiếu khí sẽ chảy vào ống lắng trung tâm, đi xuống đáy bể và đi ngược lên trên bề mặt bể. Quá trình di chuyển như thế sẽ làm cho bùn kết thành bông bùn và lắng xuống đáy bể, chỉ có phần nước trong đi lên phía trên và chảy qua bể khử trùng. Phần bùn lắng được hỗ trợ bởi thanh gạt bùn, gom bùn về hố gom tại trung tâm bể, tại đây một phần bùn lắng sẽ được bơm hoàn lưu về bể kỵ khí và một phần sẽ được bơm về bể nén bùn.

Bể khử trùng (T-08): Bể này có nhiệm vụ tiêu diệt các vi sinh vật có hại trong nước thải trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận. Hóa chất NaOCl được bổ sung vào bể để tiêu diệt các vi sinh vật. Nhằm hỗ trợ cho sự tiếp xúc của hóa chất khử trùng vào nước thải thì trong bể có lắp đặt hệ thống sục khí để tăng hiệu quả xáo trộn giữa nước thải và hóa chất, giúp quá trình xử lý các vi khuẩn gây hại đạt hiệu quả. Sau đó nước thải được chảy qua bể thoát nước.

Bể thoát nước (T-09): Bể này được sử dụng để chứa nước sau xử lý, nước thải tại đây được dẫn qua đồng hồ đo lưu lượng để xác định lưu lượng nước thải trước khi theo đường cống thoát ra nguồn tiếp nhận là cống thu gom nước thải của KCN Long Đức. Cơ sở đã thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước số 20/HĐ-TTHT ngày 22/12/2022 với Trung tâm Quản lý Hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp *(đính kèm phụ lục)*.

Bể nén bùn (T-21) và bể chứa bùn (T-22): Bể nén bùn tiếp nhận một phần bùn thải từ bể lắng. Bể có nhiệm vụ nén bùn và làm giảm độ ẩm của bùn bằng cách lắng cơ học để đạt độ ẩm thích hợp (90 – 96%). Phần nước tách ra được thu gom và dẫn về bể điều hòa, phần bùn nén dưới đáy được bơm về bể chứa bùn và định kỳ thuê đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Bảng 3.5: Thông số thiết kế công trình hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở

Stt	Hạng mục	Thể tích bể hiện hữu
1	Hố lọc rác	Thể tích bể: 5,58m^3 Kích thước bể (dài x rộng x cao): 2,35x0,95x3,65 (m)
2	Hố bơm	Thể tích bể: 5,82m^3 Kích thước bể (dài x rộng x cao): 2,75x1x3,65 (m)
3	Bể tách dầu mỡ	Thời gian lưu nước: 30 phút Thể tích bể: 9,36m^3 Kích thước bể (dài x rộng x cao): 4,925x0,95x2,75 (m)
4	Bể điều hòa	Thời gian lưu nước: 7 giờ Thể tích bể: 126,18m^3 Kích thước bể (dài x rộng x cao): 4,925x9,15x3,65 (m)
5	Bể kỵ khí	Thời gian lưu nước: 4,5 giờ Thể tích bể: 81m^3 (gồm 02 ngăn) Kích thước mỗi ngăn (dài x rộng x cao): 2,35x5,625x3,65 (m)
6	Bể hiếu khí	Thời gian lưu nước: 8 giờ Thể tích bể: 148,4m^3 (gồm 02 ngăn) Kích thước mỗi ngăn (dài x rộng x cao): 5,625x4,55x3,65 (m)
7	Bể lắng	Thời gian lưu nước: 3 giờ Thể tích bể: 60,1m^3 Kích thước bể (dài x rộng x cao): 4,625x4,925x3,8 (m)
8	Bể khử trùng	Thời gian lưu nước: 45 phút Thể tích bể: 14,06m^3 Kích thước bể (dài x rộng x cao): 1,475x3,6x3,65 (m)
9	Bể thoát nước	Thể tích bể: 10,9m^3 Kích thước bể (dài x rộng x cao): 1,475x3,025x3,65 (m)
10	Bể nén bùn	Thể tích bể: 35,7m^3

Stt	Hạng mục	Thể tích bể hiện hữu
		Kích thước bể (dài x rộng x cao): 3,2x3,6x3,65 (m)
11	Bể chứa bùn	Thể tích bể: 30m^3 Kích thước bể (dài x rộng x cao): 3,2x3,025x3,65 (m)

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, 2024)

❖ Đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 440 m^3/ngày.đêm của cơ sở

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 440 m^3/ngày.đêm của cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 10/GXN-STNMT ngày 30/3/2017 *(đính kèm tại phụ lục)*.

Dựa theo kết quả quan trắc nước thải tại cơ sở được thực hiện bởi Công ty cổ phần tư vấn môi trường Sài Gòn (Vimcerts 140) vào ngày 07/6/2024 có thể đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống XLNT tập trung tại cơ sở, cụ thể như sau:

Bảng 3.6: Hiệu quả xử lý nước thải tại cơ sở

Stt	Thông số	ĐVT	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$
1	pH	-	7,6	**5,5-9**
2	TSS	mg/l	61	**100**
3	BOD_5	mg/l	29	**50**
4	COD	mg/l	77	**150**
5	Amoni		1,14	**10**
6	Tổng Nitơ	mg/l	10,4	**40**
7	Tổng Phospho		2,23	**6**
8	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH	**0,5**
9	Tổng dầu mỡ khoáng		1,75	**10**
10	Coliform		2.100	**5.000**

(Nguồn: Công ty cổ phần tư vấn môi trường Sài Gòn, 2024)

Ghi chú:

- *KPH: Không phát hiện.*
- *QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$*

Nhận xét: Theo kết quả bảng trên cho thấy hiện tại hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cơ sở vẫn đang hoạt động ổn định và mang lại hiệu quả cao, cụ thể nồng độ các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải sau xử lý đều thấp hơn giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt chuẩn xả thải thoát ra cống thu gom nước thải của KCN Long Đức tại vị trí đấu nối trên tuyến đường số 1 *(Phiếu kết quả thử nghiệm được đính kèm tại phụ lục).*

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Trong quá trình hoạt động, nguồn phát sinh bụi, khí thải tại cơ sở bao gồm:

- Mùi hôi từ hoạt động sản xuất.
- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị.
- Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

a. Mùi hôi từ hoạt động sản xuất

Hiện tại để giảm thiểu mùi hôi từ các hoạt động sản xuất (dán keo, hơ nhiệt, ép nhiệt) thì tại mỗi vị trí phát sinh đã lắp đặt 01 thiết bị xử lý mùi tại mỗi vị trí phát sinh. Tại cơ sở hiện có tổng cộng 37 thiết bị xử lý mùi (trong đó: 30 thiết bị có công suất 3 m^3/giờ và 07 thiết bị có công suất 130 m^3/giờ) phân bố trong khu vực xưởng sản xuất. Quy trình xử lý mùi tại cơ sở được thể hiện qua hình sau:

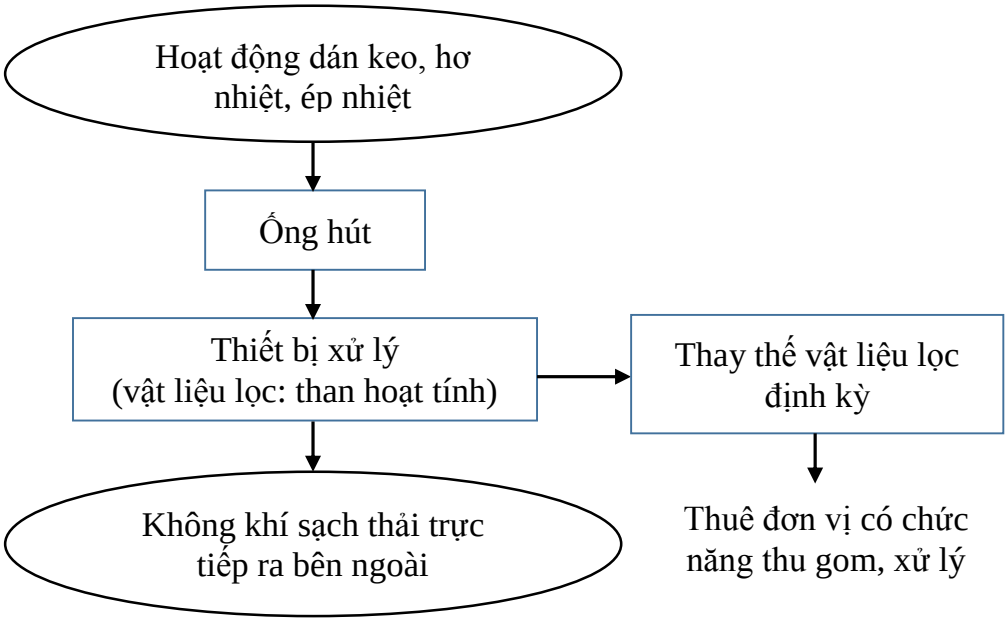

Hình 3.4. Quy trình xử lý mùi hôi tại cơ sở

Thuyết minh quy trình

Trong xưởng sản xuất của cơ sở, các công đoạn dán keo, hơ nhiệt, ép nhiệt sẽ được công nhân thực hiện trên từng máy móc riêng lẻ. Ứng với từng máy hoạt động sẽ lắp đặt một thiết bị xử lý mùi phát sinh với công suất lọc của mỗi thiết bị là 130m^3/giờ và 3m^3/giờ. Hoạt động xử lý này diễn ra như sau:

Phía trên khu vực thực hiện thao tác của mỗi công nhân có lắp đặt một ống bằng nhựa có chức năng hút không khí có chứa mùi phát sinh trong quá trình sản

xuất. Không khí thu được sẽ được dẫn về thiết bị xử lý được bố trí ngay phía dưới khu vực làm việc. Bên trong thiết bị là vật liệu lọc than hoạt tính có diện tích bề mặt từ 500 - 2.500m^2/g. Đây là một dạng của cacbon được xử lý để tạo ra những lỗ rỗng bé giúp làm tăng diện tích bề mặt bên trong. Diện tích bề mặt lớn sẽ tạo ra một lực hấp dẫn để hút các phân tử khác. Vì thế các hợp chất ô nhiễm có trong dòng khí sau khi đi qua lớp than hoạt tính sẽ được giữ lại, không khí sạch được thoát trực tiếp ra bên ngoài. Than hoạt tính được thay thế định kỳ 1 tuần/lần sau khi hấp thụ bão hòa và xử lý cùng với các chất thải nguy hại khác tại nhà máy.

Ngoài ra, tại cơ sở còn áp dụng một số biện pháp giảm thiểu mùi hôi, khí thải từ hoạt động sản xuất khác như sau:

- Nhà xưởng định kỳ mỗi ngày được công nhân vệ sinh quét dọn, đặc biệt là tại các khu vực có công nhân thao tác đông và tần suất cao.
- Số lượng nguyên, phụ liệu được tập kết theo kế hoạch sản xuất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác vệ sinh nhà xưởng cuối ngày làm việc.
- Bố trí quạt thông gió, máy lạnh trong nhà xưởng, văn phòng để giúp điều hòa không khí và tạo môi trường sạch, ít ô nhiễm cho nhà xưởng.
- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho công nhân viên nhà máy, nhất là những công nhân làm việc ở các khâu có nguy cơ gây ảnh hưởng đến sức khỏe cao như hơ nhiệt đầu nối, dán keo.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy để tạo cảnh quan xanh – sạch – đẹp, theo ghi nhận thì diện tích cây xanh trên toàn khuôn viên cơ sở là 20.929,53 m^2 chiếm 23,53 % diện tích nhà máy.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang.
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các thiết bị xử lý mùi, thay vật liệu lọc để xử lý tốt mùi hôi phát sinh.

b. Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị

Để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở, từ quá trình vận hành máy phát điện dự phòng thì tại cơ sở đã áp dụng một số giải pháp như sau:

- Đường nội bộ đã được xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ.
- Ban hành nội quy công ty, quy định khu vực dừng, đỗ cho tất cả các loại phương tiện ra vào cơ sở.
- Hàng năm công ty đều xây dựng kế hoạch sản xuất cho cơ sở sao cho phù hợp và thuận tiện trong xuất nhập hàng và hoạt động sản xuất.
- Các phương tiện vận tải của cơ sở như xe nâng đều đảm bảo an toàn kỹ thuật và môi trường; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của phương tiện và bảo dưỡng định kỳ đúng thời điểm.
- Quy định về việc tắt máy xe máy ở trước cổng, dẫn vào nhà xe để hạn chế tác động từ khí thải đến môi trường không khí khu vực cơ sở.

- Nhà máy phát điện được bố trí bên ngoài khu vực làm việc và có diện tích là 61,5m^2, có kết cấu: nền bê tông cốt thép, tường gạch và mái tole.

- Máy phát điện sử dụng đúng nhiên liệu khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Công ty đã bố trí nhân viên thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị tại cơ sở.

c. Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tại cơ sở đã áp dụng một số giải pháp giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, cụ thể như sau:

- Tính toán lượng hóa chất sử dụng vừa đủ, không dư thừa, nhất là hóa chất khử trùng (NaOCl).

- Không lưu trữ bùn thải quá lâu tại cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống XLNT để hạn chế phát sinh mùi hôi trong quá trình vận hành.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Tại cơ sở chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân (chủ yếu là giấy vệ sinh) và hoạt động của bếp ăn (bao gồm thức ăn thừa, vỏ rau củ, bao bì, chai nhựa, v.v) với tổng khối lượng khoảng 435 kg/ngày. Hiện tại các giải pháp thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện tại cơ sở như sau:

- Rác thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân: với khối lượng phát sinh khoảng 250 kg/ngày. Hiện tại chủ cơ sở đã bố trí các dụng cụ thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh, cụ thể:

  + Tại khu vực xưởng sản xuất: bố trí 25 thùng chứa nhựa dung tích 60L có nắp đậy để thu gom rác thải phát sinh.

  + Tại khu vực nhà vệ sinh: bố trí 120 sọt rác nhựa dung tích 20L để thu gom rác thải phát sinh.

  + Tại khu vực tập kết rác thải sinh hoạt chung: bố trí 06 thùng carton và 02 thùng sắt để lưu chứa rác thải sinh hoạt phát sinh.

  + Định kỳ cuối mỗi ca làm việc có nhân viên vệ sinh thu gom, vận chuyển rác thải về khu vực tập kết rác thải sinh hoạt chung tại cơ sở.

  + Chủ cơ sở đã hợp đồng với Chi nhánh Công ty cổ phần Bình Dương Tương lai xanh theo Hợp đồng nguyên tắc số 25-RSH/HĐ-KT/24 ngày 01/4/2024 để thu gom, vận chuyển khối lượng rác thải này ra khỏi cơ sở và xử lý theo đúng quy định với tần suất 01 lần/ngày *(Đính kèm hợp đồng tại phụ lục)*.

  + Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt chung tại cơ sở được bố trí riêng biệt bên trong kho chứa rác thải sản xuất thông thường với diện tích 5,8 m^2, xung quanh bao lưới kẽm với chiều cao 2,3m.

Hình 3.5. Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt chung tại cơ sở

- Rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực bếp ăn: với khối lượng phát sinh khoảng 185 kg/ngày. Chủ cơ sở đã bố trí 10 thùng chứa HDPE dung tích 240L có nắp đậy để thu gom rác thải phát sinh được bố trí tại khu vực nhà rác của canteen có diện tích 26 m^2. Định kỳ cuối ngày có nhân viên vệ sinh thu gom, vận chuyển rác thải tập kết tại khu vực phía trước cơ sở trên tuyến đường số 1. Chủ cơ sở đã hợp đồng với Công ty Cổ phần công trình đô thị Trà Vinh theo Hợp đồng vận chuyển rác sinh hoạt số 331/2024/CTĐT/HĐ-VCR ngày 02/01/2024 để thu gom, vận chuyển khối lượng rác thải này ra khỏi cơ sở và xử lý theo đúng quy định với tần suất 01 lần/ngày *(Đính kèm hợp đồng tại phụ lục)*.

- Cơ sở thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho công nhân. Ban hành nội quy làm việc tại cơ sở, khi phát hiện các trường hợp vi phạm về vứt rác không đúng quy định sẽ tùy theo mức độ mà có biện pháp xử lý phù hợp.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

❖ **Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất**

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở có thành phần chủ yếu là dây điện, vỏ dây điện, lõi băng keo, sản phẩm lỗi, thùng giấy carton, pallet hư hỏng,... với khối lượng khoảng 5.200 kg/ngày. Hiện tại cơ sở đã bố trí các dụng cụ thu gom khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh như sau:

- Tại khu vực xưởng sản xuất: bố trí 120 thùng nhựa dung tích 60L, 30 thùng nhựa dung tích 30L để thu gom rác thải phát sinh.

- Tại khu vực nhà kho: bố trí 30 thùng carton để thu gom rác thải phát sinh.

- Tại khu vực kho chứa rác thải sản xuất thông thường : bố trí 20 thùng nhựa dung tích 60L và 80 thùng carton để lưu chứa chất thải rắn từ hoạt động sản xuất. Kho chứa rác thải sản xuất thông thường có diện tích 233,24m^2, vách tường, mái lợp tole, vì kèo thép, nền bê tông xi măng.

- Tần suất thu gom rác thải trong nhà xưởng trung bình là 2 lần/ca tương đương 6 lần/ngày.đêm và tập kết về kho chứa rác thải sản xuất thông thường tại cơ sở và được công nhân phân loại theo mục đích xử lý. Cụ thể như sau:

+ Rác thải phát sinh từ hoạt động sản xuất có giá trị tái chế như lõi đồng, giấy, thùng carton, pallet nhựa … sẽ được thu gom riêng để bán cho đơn vị có nhu cầu.

+ Các loại rác thải như lõi keo, băng keo thừa, vỏ dây điện,… được chủ cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH MTV Cơ bản theo Hợp đồng mua bán phế liệu số 07.2024/HĐMB/FIRST-YEV ngày 01/4/2024 để thu gom và xử lý theo đúng quy định với tần xuất 01 lần/ngày theo lịch làm việc của cơ sở *(Đính kèm hợp đồng tại phụ lục)*.

❖ **Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải**

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 440 m^3/ngày.đêm và bể tách dầu mỡ căn tin tại cơ sở với khối lượng khoảng 87,4 tấn/tháng. Khối lượng bùn thải này sẽ được lưu chứa tại bể chứa bùn, bể tách dầu mỡ căn tin và chủ sơ sở hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Minh Huy theo hợp đồng số 01/2024/HĐKT-YZK ngày 01/3/2024 để thu gom và xử lý theo đúng quy định với tần suất 03 lần/tháng *(Đính kèm hợp đồng tại phụ lục)*.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Tại cơ sở chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động sản xuất, hoạt động sửa chữa, bảo trì các thiết bị, máy móc. Cụ thể như sau:

- Hoạt động bảo trì hệ thống điện: gây phát sinh bóng đèn led hư hỏng, đèn chiếu sáng ngoài trời.

- Hoạt động bảo trì thiết bị văn phòng: gây phát sinh hộp mực in, bo mạch điện tử có chứa chì.

- Hoạt động bảo trì thiết bị sản xuất: gây phát sinh dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt, thiết bị thải có linh kiện điện tử.

- Hoạt động sản xuất: gây phát sinh bao bì cứng chứa keo dán, giẻ lau dính keo, vật liệu lọc than hoạt tính của thiết bị xử lý mùi khâu dán keo, hơ nhiệt.

Theo số liệu thống kê thì khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở như sau:

Bảng 3.7: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Nguồn ô nhiễm	**Khối lượng phát sinh**	
	Kg/tháng	**Kg/năm**
Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	350	4200

Nguồn ô nhiễm	Khối lượng phát sinh	
	Kg/tháng	Kg/năm
Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử	50	600
Bóng đèn huỳnh quang thải	33	396
Dung dịch tẩy rửa có chứa thành phần nguy hại (acetone)	160	1920
Hộp mực in thải	45	540
Bao bì cứng thải bằng nhựa (nhiễm thành phần nguy hại)	64	768
Bao bì cứng thải bằng kim loại	53	636
Rác thải y tế	2	24
Chất kết dính, chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại	185	2220
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	22	264
Than hoạt tính thải	7	84
Tổng cộng	**971**	**11.652**

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, 2024)

Để giảm thiểu các tác động từ CTNH phát sinh thì hiện tại cơ sở đã áp dụng các giải pháp thu gom và quản lý khối lượng CTNH như sau:

- Bố trí 30 thùng chứa bằng nhựa dung tích 60L rải rác bên trong khu vực nhà xưởng để thu gom rác thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất; cuối ca làm việc sẽ có công nhân thu gom, vận chuyển về tập kết tại kho chứa CTNH.

- Đối với chất thải y tế phát sinh từ phòng y tế sẽ được thu gom và lưu trữ trong 01 thùng chứa rác có nắp đậy tại phòng y tế, bên trong có trang bị túi lót. Túi chất thải y tế này được thu gom và lưu trữ riêng biệt với các chất thải khác trong kho chứa chất thải nguy hại tại cơ sở.

- Tại kho chứa thì CTNH sẽ được phân loại và lưu trữ theo từng nhóm riêng biệt, mỗi nhóm được ngăn cách với nhau bởi vách tường xi măng và có xây dựng các gờ xi măng bên dưới để ngăn ngừa rò rỉ chất thải. Kho chứa CTNH tại cơ sở có diện tích 34,3 m^2 với kết cấu tường xây, mái tole, vì kèo thép, nền bê tông xi măng theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Môi trường Việt Xanh theo Hợp đồng dịch vụ số 010424JYEV/HĐDV/VX-YEV ngày 01/4/2024 để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT *(Đính kèm hợp đồng tại phụ lục)*.

- Trong quá trình hoạt động chủ cơ sở đã liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường lập sổ chủ nguồn thải CTNH và đã được cấp sổ với mã số 84.000095.T *(Đính kèm tại phụ lục)*.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Trong quá trình hoạt động tại cơ sở tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận chuyển, đi lại và máy phát điện dự phòng. Hiện tại một số biện pháp chống ồn hiệu quả được cơ sở áp dụng như sau:

- Máy móc sản xuất được sắp xếp một cách hợp lý, đảm bảo không gian làm việc và hạn chế sự cộng hưởng của tiếng ồn trong quá trình vận hành.

- Định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn máy móc, thiết bị để hạn chế tiếng ồn làm ảnh hưởng đến công nhân.

- Máy phát điện được bố trí ở khu vực riêng biệt, bên ngoài khu vực làm việc để hạn chế tác động khi máy vận hành. Máy phát điện được lưu trữ trong nhà có tường cao bao quanh, mái tole.

- Đối với phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm thì áp dụng các biện pháp sau:

  + Ban hành nội quy về vị trí đỗ xe, vận tốc xe khi ra vào cơ sở.
  + Sắp xếp lịch nhập nguyên liệu và xuất sản phẩm hợp lý để giảm thiểu tiếng ồn.
  + Phương tiện, máy móc của cơ sở phải được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Nguyên nhân xảy ra sự cố cháy nổ: sự cố hệ thống điện bên trong cơ sở, rò rỉ dầu tại khu vực lưu chứa, các thiết bị, máy móc bên trong cơ sở hoạt động quá công suất thiết kế.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Cơ sở đã trang bị các phương tiện ứng phó sự cố cháy nổ bên trong cơ sở như sau:

Bảng 3.8: Phương tiện ứng phó sự cố cháy nổ tại cơ sở

STT	Phương tiện chữa cháy	Đơn vị tính	Số lượng	Vị trí
1	Máy bơm chữa cháy chạy dầu	Chiếc	1	Bên trong cơ sở
2	Máy bơm chữa cháy chạy điện	Chiếc	2	Bên trong cơ sở
3	Bình bột chữa cháy MFZL8	Bình	85	Nhà xe, bảo vệ, nhà rác, canteen

STT	Phương tiện chữa cháy	Đơn vị tính	Số lượng	Vị trí
4	Bình khí CO_2 chữa cháy loại MT5	Bình	175	Toàn công ty (trừ nhà xe)
5	Bình chữa cháy MT35	Bình	11	Nhà xe, bồn dầu
6	Bình khí CO_2 chữa cháy loại MT24	Bình	1	Phòng điện
7	Bình bọt FOAM 9 lít	Bình	25	Nhà xe
8	Hệ thống báo cháy (Zone)	Zone	37	Toàn công ty
9	Trụ nước chữa cháy	Trụ	33	Toàn công ty
10	Bình cầu chữa cháy bột tự động	Bình	12	Kho gas
11	Đèn exit	Cái	86	Toàn công ty
12	Đèn emergency	Cái	174	Toàn công ty
13	Cát	M^3	2	Bồn dầu
14	Xẻng	Cái	4	Bồn dầu
15	Trung tâm báo cháy	Hệ thống	2	Văn phòng, bảo vệ
16	Tổ hợp nút báo cháy	Nút	49	Toàn công ty
17	Đầu báo cháy (khói-nhiệt)	Cái	432	Toàn công ty
18	Đầu báo cháy beam	Cái	19	Nhà xe, kho
19	Bể chứa nước chữa cháy	M^3	605	Bên trong cơ sở
20	Bảng nội quy, quy định	Cái	96	Toàn công ty
21	Tủ phòng cháy chữa cháy	Cái	32	Toàn công ty

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, 2024)

- Cơ sở đã bố trí lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố cháy nổ bên trong cơ sở, cụ thể: số lượng đội viên là 120 người đều được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH. Tổ chức thường trực chữa cháy tại cơ sở như sau:

  + Số người thường trực trong giờ làm việc được chia đều cho các ca, bao gồm: Từ 6h00 – 14h00: gồm 28 người; Từ 14h-22h; 28 người, Từ 22h00 – 6h00: gồm 28 người; Từ 8h00 – 17h00: gồm 36 người.

+ Số người thường trực ngoài giờ làm việc do đội ứng phó bảo vệ đảm nhiệm, bao gồm: ngày thường ca ngày là 12 người và ca đêm là 06 người; ngày lễ ca ngày là 05 người và ca đêm là 05 người.

- Phương thức thông báo, báo động khi phát hiện sự cố: Báo động bởi cảm biến, bấm chuông báo cháy và hô hoán báo động, dùng bình chữa cháy xách tay gần khu vực để dập lửa. Sau khi nhận được tin báo cháy thì chủ cơ sở và tất cả thành viên trong đội ứng cứu PCCC tiến hành thực hiện các giải pháp ứng phó với sự cố. Sau khi đám cháy được dập tắt thì tiến hành kiểm tra hiện trường, xác định nguyên nhân xảy ra sự cố và thực hiện các giải pháp phòng ngừa, khắc phục phù hợp.

- Ngoài ra, để phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ có thể xảy ra, chủ cơ sở còn áp dụng các biện pháp sau:

+ Cơ sở đã được cơ quan chức năng phê duyệt phương án PCCC *(Đính kèm tại phụ lục).*

+ Ban hành nội quy: cấm hút thuốc hoặc sử dụng các thiết bị có phát sinh tia lửa trong nhà xưởng, nhà kho. Đặt biển cảnh báo dễ xảy ra cháy nổ và cấm hút thuốc ở những khu vực có nguy cơ cháy nổ cao như kho nhiên liệu. Khi phát hiện công nhân sai phạm sẽ thực hiện kỷ luật theo nội quy công ty.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống điện, kiểm tra hoạt động của trạm biến áp để phòng tránh sự cố chập điện, cháy, nổ.

+ Bố trí công nhân trực và thường xuyên kiểm tra các kho chứa nguyên vật liệu, sản phẩm, nhiên liệu dễ cháy.

+ Hóa chất được bảo quản trong thiết bị làm lạnh, đảm bảo kín tránh tiếp xúc trực tiếp với mặt sàn.

+ Thu gom sạch sẽ những vật liệu dễ cháy và lưu trữ trong kho chứa theo đúng quy định.

+ Sắp xếp, bố trí máy móc, các nguyên vật liệu, thành phẩm trong kho, xưởng sản xuất gọn gàng, đảm bảo khoảng cách an toàn.

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

- Nguyên nhân xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất: rò rỉ trong quá trình lưu chứa, tràn đổ trong quá trình bơm chiết nội bộ.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất: Cơ sở đã trang bị các phương tiện ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất bên trong cơ sở như sau:

Bảng 3.9: Phương tiện ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại cơ sở

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Nơi bố trí
1	Bình chữa cháy	18	Bình	Bể XLNT; nhà bảo vệ số 3, số 4; bồn dầu; nhà rác, phòng điện, phòng máy nén; kho gas

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Nơi bố trí
2	Cát chống tràn đổ	2	m^3	Bể xử lý nước thải, bồn dầu
3	Giẻ lau	4	kg	
4	Dây cảnh báo	4	Cuộn	
5	Mặt nạ phòng độc	12	Cái	
6	Mắt kính trắng chống hóa chất văng bắn	12	Cái	
7	Găng tay cao su	20	Đôi	
8	Ủng	12	Đôi	
9	Tạp dề chống hóa chất	4	Cái	
10	Chuông báo động	2	Cái	
11	Biển cảnh báo	4	Cái	
12	Xẻng xúc cát	4	cái	Bồn dầu
13	Cảnh báo rò rỉ khí gas	1	Hệ thống	Canteen

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, 2024)

- Cơ sở đã bố trí lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất bên trong cơ sở, cụ thể: số lượng lực lượng tại công ty là 12 người, số lượng lực lượng của bộ phận bảo vệ là 05 người và bộ phận nhà thầu canteen được huấn luyện về kỹ thuật vận hành an toàn hệ thống gas và huấn luyện về PCCC.

Phương thức thông báo, báo động khi phát hiện sự cố: Hệ thống báo nguy hiểm, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp. Đối với tình huống tràn đổ hóa chất tại khu vực xử lý nước thải, vị trí trực của bảo vệ ngay cạnh khu vực phát sinh nên có thể nhận diện và xử lý tình huống ngay lập tức.

- Ngoài ra, để phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất có thể xảy ra, chủ cơ sở còn áp dụng các biện pháp sau:

+ Trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC trong khu vực lưu chứa.

+ Hóa chất được nhập về với số lượng vừa đủ theo yêu cầu sản xuất, không lưu trữ quá nhiều tại kho chứa.

+ Hóa chất được chứa trong các thiết bị đảm bảo kín, không rò rỉ. Hiện tại các thiết bị chứa hóa chất được đặt trên pallet gỗ, kệ tránh tiếp xúc trực tiếp với mặt sàn để kịp thời phát hiện khi xảy ra rò rỉ hóa chất, chủ cơ sở dự kiến tháng 10/2024 sẽ bố trí thêm các thiết bị chống tràn đổ hóa chất để đảm bảo quá trình lưu chứa hóa chất được an toàn, hiệu quả.

+ Phổ biến các kiến thức về an toàn phòng chống cháy nổ và biện pháp xử lý sự cố khi xảy ra sự cố tràn đổ hóa chất cho công nhân viên cơ sở.

+ Các đường dây dẫn điện trong kho chứa phải đảm bảo an toàn và được kiểm tra thường xuyên để tránh sự cố rò rỉ làm phát sinh tia lửa điện, nhiệt.

+ Bố trí công nhân trực hoặc thường xuyên kiểm tra kho chứa để phát hiện kịp thời khi có sự cố rò rỉ hóa chất xảy ra.

+ Nghiêm cấm công nhân hút thuốc tại khu vực chứa hóa chất.

c. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Tuyên truyền, giáo dục ý thức tuân thủ các biện pháp về an toàn lao động cho toàn thể cán bộ, công nhân của cơ sở.

- Máy móc được kiểm tra, bảo trì định kỳ, đảm bảo an toàn trong lúc vận hành.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Trang bị các thiết bị sơ, cấp cứu tại phòng y tế của nhà xưởng, bố trí các tủ thuốc y tế và băng ca trong khuôn viên nhà xưởng để kịp thời xử lý nếu xảy ra tai nạn lao động.

- Tập huấn công tác an toàn lao động, đào tạo quy trình vận hành máy móc cho công nhân.

- Sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để công nhân có đủ thời gian nghỉ ngơi và khôi phục sức khỏe, hạn chế nguy cơ về tai nạn lao động.

- Người quản lý thường xuyên kiểm tra công nhân làm việc tại cơ sở để nhắc nhở kịp thời nếu có công nhân thực hiện sai thao tác, tránh các sự cố gây thương tích cho công nhân.

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân tại cơ sở mỗi năm 01 lần.

d. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Hợp đồng với đơn vị bếp ăn có uy tín trong khu vực, thường xuyên giám sát, kiểm tra quá trình chế biến thức ăn nhằm đảm bảo điều kiện vệ sinh và phòng ngừa các sự cố về ngộ độc thực phẩm, đảm bảo lựa chọn nguyên liệu chế biến thức ăn sạch và có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, không lưu trữ lâu ngày, bếp ăn được kiểm tra và chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nhân viên nhà ăn phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về giữ gìn vệ sinh, đảm bảo an toàn thực phẩm khi thực hiện chế biến, bảo quản thức ăn tại nhà ăn.

- Trang bị thùng chứa rác để thu gom rác thải phát sinh trong quá trình chế biến thực phẩm.

- Bố trí nhân viên thu dọn rác thải và vệ sinh nhà ăn sạch sẽ sau mỗi bữa ăn của công nhân.

- Nhân viên làm việc trong nhà ăn phải được tập huấn, bổ trợ kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm tra sức khỏe định kỳ.

- Tổ chức bếp ăn một cách khoa học, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về an toàn vệ sinh thực phẩm.

e. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố khi vận hành hệ thống XLNT

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Kiểm tra, bảo trì định kỳ các đường ống, thiết bị hỗ trợ xử lý nước thải, để hệ thống hoạt động hiệu quả.

- Trang bị dự phòng các máy móc, thiết bị phục vụ cho hệ thống XLNT để kịp thời thay thế khi có sự cố xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống để kịp thời phát hiện sự cố phát sinh và có hướng giải quyết phù hợp.

- Công nhân vận hành tuân thủ nghiêm các quy tắc trong vận hành hệ thống XLNT.

- Định kỳ thuê đơn vị có chức năng xử lý bùn thải, không lưu chứa quá nhiều.

- Trong quá trình vận hành, khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống XLNT thì tại cơ sở sẽ thực hiện các phương pháp ứng phó như sau:

  + Đóng van xả nước từ các bể xử lý nước thải về bể có phát sinh sự cố;

  + Nhanh chóng kiểm tra, xác định nguyên nhân xảy ra sự cố;

  + Khắc phục sự cố: thay thế máy móc hư hỏng bằng thiết bị dự phòng đã trang bị tại cơ sở.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Tính đến trước thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường thì cơ sở đã được cấp Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể:

- Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh".

- Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh".

Hiện tại, cơ sở đang hoạt động với quy mô, công suất đúng theo nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt theo Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 30/12/2019. Tuy nhiên, có một số nội dung thay

đổi nhưng không làm ảnh hưởng đến quy mô, công suất và chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, cụ thể như sau:

Bảng 3.10: Những nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Nội dung thay đổi	Theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM	Tại thời điểm lập BCĐX cấp GPMT
1	Tên cơ sở	Theo Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh thì tên cơ sở là "**Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh**". Theo Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh thì tên cơ sở là "**Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh**".	Tên cơ sở là "**Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh**" *Nguyên nhân thay đổi:* Theo Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh thì cơ sở hoạt động với công suất sản xuất là 2.566.800 bộ dây dẫn/năm. Theo Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh thì cơ sở hoạt động với công suất sản xuất là 5.000.000 bộ dây dẫn/năm. Hiện tại, cơ sở đã thực hiện xong quá trình nâng công suất và hoạt động ổn định với công suất là 5.000.000 bộ dân dẫn/năm. Vì vậy, để thống nhất và tinh gọn tên gọi của cơ sở thì chủ cơ sở quyết định sử dụng tên gọi của cơ sở trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là "Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh"

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, 2024)

CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải

Cơ sở có 02 nguồn phát sinh nước thải, bao gồm:

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.
- Nước thải từ hoạt động của khu vực bếp ăn.

b. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa là 440 m^3/ngày.đêm.

c. Dòng nước thải

Một (01) dòng nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý theo đường cống BTCT Ø300 thoát ra nguồn tiếp nhận là cống thu gom nước thải của KCN Long Đức.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý tại cơ sở như sau:

Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$
1	pH	-	**5,5-9**
2	BOD_5 (20^oC)	mg/L	50
3	COD	mg/L	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10
6	Sunfua	mg/L	0,5
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
8	Tổng nitơ	mg/L	40
9	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	6
10	Coliform	Vi khuẩn/100mL	5.000

(Nguồn: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$)

e. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý tại cơ sở sẽ được xả thải ra cống thu gom nước thải của KCN Long Đức tại vị trí có tọa độ X(m): 1103333 và Y(m): 592197 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0$30, múi chiếu 3^0) trên đường số 1, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý tại cơ sở được xả thải ra cống thu gom nước thải của KCN Long Đức theo phương thức tự chảy, xả ngầm trong cống.

- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày.đêm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thu gom nước thải của KCN Long Đức, sau đó dẫn về hệ thống XLNT tập trung của KCN Long Đức.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: từ quá trình hoạt động của phương tiện giao thông của công nhân và phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm ra vào cơ sở.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn: khu vực cổng 2 và cổng 3 của cơ sở có tọa độ như sau:

  + Khu vực cổng 2: X(m): 1103231; Y(m): 592265 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0$30', múi chiếu 3^0), tại KCN Long Đức, ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

  + Khu vực cổng 3: X(m): 1103316; Y(m): 592195 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0$30', múi chiếu 3^0), tại KCN Long Đức, ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn như sau:

Bảng 4.2: Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép

Stt	Khu vực	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 26:2010/BTNMT	
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực thông thường	dBA	70	55

(Nguồn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn)

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Trong năm 2022 và năm 2023, tại cơ sở đã thực hiện quan trắc môi trường nước thải định kỳ theo đúng quy định tại Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh", cụ thể:

- Thời gian quan trắc:
  + Thời gian quan trắc trong năm 2022:
    - Đợt 01: Ngày 30/3/2022.
    - Đợt 02: Ngày 09/6/2022.
    - Đợt 03: Ngày 16/9/2022.
    - Đợt 04: Ngày 08/12/2022.
  + Thời gian quan trắc trong năm 2023:
    - Đợt 01: Ngày 25/3/2023.
    - Đợt 02: Ngày 08/6/2023.
    - Đợt 03: Ngày 09/9/2023.
    - Đợt 04: Ngày 01/12/2023.
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.
- Vị trí điểm quan trắc: nước thải sau xử lý tại hố ga đấu nối vào hệ thống cống thu gom nước thải của KCN Long Đức.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 04 mẫu/năm (01 mẫu/đợt).
- Chỉ tiêu quan trắc: pH, SS, BOD_5, COD, Sunfua, Amoni, Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$.

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải trong năm 2022 và năm 2023 tại cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải trong năm 2022 và năm 2023 tại cơ sở

Stt	Đợt quan trắc	pH	SS	BOD_5	COD	Sunfua	Amoni	Tổng Nitơ	Tổng Phốt pho	Tổng dầu mỡ khoáng	Coliforms
		-	*mg/l*	*mg/l*	*mg/l*	*mg/l*	*mg/l*	*mg/l*	*mg/l*	*mg/l*	*MPN/100ml*
I	**Năm 2022**										
1	Đợt 01	7,58	48	**78**	138	KPH	**10,09**	25,22	2,26	KPH	**KPH**
2	Đợt 02	7,07	17,5	15	22	KPH	2,8	16,25	0,94	2,2	**24.000**
3	Đợt 03	6,96	31	25	42	KPH	3,92	10,09	0,85	KPH	**KPH**
4	Đợt 04	7,11	16,5	11	20	KPH	KPH	6,72	0,95	1,4	**KPH**
II	**Năm 2023**										
1	Đợt 01	7,17	8	14	30	KPH	KPH	4,38	0,62	KPH	270
2	Đợt 02	6,77	11	18	35	KPH	<1,5	7,36	0,82	KPH	640
3	Đợt 03	7,58	23	25	54	KPH	KPH	8,31	1,49	KPH	750
4	Đợt 04	6,88	30	27	60	KPH	1,87	5,36	1,43	KPH	640
QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q = K_f = 1,0$		**5,5-9**	**100**	**50**	**150**	**0,5**	**10**	**40**	**6**	**10**	**5.000**

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 và năm 2023 của cơ sở Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh)

❖ **Nhận xét:**

Theo kết quả phân tích mẫu nước thải qua các đợt quan trắc định kỳ năm 2022 và 2023 của cơ sở thì có thể đánh giá hệ thống XLNT tại cơ sở như sau:

- Năm 2022, hệ thống XLNT tại cơ sở gặp sự cố tại các bể xử lý sinh học nên chất lượng nước thải đầu ra có một số chỉ tiêu chưa đảm bảo đạt chuẩn xả thải ra nguồn tiếp nhận. Tuy nhiên, cơ sở đã phát hiện và khắc phục sự cố kịp thời, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định trở lại và hiệu quả xử lý cao.

- Năm 2023, hệ thống XLNT tại cơ sở đang hoạt động ổn định và mang lại hiệu quả cao, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$ trước khi thoát ra cống thu gom nước thải của KCN Long Đức.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Trong năm 2022 và năm 2023, tại cơ sở đã thực hiện quan trắc môi trường không khí định kỳ theo đúng quy định tại Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh", cụ thể:

- Thời gian quan trắc:
  + Thời gian quan trắc trong năm 2022:
    - Đợt 01: Ngày 30/3/2022.
    - Đợt 02: Ngày 09/6/2022.
    - Đợt 03: Ngày 16/9/2022.
    - Đợt 04: Ngày 08/12/2022.
  + Thời gian quan trắc trong năm 2023:
    - Đợt 01: Ngày 25/3/2023.
    - Đợt 02: Ngày 08/6/2023.
    - Đợt 03: Ngày 09/9/2023.
    - Đợt 04: Ngày 01/12/2023.
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.
- Vị trí điểm quan trắc:
  + 02 mẫu bên trong khu vực sản xuất.
  + 01 mẫu bên trong kho nguyên liệu.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 12 mẫu/năm (03 mẫu/đợt).
- Chỉ tiêu quan trắc: tiếng ồn, bụi toàn phần, SO_2, NO_2, CO, H_2S, NH_3, Cu (hơi, khói), Acetone.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:
  + QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
+ QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí bên trong cơ sở trong năm 2022 và năm 2023 tại cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.2: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí bên trong cơ sở trong năm 2022 và năm 2023 tại cơ sở

Stt	Đợt quan trắc	Ký hiệu mẫu	Tiếng ồn	Bụi toàn phần	SO_2	NO_2	CO	H_2S	NH_3	Cu (hơi, khói)	Acetone
			dBA	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*
I	**Năm 2022**										
1	Đợt 01	KK1	80,1	68	95,55	17,12	4.436	KPH	KPH	3,25	KPH
		KK2	75,4	68	91,3	23,17	4.194	KPH	KPH	3,99	KPH
		KK3	83,4	57	103,14	28,27	4.472	KPH	KPH	2,25	KPH
2	Đợt 02	KK1	75,2	90	105,39	11,33	4.855	KPH	KPH	2,79	KPH
		KK2	79,3	50	91,57	19,33	5.109	KPH	KPH	4,58	KPH
		KK3	67,2	120	102,49	15,76	5.387	KPH	KPH	4,21	KPH
3	Đợt 03	KK1	69,5	240	84,4	18,71	5.355	20,08	124,34	2,31	KPH
		KK2	70,2	170	86,22	17,08	5.116	12,74	82,16	1,37	KPH
		KK3	67,0	150	86,09	17,69	4.658	16,94	31,81	1,29	KPH
4	Đợt 04	KK1	66,3	25	72,81	13,18	4.603	5,37	66,61	1,37	KPH
		KK2	67,5	31	74,42	16,46	4.144	4,93	65,05	5,36	KPH
		KK3	68,4	26	73,84	15,45	3.925	4,49	28,01	3,93	KPH
II	**Năm 2023**										
1	Đợt 01	KK1	71,2	178	76	71	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH

Stt	Đợt quan trắc	Ký hiệu mẫu	Tiếng ồn	Bụi toàn phần	SO_2	NO_2	CO	H_2S	NH_3	Cu (hơi, khói)	Acetone
			dBA	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*	*µg/m³*
		KK2	76,8	203	84	75	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH
		KK3	68,8	185	68	59	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH
2	Đợt 02	KK1	68,5	146	74	69	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH
		KK2	70,1	239	86	72	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH
		KK3	66,5	162	65	57	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH
3	Đợt 03	KK1	74,3	154	76	71	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH
		KK2	72,1	221	82	74	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH
		KK3	68,2	193	60	55	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH
4	Đợt 04	KK1	69,0	115	74	69	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH
		KK2	69,3	153	80	71	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH
		KK3	67,1	138	62	53	<10.000	KPH	<45	KPH	KPH
QCVN 24:2016/BYT			**85**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
QCVN 02:2019/BYT			**-**	**8.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
QCVN 03:2019/BYT			**-**	**-**	**5.000**	**5.000**	**20.000**	**10.000**	**17.000**	**100**	**200.000**

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 và năm 2023 của cơ sở Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh)

❖ **Nhận xét:**

Theo kết quả phân tích môi trường không khí và tiếng ồn khu vực bên trong cơ sở qua các đợt quan trắc định kỳ năm 2022 và 2023 của cơ sở thì có thể đánh giá chất lượng môi trường không khí tại cơ sở như sau:

- Năm 2022, chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn bên trong cơ sở là khá tốt, tất cả các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy định hiện hành.

- Năm 2023, chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn bên trong cơ sở là khá tốt, tất cả các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Trong quá trình hoạt động cơ sở đã đầu tư xây dựng và vận hành công trình hệ thống XLNT tập trung công suất 440m^3/ngày.đêm. Hiện tại hệ thống này vẫn đang hoạt động ổn định và mang lại hiệu quả cao, chất lượng nước thải đầu ra đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$ trước khi xả thải ra cống thu gom nước thải của KCN Long Đức. Bên cạnh đó, hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 440 m^3/ngày.đêm của cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 10/GXN-STNMT ngày 30/3/2017. Vì vậy, chủ cơ sở đề xuất không thực hiện vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý nước thải hiện hữu tại cơ sở.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

Căn cứ theo Khoản 2, Điều 106, Luật BVMT; Khoản 2, Điều 97 và Khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì cơ sở **không thuộc** đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải và khí thải.

Bên cạnh đó, chủ cơ sở đã ký hợp đồng dịch vụ bảo dưỡng hệ thống thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 440 m^3/ngày số NCEV-M20240201/YZK ngày 01/02/2024 với Công ty TNHH thiết bị hóa chất Nakagawa Việt Nam, theo đó tại cơ sở sẽ thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị xử lý nước thải tập trung và lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải sau xử lý với tần suất 01 tháng/lần với các chỉ tiêu BOD, COD, SS, tổng Nitơ, Amoni, tổng Phospho, Coliform, Clo dư *(Đính kèm hợp đồng tại phụ lục).*

❖ **Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH**

- Thống kê, theo dõi chất thải rắn thông thường và CTNH phát sinh về khối lượng, công tác thu gom tại khu vực cơ sở và công tác thu gom của đơn vị ký hợp đồng xử lý.

- Tổng hợp kết quả và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 01 năm/lần.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của cơ sở.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2022 và năm 2023, cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 20/5/2024, cơ sở có tiếp đón Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Chi nhánh Công ty TNHH YAZAKI EDS Việt Nam tại Trà Vinh. Từ kết quả thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu chủ cơ sở thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện nội dung quan trắc, giám sát môi trường định kỳ theo quy định.

Khẩn trương lập thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện việc thu gom, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng quy định.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đúng quy trình trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Đối với các thùng chứa hóa chất đã sử dụng: Đề nghị Chi nhánh Công ty thỏa thuận với đơn vị cung cấp hóa chất để thu gom và xử lý theo đúng quy định và có báo cáo cụ thể gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét.

- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường đề nghị Chi nhánh Công ty thực hiện việc khắc phục và báo cáo đến cơ quan nhà nước về môi trường và chính quyền địa phương để kiểm tra, giám sát; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường do sự cố Chi nhánh Công ty gây ra theo nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).

Theo đó, chủ cơ sở đã gửi Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau kết luận thanh tra môi trường ngày 17/6/2024 như sau:

- Trong thời gian còn thực hiện giám sát môi trường, công ty liên lạc nhà thầu thực hiện quan trắc sớm, đảm bảo có kết quả quý II chậm nhất đến ngày 30/6, quý III chậm nhất đến ngày 30/9, quý IV chậm nhất đến ngày 30/12. Hiện tại công ty đã quan trắc quý II vào ngày 07/6/2024.

- Lập giấy phép môi trường: Vào ngày 03/6/2024 Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Địa chất và Môi trường Đất Việt để lập giấy phép môi trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và lưu giữ trong khu vực riêng biệt đảm bảo đúng quy định.

- Thùng chứa hóa chất đã sử dụng tại khu vực XLNT: vào ngày 5/6/2024, Công ty tiến hành gửi công văn số 17/2024/YEV-TV đến Sở Công thương để xin thay đổi điều chỉnh cách thức quản lý các thùng hóa chất tại khu vực xử lý nước thải; Thùng chứa hóa chất dung tích mỗi thùng 20kg sang bể chứa 1.000 lít đối với các

hóa chất Methanol (CH_3OH), Sodium Hydroxyde (NaOH), Sodium Hypochloride (NaClO). Đồng thời Công ty cũng được Sở Công thương phúc đáp công văn số 971/SCT-QLCN ngày 07/6/2024 về việc đồng ý phương án thay đổi cách thức quản lý, lưu trữ hóa chất.

CHƯƠNG VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở cam kết tính chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

- Chủ cơ sở sẽ nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở sau khi được phê duyệt; đảm bảo tuân thủ theo các quy định của nhà nước về môi trường.

- Chủ cơ sở cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý ô nhiễm và các tác động xấu như đã nêu trong báo cáo này, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường. Đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định chung của các ngành, các cấp có thẩm quyền về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình triển khai, thực hiện cơ sở, đặc biệt luôn có kế hoạch quản lý, giám sát thường xuyên các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường như đã nêu trong báo cáo.

- Chủ cơ sở cam kết đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống XLNT tập trung của cơ sở đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, hệ số $K_q = K_f = 1,0$ trước khi thoát ra cống thu gom nước thải của KCN Long Đức.

- Cam kết chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng quy định trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra mà xác định nguyên nhân là do quá trình hoạt động của cơ sở.

- Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ
PHỤ LỤC II: BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN KÈM THEO

PHỤ LỤC I

MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

PHỤ LỤC II

BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN KÈM THEO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH

Mã số chi nhánh: 3700230036-002

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 10 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 16 tháng 11 năm 2020

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: TRA VINH BRANCH OF YAZAKI EDS VIETNAM CO., LTD.

Tên chi nhánh viết tắt: YEV-TV

2. Địa chỉ:

Lô C và H, đường số 1 và số 5, KCN Long Đức, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: *84 74 3746846* Fax: *84 74 3746846*

Email: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: *TANIZAWA WATARU* Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *18/02/1971* Dân tộc: Quốc tịch: *Nhật Bản*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: *TS2983845*

Ngày cấp: *15/03/2019* Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Nhật Bản*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *427 Kitaterajimacho, Naka, Hamamatsu, Shizuoka, Nhật Bản*

Chỗ ở hiện tại: *PG1-12B thuộc khu Vincom Shophouse Trà Vinh, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 3700230036

Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Hoàng Đệ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 210 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 20 tháng 02 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 01-2014/MTTV ngày 23/01/2014 của Công ty TNHH Yazaki EDS Việt Nam;

Xét Tờ trình số 55/TTr-STNMT ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh" và Biên bản họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 03/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh" do Công ty TNHH Yazaki EDS Việt Nam làm chủ đầu tư, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.1. Tổng diện tích xây dựng dự án: 88.954,5 m^2.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Khu Công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

1.3. Chức năng của dự án: Sản xuất bộ dây dẫn điện xe ô tô với công suất thiết kế chia thành 02 giai đoạn:

Yazaki EDS Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Chánh VP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng NCNN. Thắng

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2705/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 30 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh" họp ngày 16/7/2019;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh" đã được bổ sung, chỉnh sửa gửi kèm Văn bản số 35/2019-YEVTV ngày 05/12/2019 của Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki EDS Việt Nam tại Trà Vinh;

Xét Tờ trình số 702/TTr-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh",

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh" *(sau đây gọi là Dự án)* của Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki EDS Việt Nam tại Trà Vinh *(sau đây gọi là Chủ dự án)* thực hiện tại Lô C & H, đường số 1 và số 5, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng; Ban Quản lý khu kinh tế Trà Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki EDS Việt Nam tại Trà Vinh căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNN. 10

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "NÂNG CÔNG SUẤT NHÀ MÁY YAZAKI TẠI TRÀ VINH"

(Kèm theo Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Thông tin về dự án

- Tên Dự án: Nâng công suất nhà máy Yazaki tại Trà Vinh.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Lô C & H, đường số 1 và số 5, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Chủ dự án: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki EDS Việt Nam tại Trà Vinh, địa chỉ: Lô C & H, đường số 1 và số 5, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Quy mô, hạng mục công trình chính của Dự án: Tổng diện tích Dự án là 88.954,5m^2; công suất 5.000.000 bộ dây dẫn/năm.

- Loại hình Dự án: Sản xuất bộ dây dẫn điện xe ôtô (Chi tiết quy mô các hạng mục được trình bày theo báo cáo ĐTM đính kèm).

II. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

A. Giai đoạn triển khai xây dựng

1. Các tác động môi trường chính của Dự án: Chủ yếu bao gồm: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thông thường (chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt); chất thải nguy hại (CTNH); bụi và khí thải (phương tiện vận chuyển, lắp đặt máy móc, thiết bị); tiếng ồn; độ rung; an toàn giao thông; kinh tế - xã hội và các rủi ro, sự cố.

2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.1. Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên mặt đường nhựa, không liên tục, ít ô nhiễm nên không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khi thải vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nước thải sinh hoạt: Chủ yếu do quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng, lưu lượng khoảng 1,92 m^3/ngày. Thành phần gồm chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, nồng độ chất hữu cơ cao, các chất cặn bã, các chất hữu cơ hòa tan (thông qua các chỉ tiêu BOD_5, COD), các chất dinh dưỡng (nitơ, phốt pho) và vi sinh vật.

3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Chủ yếu từ phương tiện vận chuyển các máy móc, thiết bị về Dự án; phát sinh bụi từ quá trình lắp đặt, bố trí máy móc, thiết bị trong nhà xưởng.

4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

4.1. Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị với khối lượng khoảng 500-700kg pallet gỗ, 10kg dây điện và thiết bị nhựa.

4.2. Chất thải rắn sinh hoạt: Thành phần bao gồm các loại bao bì, vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa...; phát sinh tại khu vực thi công với khối lượng khoảng 20kg/ngày.

5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH): Chủ yếu phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo trì máy móc, thiết bị tại Dự án (dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, que hàn, xỉ hàn,...). Tổng khối lượng phát sinh trong cả giai đoạn xây dựng khoảng 05 kg.

6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng

6.1. ***Về thu gom và xử lý nước thải***

6.1.1. Nước mưa chảy tràn: Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn phát sinh trong quá trình thi công như sau:

- Thiết bị, máy móc vận chuyển về nhà máy được đặt ở khu vực có mái che hoặc có biện pháp che chắn khi có mưa để tránh làm nhiễm bẩn dầu nhớt vào nước mưa.

- Thường xuyên quét dọn, giữ gìn vệ sinh sân đường sạch sẽ.

6.1.2. Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ công nhân xây dựng được thu gom, xử lý cùng với nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn của nhà máy hiện hữu.

6.2. Về xử lý bụi, khí thải: Vệ sinh nhà xưởng sạch sẽ để tránh gây phát sinh bụi khi thi công; có kế hoạch vận chuyển máy móc, thiết bị đến nhà máy phù hợp để hạn chế tập trung nhiều phương tiện tại khu vực nhà máy; giám sát, nhắc nhở công nhân sử dụng các dụng cụ bảo hộ lao động khi làm việc.

6.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

6.3.1. Rác thải sinh hoạt: Thu gom hàng ngày cùng với rác thải sinh hoạt tại nhà máy hiện hữu và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng xử lý đúng quy định.

6.3.2. Chất thải rắn xây dựng: Thu gom, lưu chứa trong kho chứa chất thải rắn thông thường hiện hữu của nhà máy và hợp đồng xử lý cùng với rác thải thông thường phát sinh tại nhà máy.

6.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH: Thu gom, lưu giữ trong kho chứa CTNH hiện hữu và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

6.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn: Có kế hoạch hợp lý trong vận chuyển máy móc, thiết bị, tránh tập trung nhiều phương tiện vận chuyển gây tiếng ồn, cản trở giao thông và khó khăn trong quá trình sắp xếp máy móc, thiết bị tại nhà máy, sử dụng các máy móc hỗ trợ như xe nâng để di chuyển máy móc, thiết bị vào xưởng lắp đặt; có kế hoạch bố trí từng máy để có biện pháp vận chuyển phù hợp, tránh kéo dài thời gian bố trí, lắp đặt; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như nút tai chống ồn.

B. Giai đoạn Dự án đi vào hoạt động

1. Các tác động môi trường chính của dự án: Chủ yếu bao gồm: nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thông thường (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải sản xuất); CTNH; bụi và khí thải; tiếng ồn; kinh tế - xã hội và các rủi ro, sự cố.

2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động vệ sinh của công nhân và hoạt động của bếp ăn với lưu lượng tối đa 309,184 m^3/ngày; thành phần gồm nhiều chất lơ lửng, dầu mỡ, nồng độ chất hữu cơ cao, các chất cặn bã, các chất hữu cơ hòa tan (thông qua các chỉ tiêu BOD_5, COD), các chất dinh dưỡng (nitơ, phốt pho) và vi sinh vật.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên mặt đường nhựa, không liên tục, ít ô nhiễm nên không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khi thải vào nguồn tiếp nhận.

3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải và mùi: Chủ yếu phát sinh từ phương tiện giao thông; máy phát điện dự phòng; hoạt động dán keo, ép nhiệt; thành phần chủ yếu là bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu (CO, NO_x, SO_x,...); mùi đặc trưng từ hệ thống xử lý nước thải.

4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ nhà ăn và hoạt động sinh hoạt của công nhân, thành phần bao gồm các loại bao bì, vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa, ...với khối lượng tối đa 12.791,2 kg/tháng.

- Chất thải sản xuất: Chủ yếu là chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất như: dây điện, vỏ dây điện, lõi băng keo với khối lượng khoảng 13.765,58 kg/tháng. Ngoài ra, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh với khối lượng khoảng 111,2 m^3/tháng.

5. Quy mô, tính chất của CTNH: Phát sinh từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị, hệ thống điện chiếu sáng. Thành phần chủ yếu như: dầu nhớt thải, giẻ lau, chất hấp thụ bị nhiễm dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang hư hỏng, bo mạch điện tử có chứa chì, hộp mực in thải, ,... khối lượng ước tính 5.782,05 kg/tháng.

6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành

6.1. Nước mưa chảy tràn

- Nước mưa trên mái nhà: Thu gom bằng máng xói, dẫn về cống thu gom nội bộ (có bố trí hố ga), sau đó thoát ra cống thu gom nước mưa của KCN Long Đức.

- Sân đường nội bộ: Thiết kế có độ dốc, nước mưa sẽ chảy tràn về hệ thống cống thu gom dọc tuyến đường (có bố trí hố ga) và sau đó thoát ra cống thu gom nước mưa của KCN Long Đức.

- Nước mưa khu vực cây xanh, thảm cỏ: Tự thấm xuống đất.

6.2. Về thu gom và xử lý nước thải

6.2.1. Biện pháp, công trình thu gom, thoát nước thải

- Nước thải từ khu vực văn phòng, nhà ăn: nước thải → bể tách dầu → hố tách rác → hố bơm → HTXLNT tập trung.

- Nước thải từ khu sản xuất: nước thải → hố bơm →HTXLNT tập trung.

- Nước thải từ nhà bảo vệ: nước thải → hố tách rác → hố bơm → HTXLNT tập trung.

6.2.2. Công trình xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân và hoạt động của bếp ăn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 440 m^3/ngày.đêm.

- Công trình xử lý nước thải tập trung: công suất 440 m^3/ngày.đêm, có quy trình như sau: nước thải sinh hoạt và nhà ăn → hố lọc rác → hố bơm → bể tách dầu mỡ → bể điều hòa → bể kị khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → bể thoát nước → Nguồn tiếp nhận (Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Đức, đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q = K_f = 1$).

6.3. Về xử lý bụi, khí thải và mùi

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông: Ban hành nội quy, quy định khu vực dừng, đỗ cho tất cả các loại phương tiện; quy định tắt máy xe ở trước cổng, dẫn vào nhà xe; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các phương tiện vận tải của nhà máy, bảo dưỡng định kỳ đúng thời hạn đảm bảo an toàn kỹ thuật và môi trường.

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất:

+ Nhà xưởng được công nhân vệ sinh quét dọn mỗi ngày, đặc biệt là tại các khu vực tập trung đông công nhân và tần suất cao; số lượng nguyên, phụ liệu được tập kết theo kế hoạch sản xuất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác vệ sinh nhà xưởng cuối ngày làm việc; bố trí quạt thông gió, máy lạnh trong nhà xưởng, văn phòng để giúp điều hòa không khí; trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy (chiếm tỷ lệ 25,2% diện tích).

+ Mùi hôi, khí thải từ công đoạn dán keo, hơ nhiệt, ép nhiệt: Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang; tại mỗi vị trí có phát sinh mùi, khí thải đều lắp đặt thiết bị xử lý mùi, khí thải (mùi hôi, khí thải → ống hút → thiết bị xử lý (vật liệu lọc: than hoạt tính) → môi trường trong nhà xưởng); thường xuyên kiểm tra hoạt động của các thiết bị xử lý mùi, thay vật liệu lọc để xử lý tốt mùi hôi phát sinh.

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng: Máy phát điện được đặt ngoài khu vực nhà xưởng; sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì máy định kỳ.

- Các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: Tính toán lượng hóa chất sử dụng vừa đủ, không dư thừa, nhất là hóa chất khử trùng (nước Javel); không lưu trữ bùn thải tại nhà máy; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng HTXL để hạn chế phát sinh mùi hôi trong quá trình vận hành.

6.4. Về chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tuyên truyền, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho công nhân; bố trí thùng chứa rác tại các vị trí như văn phòng làm việc, nhà xưởng, nhà ăn, nhà vệ sinh; cuối mỗi ca làm việc, nhân viên vệ sinh vận chuyển về khu vực tập kết rác thải sinh hoạt chung tại nhà máy; hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

- Chất thải sản xuất: Bố trí các thùng chứa rác để thu gom rác thải trong quá trình sản xuất; thu gom về kho chứa rác thải của nhà máy; rác thải có giá trị tái chế (như lõi đồng, giấy, thùng carton, pallet nhựa, ...) sẽ được thu gom riêng để bán cho đơn vị có nhu cầu, các loại rác thải còn lại (như lõi keo, băng keo thừa, vỏ dây điện,...) được hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý.

6.5. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại: Bố trí kho chứa CTNH với diện tích 34,3 m^2, quản lý đúng theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

6.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

6.6.1. Tiếng ồn, độ rung: Máy móc sản xuất được sắp xếp một cách hợp lý, đảm bảo không gian làm việc và hạn chế sự cộng hưởng của tiếng ồn trong quá trình vận hành; định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn máy móc, thiết bị; máy phát điện được bố trí ở khu vực riêng biệt, bên ngoài khu vực làm việc, có tường cao bao quanh, mái tole.

6.6.2. Đảm bảo an toàn điện từ trường từ trạm biến áp: Xây dựng rào chắn xung quanh trạm biến áp; ban hành nội quy vận hành, bảo trì trạm biến áp và các thiết bị điện có liên quan; nhân viên vận hành phải có bằng cấp chuyên môn về điện công nghiệp, tự động hóa,... và được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động theo quy định.

6.6.3. Ứng phó với rủi ro cháy, nổ: Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ PCCC theo phương án PCCC đã được phê duyệt; bố trí máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có sự cố xảy ra; tuyên truyền ý thức phòng cháy, chữa cháy cho toàn thể cán bộ, công nhân viên; bố trí biển cảnh báo, nội quy tại khu vực sản xuất; hóa chất được lưu trữ tránh tiếp xúc trực tiếp với mặt sàn và dụng cụ chứa đảm bảo kín, tránh rò rỉ; thường xuyên kiểm tra các kho chứa nguyên vật liệu, sản phẩm, kho hóa chất để kịp thời phát hiện, khắc phục khi có sự cố phát sinh.

6.6.4. An toàn lao động: Tuyên truyền, giáo dục ý thức tuân thủ các biện pháp về an toàn lao động cho toàn thể cán bộ, công nhân của nhà máy; máy móc được kiểm tra, bảo trì định kỳ, đảm bảo an toàn trong lúc vận hành; trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân; tập huấn công tác an toàn lao động, đào tạo quy trình vận hành máy móc cho công nhân; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để công nhân có đủ thời gian nghỉ ngơi và khôi phục sức khỏe, hạn chế nguy cơ về tai nạn lao động.

6.6.5. An toàn vệ sinh thực phẩm: Thực hiện đúng quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm và thường xuyên kiểm tra, giám sát; trang bị thùng chứa rác và thu gom rác thải phát sinh trong quá trình chế biến thực phẩm, khu vực nhà ăn; bố trí nhân viên thu dọn rác thải và vệ sinh nhà ăn sạch sẽ sau mỗi bữa ăn của

công nhân; nhân viên làm việc trong nhà ăn phải được tập huấn, bổ trợ kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm tra sức khỏe định kỳ.

6.6.6. An toàn tránh rò rỉ, tràn dầu, hóa chất:

- Trang bị bồn chứa dầu bằng thép, có kết cấu bền vững để lưu trữ dầu tại nhà máy; chứa dầu với khối lượng thấp hơn hoặc bằng với thiết kế của bồn chứa; dán biển cảnh báo, cấm lửa tại khu vực kho chứa để phòng ngừa các sự cố về cháy nổ tại khu vực này; không thực hiện các hoạt động có phát sinh tia lửa, nhiệt tại khu vực kho chứa.

- Bồn chứa được lắp đặt cố định với nền kho chứa và xung quanh có xây dựng tường; định kỳ kiểm tra độ bền, độ kín của bồn chứa và sửa chữa ngay khi phát hiện có hiện tượng rò rỉ; trang bị các thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu tại nhà máy như: thùng cát, bình chữa cháy, thùng chứa dầu tràn, giẻ thấm dầu,...

- Hóa chất được chứa trong các thiết bị đảm bảo kín, không rò rỉ; phổ biến các kiến thức về an toàn phòng chống cháy nổ và biện pháp xử lý sự cố khi xảy ra sự cố tràn đổ hóa chất cho công nhân viên nhà máy; liên hệ với Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh để được hướng dẫn và thực hiện các quy định về an toàn hóa chất theo quy định.

III. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án: Công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định: Chủ dự án tiếp tục vận hành và định kỳ bảo trì hệ thống xử lý nước thải hiện hữu công suất 440 m^3/ngày.đêm.

IV. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

1. Giám sát nước thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD_5, COD, SS, Amoni, Tổng nitơ, Tổng photpho, Sunfua, Tổng dầu mỡ khoáng và Coliform.

- Số lượng mẫu giám sát: 01 mẫu.

- Vị trí giám sát: Hố ga đấu nối vào hệ thống cống thu gom nước thải của KCN Long Đức.

- Quy chuẩn so sánh: Theo thỏa thuận với đơn vị quản lý KCN Long Đức - QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K_q=K_f=1.

2. Giám sát chất lượng không khí bên trong Dự án

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, CO, SO_2, NO_2, H_2S, NH_3 và Cu (hơi, khói), acetone.

- Số lượng mẫu giám sát: 03 mẫu.

- Vị trí giám sát:

+ 02 mẫu bên trong khu vực sản xuất;

+ 01 mẫu bên trong trong kho nguyên liệu.

- Quy chuẩn so sánh: Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 Tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

3. Giám sát các vấn đề môi trường khác:

- Giám sát khối lượng, tình hình thu gom và quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, CTNH. Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Lập phương án bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

V. Các điều kiện có liên quan đến môi trường: Chủ dự án phải thực hiện các nội dung sau:

1. Theo dõi, giám sát chặt chẽ trong quá trình thi công đảm bảo thực hiện tốt các giải pháp quản lý chất thải phát sinh; đảm bảo hạn chế thấp nhất các tác động gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái khu vực và hoạt động sinh hoạt, sản xuất của người dân xung quanh.

2. Xây dựng, vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận; đặc biệt, phải thực hiện giải pháp giảm thiểu mùi hôi đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường làm việc và môi trường xung quanh.

3. Phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt, CTNH đúng theo quy định về quản lý chất thải và phế liệu tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; đồng thời, chất thải rắn xây dựng phải được quản lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và CTNH phải được quản lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường; ứng phó rủi ro, sự cố phát sinh; chương trình giám sát môi trường và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra.

5. Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và đối tượng xung quanh (đặc biệt là nước thải, mùi hôi) thì Dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo, phối hợp xử lý; thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định. Đồng thời, Chủ dự án phải thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

(1)

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 02 tháng 6 năm 2015

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: **84.000095.T**

(Cấp lần: 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

- Tên: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH**
- Địa chỉ văn phòng: Lô C&H, đường số 1 và đường số 5, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 074.3746846 Fax: 074.3746846
- Tài khoản số: 028100029554 tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Nam Bình Dương.
- Giấy chứng nhận đầu tư số: 58212000002 ngày 22/10/2013 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Trà Vinh cấp.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3. Chịu trách nhiệm và đảm bảo tính chính xác của việc kê khai các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị (cơ sở).

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:
- CN Công ty TNHH Yazaki EDS VN tại TV;
- Ban quản lý KKT tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: VT, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TRÀ VINH

Lư Phước Hiệp

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH

PHỤ LỤC

*(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số **QLCTNH 84.000095 .T***
do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh
cấp lần 1, ngày 02 tháng 6 năm 2015)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

- Tên: Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh.
- Địa chỉ: Lô C&H, đường số 1 và đường số 5, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 074.3746846 Fax: 074.3746846
- Giấy chứng nhận đầu tư số: 58212000002 ngày 22/10/2013 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Trà Vinh cấp.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dung dịch tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	160	07 01 06
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	100	08 02 04
3	Chất kết dính, chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	Lỏng	30	08 03 01
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	1.000	16 01 06
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	312	17 02 03
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	250	18 01 02
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	500	18 01 03
8	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	500	18 02 01
9	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bàn mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	Rắn	50	16 01 13
10	Pin, ắc quy thải	Rắn	60	16 01 12
	Tổng số lượng		**2.962**	

3. Danh sách chất thải thông thường và chất thải khác phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	Rắn	55.000
2	Dây điện vụn thải bỏ, lõi đồng vụn	Rắn	44.400
3	Nhựa: bao bì nhựa, đầu nối thải bỏ (connecter), vỏ dây điện thải bỏ	Rắn	97.200
4	Giấy, bào bì (thùng carton, vụn carton thải bỏ, bao bì giấy, giấy văn phòng)	Rắn	110.760
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Bùn	50.000
	Tổng số lượng		**357.360**

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số **QLCTNH: 84.000095.T** do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 1 ngày .02.. tháng 6 năm 2015 được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này./.

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /GXN-STNMT

Trà Vinh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án "Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh"
(hạng mục công trình xử lý nước thải sinh hoạt công suất 440 m^3/ngày đêm)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki EDS Việt Nam tại Trà Vinh.

Địa chỉ văn phòng: Lô C và H, đường số 1 và 5, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Địa điểm hoạt động: Lô C và H, đường số 1 và 5, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0743.746487 - 0743.746489

Tài khoản số: 0281000295549 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Nam Bình Dương (Vietcombank).

Giấy chứng nhận đầu tư số: 58212000002, chứng nhận lần đầu ngày 22/10/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 02/12/2014. Nơi cấp: Ban Quản lý khu kinh tế Trà Vinh.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh" số 210/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án "Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh" (hạng mục công trình xử lý nước thải sinh hoạt công suất 440 m^3/ngày đêm) *tại Phụ lục kèm theo.*

III. Trách nhiệm của Chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để Chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- BQL KKT Trà Vinh;
- GĐ Sở (b/c);
- Thanh tra Sở;
- CN Công ty TNHH Yazaki EDS VN tại TV;
- Lưu: VT, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TRÀ VINH

Đặng Văn Điền

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 10 /GXN-STNMT ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh)

1. Công trình xử lý nước thải:

- Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn: đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn và thoát ra cống nước mưa của KCN Long Đức.

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt từ khu vực sản xuất, nhà bảo vệ, căn tin và khu vực văn phòng, dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Công ty (công suất 440 m^3/ngày đêm) để xử lý với quy trình như sau:

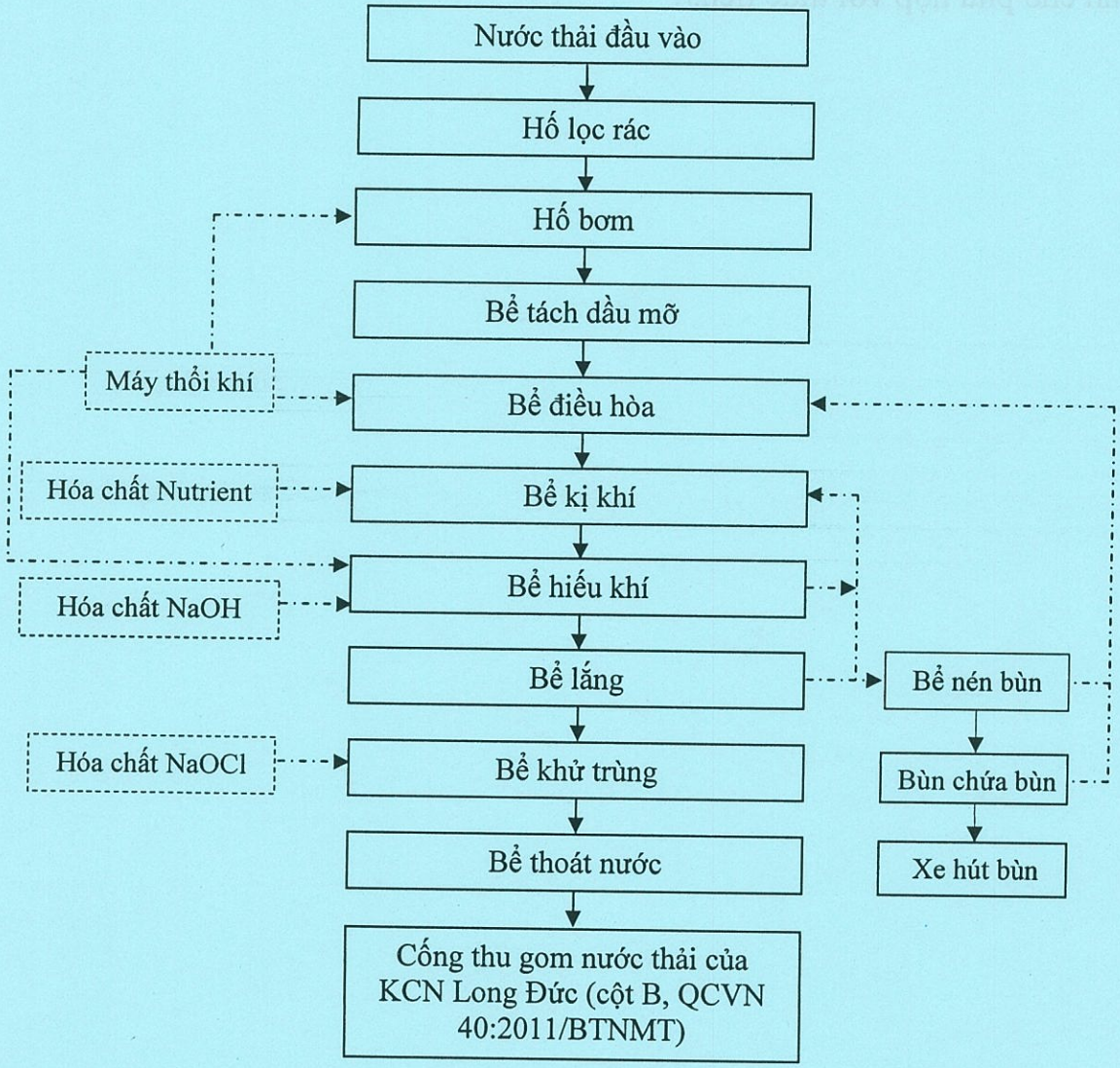

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 440 m^3/ngày đêm của Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chấp thuận cho thay đổi quy trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại Công văn số 631/UBND-NN ngày 27/02/2017.

2. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số: 10.../GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 01. ngày 20 tháng 3. năm 2017".

3. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

BẢN SAO

BQL KHU KINH TẾ TRÀ VINH
CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 20/HĐ-CTyQLPTHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 04 tháng 11 năm 2013

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Căn cứ:

- Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2007 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc cho Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức thuê 1.012.338,1 m^2 đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Hưng, Vĩnh Yên, Sa Bình, xã Long Đức, thị xã Trà Vinh để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê lại phục vụ sản xuất, kinh doanh;

- Hợp đồng thuê đất số 18/HĐTĐ ngày 08 tháng 5 năm 2007 được ký kết giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Long Đức;

- Biên bản ngày 06/8/2013 về việc xem xét việc chuyển nhượng dự án của Công ty TNHH Ban Huân Trà Vinh cho Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại KCN Long Đức;

- Giấy chứng nhận đầu tư số 58212000002 ngày 22 tháng 10 năm 2013 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp,

Hôm nay, ngày 04 tháng 11 năm 2013 tại Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. BÊN CHO THUÊ (Sau đây gọi là bên A):

- Tên đơn vị : **Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp**
- Đại diện: Nguyễn Văn Thụ. Chức vụ : Giám đốc.
- Địa chỉ: ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại : (074) 3746178, Fax : (074) 3746180.
- Tài khoản số : 3751.0.1031156 tại Kho bạc Nhà nước Trà Vinh.
- Mã số thuế : 2100312937.

2. BÊN THUÊ (Sau đây gọi là bên B) :

- Tên đơn vị : **Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki EDS Việt Nam tại Trà Vinh**
- Đại diện: Konagai Tamotsu. Chức vụ: Giám đốc
- Sinh ngày 19/11/1967. Quốc tịch: Nhật bản.
- Số Hộ chiếu: TH4252570 cấp ngày 03/10/2007. Nơi cấp: Quản lý Xuất nhập cảnh Tokyo.

Shizuoka, Japan

- Chỗ ở hiện nay: số 20 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Mã số thuế : .....

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê quyền sử dụng đất theo các thỏa thuận dưới đây:

Điều 1. Quyền sử dụng đất thuê :

Quyền sử dụng đất của bên A là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 71 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 228374, số vào sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T00588, vị trí khu đất cho thuê cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 350
- Tờ bản đồ số: 71
- Địa chỉ thửa đất : xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Diện tích cho thuê : **88.954,5 m^2** *(Bằng chữ : **Tám mươi tám nghìn chín trăm năm mươi bốn phẩy năm mét vuông)*** tại lô C và H, đường số 1 và số 5 Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Mục đích sử dụng : Sản xuất các hệ thống dây dẫn điện xe ôtô.
- Nguồn gốc sử dụng : Nhà nước cho thuê đất.

Điều 2. Thời hạn cho thuê :

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất của hợp đồng này là: 32 năm (kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2013 đến ngày 24 tháng 10 năm 2045).

Điều 3. Mục đích thuê :

Mục đích thuê quyền sử dụng đất: tại khoản 5 Điều 1 của hợp đồng này.

Điều 4. Giá thuê và phương thức thanh toán :

1. Giá thuê và phương thức thanh toán:

- Thuê quyền sử dụng đất: Chi nhánh Công ty TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM tại Trà Vinh tự ra vốn san lấp mặt bằng (chuyển nhượng dự án từ Công ty TNHH Ba Huân Trà Vinh) nên được trừ tiền thuê quyền sử dụng đất là 1.440 đồng/m^2/năm đến ngày 08/3/2057 (theo công văn số 2812/UBND-KTKT ngày 21/8/2009 về việc san lấp mặt bằng các lô còn lại trong Khu công nghiệp Long Đức).

- Phí sử dụng hạ tầng là: 1.360 đồng/m^2/năm (Bằng chữ: *Một nghìn ba trăm sáu mươi đồng một mét vuông một năm*); chưa tính phí xử lý nước thải, chưa tính thuế GTGT. Bên B đã thanh toán tiền sử dụng hạ tầng (chuyển nhượng dự án từ Công ty TNHH Ba Huân Trà Vinh) đến ngày 11 tháng 12 năm 2056.

- Sau 32 năm kể từ ngày 24/10/2013 đến ngày 24/10/2045 khi bên B được chấp thuận gia hạn dự án của cấp thẩm quyền, thì các bên tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng theo quy định.

2. Việc giao và nhận số tiền của hợp đồng này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ và quyền của bên A:

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao thửa đất nêu tại Điều 01 của hợp đồng này cho bên B vào ngày 24 tháng 10 năm 2013; Diện tích 88.954,5 m^2 tại lô C và H, đường số 1 và số 5 Khu công nghiệp Long Đức.
- Kiểm tra, nhắc nhỡ bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích.
- Nộp thuế sử dụng đất.
- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất nếu có.

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sát giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại.
- Yêu cầu bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.

Điều 6. Nghĩa vụ và quyền của bên B:

1. Bên B có nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê.
- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất.
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.
- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.
- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê.
- Vì lý do an toàn về địa chất Khu công nghiệp và nền móng công trình bên thuê không được tự ý khoan giếng để khai thác nước ngầm sử dụng trong nhà máy.

2. Bên B có các quyền sau đây :

- Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thỏa thuận.
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thỏa thuận.
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

Điều 7. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất và nộp lệ phí :

1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên B chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo hợp đồng này do bên B chịu trách nhiệm nộp.

Điều 8. Phương thức giải quyết tranh chấp :

cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau, trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án kinh tế giải quyết theo đúng qui định của pháp luật.

Điều 9. Cam đoan của các bên :

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây :

1. Bên A cam đoan :

- Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật.
- Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- Tại thời điểm giao kết hợp đồng này :

+ Thửa đất không có tranh chấp.

+ Quyền sử dụng đất không bị kê biên để đảm bảo thi hành án.

- Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc.
- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan :

- Những thông tin về nhân thân, đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật.
- Đã xem kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất.
- Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc.
- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.

Điều 10. Điều khoản thi hành:

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 08 bản chính, bên A giữ 06 bản, bên B giữ 02 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ	**BÊN CHO THUÊ**
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH	CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
Konagai Tamotsu	**Nguyễn Văn Thụ**

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày 14 tháng 11 năm 2013 (ngày mười bốn tháng mười một năm hai ngàn mười ba), tại Văn phòng Công chứng Cộng sự Trà Vinh; trụ sở số: 09B Phan Đình Phùng, khóm 1, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, tôi **THẠCH VĂN LÀNH**, Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Cộng sự Trà Vinh.

CÔNG CHỨNG:

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được giao kết giữa:

Bên A:

CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Người đại diện là ông : **NGUYỄN VĂN THỤ**; Chức vụ: **Giám đốc**

Chứng minh nhân dân số : 334816520 cấp ngày 13/05/2010 tại Công an tỉnh Trà Vinh

Bên B:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH

Người đại diện là ông : **KONAGAI TAMOTSU**; Chức vụ: **Giám đốc**

Hộ chiếu số: TH4252570 cấp ngày 03/10/2007; Nơi cấp : Quản lý Xuất nhập cảnh Tokyo

- Các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng;
- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;
- Nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Đối tượng của hợp đồng là có thật, chữ ký trong hợp đồng là chữ ký của người tham gia hợp đồng;
- Các bên giao kết đã đọc lại hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào hợp đồng này trước sự có mặt của tôi.
- Hợp đồng này được làm 3 bản chính (mỗi bản chính gồm 03 tờ 5 trang), giao cho:

+ Bên A 01 bản chính; Bên B 01 bản chính;

Lưu tại Văn phòng Công chứng Cộng Sự Trà Vinh một bản chính.

Số công chứng .....2624....., quyển số .....06.....TP/CC - SCC/HĐGD.

CÔNG CHỨNG VIÊN

ĐÃ THU LỆ PHÍ

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CỘNG SỰ TRÀ VINH

Công Chứng Viên

THẠCH VĂN LÀNH

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính
Số chứng thực 25412 05 Quyển số.....SCT/BS
Ngày 15 tháng 11 năm 13
P. Trưởng Phòng Tư Pháp Thị Xã Thuận An

ĐÃ THU LỆ PHÍ

PHÒNG TƯ PHÁP

Phan Hữu Đức

(1)A

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ XÂY DỰNG

Số: 140 /GPXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 30 tháng 7 năm 2014.

BẢN SAO

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH**
- Địa chỉ: **Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương**
- Phường (xã): **Dĩ An** - Thị xã: **Dĩ An** - Thành phố (tỉnh): **tỉnh Bình Dương**

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án: **Xây dựng nhà máy Yazaki tại Trà Vinh**

- Tổng số công trình: 08 công trình

2.1. Công trình số 01: Nhà xưởng
+ Theo thiết kế có ký hiệu: **.....**
+ Do: **Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu Tư Xây Dựng Quốc Tế.**
+ Lập: **Tháng 12 năm 2013**
+ Gồm các nội dung sau đây:
. Diện tích xây dựng: **30.421,45 m^2**
. Tổng diện tích sàn: **30.421,45 m^2**
. Chiều cao công trình: **8,1 m**. Số tầng: **01 tầng**

2.2. Công trình số 02: Nhà kho
+ Theo thiết kế có ký hiệu: **.....**
+ Do: **Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu Tư Xây Dựng Quốc Tế.**
+ Lập: **Tháng 12 năm 2013**
+ Gồm các nội dung sau đây:
. Diện tích xây dựng: **11.122,19 m^2**
. Tổng diện tích sàn: **11.122,19 m^2**
. Cốt nền xây dựng công trình: **Cao 0,15 m so với mặt mép đường hiện hữu**
. Chiều cao công trình: **8,98 m**. Số tầng: **01 tầng**

2.3. Công trình số 03: Văn phòng và Nhà ăn
+ Theo thiết kế có ký hiệu: **....**
+ Do: **Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu Tư Xây Dựng Quốc Tế.**
+ Lập: **Tháng 12 năm 2013**
+ Gồm các nội dung sau đây:
. Diện tích xây dựng: **3.401,41 m^2**
. Tổng diện tích sàn: **3.401,41 m^2**
. Cốt nền xây dựng công trình: **Cao 0,15 m so với mặt mép đường hiện hữu**
. Chiều cao công trình: **8 m**. Số tầng: **01 tầng**

2.4. Công trình số 04: Nhà xe 02 bánh (cải tạo, sữa chữa nhà kho hiện hữu thành nhà xe 02 bánh)

+ Theo thiết kế có ký hiệu: **.....**
+ Do: **Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu Tư Xây Dựng Quốc Tế.**
+ Lập: **Tháng 12 năm 2013**
+ Gồm các nội dung sau đây:
. Diện tích xây dựng: **5.823,12 m^2**
. Tổng diện tích sàn: **5.823,12 m^2**
. Chiều cao công trình: **11,55 m.** Số tầng: **01 tầng**

2.5. Công trình số 05: Nhà bảo vệ 1

+ Theo thiết kế có ký hiệu: **.....**
+ Do: **Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu Tư Xây Dựng Quốc Tế.**
+ Lập: **Tháng 12 năm 2013**
+ Gồm các nội dung sau đây:
. Diện tích xây dựng: **56,0 m^2**
. Tổng diện tích sàn: **56,0 m^2**
. Cốt nền xây dựng công trình: **Cao 0,15 m so với mặt mép đường hiện hữu**
. Chiều cao công trình: **3,7 m.** Số tầng: **01 tầng**

2.6. Công trình số 06: Nhà bảo vệ 2, 3

+ Theo thiết kế có ký hiệu: **.....**
+ Do: **Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu Tư Xây Dựng Quốc Tế.**
+ Lập: **Tháng 12 năm 2013**
+ Gồm các nội dung sau đây:
. Diện tích xây dựng: **16,0 m^2**
. Tổng diện tích sàn: **16,0 m^2**
. Cốt nền xây dựng công trình: **Cao 0,15 m so với mặt mép đường hiện hữu**
. Chiều cao công trình: **3,7 m.** Số tầng: **01 tầng**

2.7. Công trình số 07: Bể nước

+ Theo thiết kế có ký hiệu: **.....**
+ Do: **Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu Tư Xây Dựng Quốc Tế.**
+ Lập: **Tháng 12 năm 2013**
+ Gồm các nội dung sau đây:
. Diện tích xây dựng: **294,0 m^2**
. Tổng diện tích sàn: **294,0 m^2**
. Chiều cao công trình: **5,3 m.**

2.8. Công trình số 08: Bể xử lý nước thải

+ Theo thiết kế có ký hiệu: **.....**
+ Do: **Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu Tư Xây Dựng Quốc Tế.**
+ Lập: **Tháng 12 năm 2013**
+ Gồm các nội dung sau đây:
. Diện tích xây dựng: **216,0 m^2**

. Tổng diện tích sàn: **216,0 m^2**

. Chiều cao công trình: **6,35 m.**

+ Trên lô đất: **350** - Tờ bản đồ: **71** - Diện tích: **88.954,50 m^2**

+ Chỉ giới đường đỏ,chỉ giới xây dựng: **Lộ giới đường Nhựa: 28 m**

+ Màu sắc công trình: **Không được sử dụng màu tối sẫm hoặc quá sặc sỡ**

- Tại:..... - Đường: **Nhựa** - Phường (xã): **xã Long Đức**

- Quận (huyện): **thành phố Trà Vinh** - Tỉnh, thành phố: **Trà Vinh**

3. Giấy tờ về đất đai: **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 053685 do ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp ngày 06/12/2013.**

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

5. **Giấy phép này thay thế giấy phép số 01/GPXD của Sở Xây dựng Trà Vinh cấp ngày 06/01/2014.**

Nơi nhận:
- Như: Điều 1;
- Lưu: P.QLN.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH TRÀ VINH

Dương Toàm

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 6909 Quyển 05 SCT/BS
Ngày 26 tháng 6 năm 2019
TM.UBND PHƯỜNG 4
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG 4 TP. TRÀ VINH T. TRÀ VINH

Đặng Thị Thái Anh

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Trà Vinh, ngày ..... tháng ..... năm 20.....
GIÁM ĐỐC

UBND TỈNH TRÀ VINH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 23 tháng 7 năm 2019

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 08/GPXD

1. Cấp cho: Chi nhánh Công ty TNHH YAZAKI EDS Việt Nam tại Trà Vinh

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 7640770884 ngày 24/12/2018 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp (chứng nhận thay đổi lần thứ 3).
- Người đại diện: Ông IKEDA NAOKI , Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô C và H, đường số 1 và số 5, Khu công nghiệp Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Được phép xây dựng công trình: Nhà máy Yazaki EDS Việt Nam tại Trà Vinh - Nhà vệ sinh bổ sung

- Do Công ty TNHH Kajima Việt Nam lập.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Thửa đất số 350 thuộc tờ bản đồ số 71 với diện tích 88.954,5 m^2 tọa lạc tại Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Lộ giới đường số 01 là 42m (từ tim ra mỗi bên 21m, lộ giới đường số 4, 5 là 19,5m (từ tim ra mỗi bên 9,75 m).

+ Mật độ xây dựng: 59,998% ; hệ số sử dụng đất: 0,599.

+ Diện tích xây dựng tầng 01 (04 khu): 242,97 m^2 (trong đó: Nhà vệ sinh 1, 2 với mỗi khu là 60,45 m^2, Nhà vệ sinh 3 là 55,77 m^2 và Nhà vệ sinh 4 là 66,3 m^2)

+ Tổng diện tích sàn (04 khu): 242,97 m^2.

+ Cốt nền xây dựng công trình: +3.450 (theo tọa độ VN2000).

+ Chiều cao công trình: Nhà 1, 2 là 5,35 m; Nhà 3 là 4,45 m; Nhà 4 là 3,9 m

+ Số tầng: 01 tầng.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CT01695 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 06/12/2013.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng: Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Lưu: VT, QLQHXD.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Quỳnh Thiện

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chơ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/ gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

TRƯỞNG BAN

UBND TỈNH TRÀ VINH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 02 tháng 8 năm 2019

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 09/GPXD

1. Cấp cho: Chi nhánh Công ty TNHH YAZAKI EDS Việt Nam tại Trà Vinh
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 7640770884 ngày 24/12/2018 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp (chứng nhận thay đổi lần thứ 3).
- Người đại diện: Ông IKEDA NAOKI , Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô C và H, đường số 1 và số 5, Khu công nghiệp Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Được phép xây dựng công trình: Nhà máy Yazaki EDS Việt Nam tại Trà Vinh - Nhà xe tạm
- Do Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thành Vinh TV lập.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hưng Long.
- Đơn vị thẩm định: Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Thửa đất số 350 thuộc tờ bản đồ số 71 với diện tích 88.954,5 m^2 tọa lạc tại Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Lộ giới đường số 01 là 42m (từ tim ra mỗi bên 21m, lộ giới đường số 4, 5 là 19,5m (từ tim ra mỗi bên 9,75 m).
+ Mật độ xây dựng: 61,401% ; hệ số sử dụng đất: 0,614.
+ Diện tích xây dựng tầng 01: 1.248,4 m^2.
+ Tổng diện tích sàn: 1.248,4 m^2.
+ Cốt nền xây dựng công trình: +3.150 (theo tọa độ VN2000).
+ Chiều cao công trình: 4,1 m.
+ Số tầng: 01 tầng.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CT01695 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 06/12/2013.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng: Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Lưu: VT, QLQHXD.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Quỳnh Thiện

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chơ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/ gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

TRƯỞNG BAN

BQL KHU KINH TẾ TRÀ VINH
CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 47 /CTyQLPTHT

V/v thống nhất cho Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam xả nước thải đã xử lý vào hệ thống thu nước thải của Khu công nghiệp.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 31 tháng 10 năm 2014

Kính gửi:
- Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam;
- Công ty Kajima Oversea Asia Pte Ltd.

Căn cứ Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải số: 14103891/KQ của Công ty CP DV KHCN Sắc ký Hải Đăng thực hiện phân tích mẫu nước thải sau xử lý của Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam,

Qua kết quả thử nghiệm mẫu nước thải sau xử lý 09 chỉ tiêu phân tích đều đạt so với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp thống nhất cho Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam (Công ty Yazaki) xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu nước thải chung của Khu công nghiệp.

Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp đề nghị Công ty Yazaki phát huy thời gian tới.

Trên đây là ý kiến của Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khụ công nghiệp. Rất mong sự hợp tác từ Quý Công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BQL Khu kinh tế (báo cáo);
- Phòng: XDCB-MT;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Trung Tín

BQL KHU KINH TẾ TRÀ VINH
CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 43/CTyQLPTHT

V/v thống nhất các vị trí đấu nối nước mưa, vị trí đấu nối nước thải của Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 17 tháng 10 năm 2014

Kính gửi:
- Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam;
- Công ty Kajima Oversea Asia Pte Ltd.

Căn cứ Công văn 219/CV-YEV ngày 29/11/2013 của Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam về việc đề nghị thỏa thuận đấu nối hạ tầng Dự án Nhà máy Yazaki tại Trà Vinh;

Căn cứ Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải của Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam do Công ty CP DV Sắc ký Hải Đăng thực hiện,

Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp (Công ty hạ tầng) có ý kiến như sau:

1. **Vị trí đấu nối nước mưa**: Tổng cộng 13 vị trí đã đấu nối, trong đó:
   + Tuyến Đường số 1 KCN: 06 vị trí
   + Tuyến đường Vành Đai: 03 vị trí
   + Tuyến Đường số 5 KCN: 04 vị trí
2. **Vị trí đấu nối nước thải**: 01 vị trí đấu nối trên tuyến thu nước thải Đường số 1 KCN Long Đức.

Các vị trí đấu nối trên: 13 vị trí đấu nối nước mưa, 01 vị trí đấu nối nước thải, Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam (Công ty Yazaki) đã thực hiện đúng theo vị trí đã thỏa thuận với Công ty hạ tầng.

3. Chỉ tiêu Coliforms theo kết quả thử nghiệm mẫu nước thải Công ty Yazaki (Coliforms sau xử lý vượt cột B QCVN 40:2011/BTNMT). Tuy nhiên, Khu công nghiệp chỉ tiếp nhận nước thải đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT. Đề nghị xem xét hệ thống xử lý trước khi xả nước vào hệ thống KCN.

Trên đây là ý kiến của Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp về vị trí đấu nối nước thải, nước mưa và kết quả thử nghiệm mẫu nước thải của Công ty Yazaki. Rất mong sự hợp tác từ Quý Công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng: XDCB-MT;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Ngô Trung Tín

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Số: 20 /HĐ-TTHT

Hộ thoát nước: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH

Địa chỉ: Lô C và H, Đường số 1 và 5, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

Mã số khách hàng

X	L	N	T	0	1	9

Giữa

Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp

Và

Chi nhánh công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh

Trà Vinh, ngày 22 tháng 12 năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 24/11/2015;

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, thông qua ngày 14/6/2005;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 18/6/2014;

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, thông qua ngày 29/06/2006;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, thông qua ngày 17/11/2020;

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 21/06/2012;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 12, thông qua ngày 17/06/2009;

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Thông tư 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc đổi tên Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế

và các Khu công nghiệp thành Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp;

- Công văn số 522/UBND-KT ngày 9/02/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đơn giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Đức giai đoạn 2021-2023;

- Công văn số 909/STC-QLG&CS ngày 7/4/2022 của Sở Tài Chính về việc giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Đức giai đoạn 2021-2023;

- Công văn số 374/BQLKKT-QHXDTNMT ngày 14/4/2022 của Ban Quản lý Khu Kinh tế về việc giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Đức giai đoạn 2021-2023.

Hôm nay, ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại chi nhánh công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh, chúng tôi gồm:

PHẦN II. CÁC CHỦ THỂ HỢP ĐỒNG

BÊN A: ĐƠN VỊ THOÁT NƯỚC: TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP

- Tên người đại diện : **TRỊNH AN KHÊ**

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: 02943.746338

- Số tài khoản: 73410000228883 Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh

- Mã số thuế: 2100312937

BÊN B: HỘ THOÁT NƯỚC: Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh

- Tên người đại diện: **Mr. NOGI HIROSHI**

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Địa chỉ: Lô C và H, đường số 1 và số 5, Khu công nghiệp Long Đức, ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

- Điện thoại: 02943 746 846

- Fax:

- Số tài khoản: 0281000295549 Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Nam Bình Dương.

- Mã số thuế: 3700230036-002

PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A và bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải *(gọi tắt là dịch vụ thoát nước)* với các nội dung như sau:

Điều 1. Điểm đấu nối:

Thực hiện theo Biên bản thỏa thuận đấu nối được ký vào ngày 31 tháng 10 năm 2014 giữa Công ty Quản lý và Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các Khu công nghiệp *(hiện là Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp)* và Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh.

Điều 2. Khối lượng nước thải:

Khối lượng nước thải được xác định để tính tiền xử lý nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước của đơn vị cấp nước mà Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh tiêu thụ. *(Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 39 Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ).*

Tần suất xả thải: Nước thải từ hệ thống xử lý nước thải của bên B xả vào hệ thống của bên A mỗi ngày.

Điều 3. Chất lượng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải:

3.1 Nước thải của bên B sau khi xử lý cục bộ xả vào hệ thống cống thu gom của Khu công nghiệp tối thiểu phải đạt chuẩn cột B QCVN 40:2011/BTNMT. Tiêu chuẩn, chất lượng nước thải bên B đăng ký xả thải với bên A dựa vào bảng các chỉ tiêu cơ bản như Phụ lục kèm theo hợp đồng này. Bảng chỉ tiêu này sẽ được đại diện 2 bên ký và đóng dấu xác nhận.

3.2 Bên A đảm bảo rằng tất cả nhân sự mà mình tuyển dụng hoặc thuê để thực hiện Dịch vụ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện Dịch vụ và được đào tạo đầy đủ, hướng dẫn và giám sát một cách phù hợp.

3.3 Bên A đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của bên B và xả nước thải sau xử lý ra môi trường đạt quy chuẩn môi trường cho phép theo quy định của pháp luật.

3.4 Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước cơ quan nhà nước có liên quan về chất lượng của nước thải sau khi xử lý thải ra môi trường.

3.5 Trong quá trình thực hiện dịch vụ, nếu phát sinh sự cố, hai bên liên lạc cùng bàn bạc lại thời gian thực hiện dịch vụ để đảm bảo dịch vụ được thực hiện một cách hợp lý, đúng theo hợp đồng và quy định pháp luật.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

4.1. Bên A có các quyền sau:

a. Tổ chức lấy mẫu nước thải đột xuất hàng tháng tại hố ga đấu nối xả thải của bên B để kiểm nghiệm với sự tham gia của các bên liên quan. Sau 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo kết quả kiểm nghiệm mẫu nước thải mà bên B không

có phản hồi, bên A có quyền áp dụng kết quả kiểm nghiệm mẫu nước thải *(thông số COD)* này để tính đơn giá xử lý nước thải của tháng đó.

b. Thu tiền dịch vụ thoát nước và các khoản phải trả khác *(nếu có)* theo quy định của hợp đồng.

c. Tạm ngừng dịch vụ thoát nước: Khi bên B không thực hiện đúng những nội dung được quy định trong hợp đồng này.

d. Trường hợp không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường: Bên A thông báo về việc vi phạm và yêu cầu bên B phải khắc phục. Sau 10 ngày mà bên B không chấp hành thì bên A sẽ ngưng tiếp nhận nước thải của bên B và đồng thời bên A báo cáo cơ quan có thẩm quyền và đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch đối với bên B.

e. Trường hợp gây ảnh hưởng xấu đến môi trường: Bên A phối hợp cơ quan chức năng tiến hành lập biên bản và yêu cầu bên B khắc phục ngay. Nếu bên B không chấp hành sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành và phải thanh toán các khoản chi phí liên quan do những vi phạm đó gây ra.

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Bên A có các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện về xử lý nước thải như quy định tại Điều 3 của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

b. Thông báo cho bên B biết kết quả kiểm nghiệm mẫu nước thải và tổng số tiền dịch vụ thoát nước mà bên B phải thanh toán cho bên A hàng tháng hoặc theo từng quý.

c. Cung cấp hóa đơn GTGT chính xác cho bên B.

d. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường về dịch vụ thoát nước và chất lượng nước thải sau khi xử lý ra môi trường tại Khu công nghiệp Long Đức.

e. Thông báo cho Bên B được biết thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước trong trường hợp để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước của bên A.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

5.1. Bên B có các quyền sau:

a. Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo đúng quy định của hợp đồng, pháp luật.

b. Trường hợp bên B không chấp nhận kết quả kiểm nghiệm của bên A. Bên B có quyền yêu cầu đơn vị đủ chức năng khác kiểm nghiệm mẫu đối chứng. Chi phí kiểm nghiệm mẫu đối chứng do bên yêu cầu thanh toán.

c. Bên B có quyền theo dõi, giám sát dịch vụ do bên A cung cấp và bên A cho phép bên B viếng thăm cơ sở bên A khi được sự thống nhất của cơ quan quản

lý cấp trên của bên A là Ban Quản lý Khu kinh tế để giám sát dịch vụ. Bên B có quyền xem xét, yêu cầu chỉnh sửa hoặc theo dõi bổ sung, nếu cần, cũng như chấp nhận hoặc từ chối Dịch vụ.

d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

a. Cung cấp hóa đơn tiền nước cấp cho bên A hàng tháng để làm cơ sở thanh toán. Thanh toán tiền dịch vụ thoát nước đủ và đúng thời hạn.

b. Tạo điều kiện cho bên A kiểm tra chất lượng nước thải của bên B trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp. Cử cán bộ cùng tham gia và ký tên vào biên bản lấy mẫu nước thải khi bên A kiểm tra, tiến hành lấy mẫu.

c. Phải thu gom toàn bộ nước thải, vận hành liên tục hệ thống xử lý nước thải cục bộ và xả nước thải vào hệ thống thu gom của bên A không vượt chuẩn cột B, QCVN 40:2011/BTNMT *(theo phụ lục đính kèm hợp đồng)*.

d. Tách riêng biệt hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa nội bộ, đồng thời đấu nối tương ứng vào hệ thống thoát nước thải, nước mưa của Khu công nghiệp và đấu nối thực hiện theo đúng Điều 1 hợp đồng này.

e. Không xả thải các loại chất thải rắn *(rác thải sinh hoạt, sản xuất)* vào hệ thống thoát nước ảnh hưởng đến hệ thống của bên A.

f. Không pha loãng nước thải để đạt các quy chuẩn chất lượng nước thải hoặc chuyển tải lượng nước thải sang môi trường khác như không khí và đất.

g. Thông báo kịp thời cho bên A các sự cố, hiện tượng bất thường do bên B phát sinh, đồng thời bên B phải có kế hoạch khắc phục báo cáo bên A. Trường hợp bên B không thông báo, hoặc không quản lý chặt chẽ hệ thống xử lý nước thải của bên B làm ảnh hưởng đến việc thoát nước và xử lý nước thải của bên A thì bên B phải bồi thường hoàn toàn thiệt hại cho bên A.

h. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giá dịch vụ thoát nước và phương thức thanh toán:

6.1. Giá dịch vụ thoát nước:

a. Mức thu tiền dịch vụ thoát nước = Q (m^3) x đơn giá (đồng/m^3)

* *Trong đó:*

+ Q: Khối lượng nước thải (m^3).

+ Đơn giá (*chưa bao gồm thuế GTGT*) = 6.300 đồng/m^3: Đơn giá này áp dụng đối với nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT *(hàm lượng COD ≤ 150 mg/l)* được phê duyệt.

b. Giá dịch vụ này sẽ được thay đổi khi có văn bản phê duyệt điều chỉnh giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6.2. Thời gian thông báo thu phí sử dụng dịch vụ thoát nước:

a. Bên A thông báo kết quả kiểm nghiệm mẫu nước thải *(thông số COD)* cho bên B. Đồng thời Bên B cung cấp hóa đơn tiền nước cấp cho bên A.

b. Bên A thông báo số tiền bên B phải thanh toán và phát hành hóa đơn GTGT cho bên B từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng hoặc theo thỏa thuận hai bên.

6.3. Phương thức thanh toán:

a. Bên B thanh toán bằng chuyển khoản cho bên A theo từng quý, phí chuyển tiền do bên B thanh toán.

b. Đồng tiền thanh toán: Đồng tiền Việt Nam *(VNĐ)*.

c. Bên B thanh toán căn cứ vào số tài khoản mà bên A đã đăng ký trên Vendor Ledger do bên B phát hành. Nếu bên A có sự thay đổi thông tin về tài khoản của mình thì phải thông báo cho bên B bằng cách gửi lại Vendor Ledger mới.

6.4 Thời hạn thanh toán: Bên B sẽ thanh toán vào ngày cuối cùng của tháng kế tiếp sau khi nhận được hóa đơn chính xác của bên A.

6.5. Trường hợp khác: Nếu nước thải của bên B vượt chuẩn cột B *(QCVN 40:2011/BTNMT)* thì mức thu tiền dịch vụ thoát nước được áp dụng như sau:

- Mức thu tiền dịch vụ thoát nước = Q (m^3) x đơn giá (đồng/m^3) x K

**Trong đó:*

- Q: Khối lượng nước thải *(m^3)*.

- Đơn giá *(chưa bao gồm thuế GTGT)* = 6.300 đồng/m^3.

- K: Hệ số điều chỉnh phụ thuộc vào hàm lượng chất gây ô nhiễm và được xác định theo chỉ tiêu COD *(mg/L)*. Hệ số K được xác định theo giá trị như sau:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K
1	151 - 200	1,5
2	201 - 300	2,0
3	301 - 400	2,5
4	401 - 600	3,5
5	> 600	4,5

(Theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng).

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng:

7.1 Hợp đồng sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

a. Khi hết thời hạn của hợp đồng này.

b. Một trong hai bên không thực hiện đúng nội dung quy định trong hợp đồng này.

c. Hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

7.2 Sau khi chấm dứt hợp đồng, bên B phải thanh toán đủ cho bên A các khoản tiền dịch vụ thoát nước chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh đang hoạt động của bên B tại Khu công nghiệp Long Đức.

Điều 8. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng:

8.1. Giải quyết tranh chấp:

a. Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên cơ sở hợp tác. Sau khi các bên đã nỗ lực giải quyết nhưng không thành, các tranh chấp này sẽ được giải quyết bởi trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) tại thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tố tụng trọng tài của Trung Tâm này.

b. Hợp đồng này và bất kỳ tranh chấp hoặc khiếu nại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này hoặc nội dung chính hoặc hình thức của Hợp đồng này (bao gồm các tranh chấp hoặc khiếu nại ngoài hợp đồng) sẽ được điều chỉnh bởi và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

8.2. Xử lý vi phạm hợp đồng:

a. Nếu bên B chậm thanh toán theo quy định hợp đồng thoát nước, bên A có quyền ngưng tiếp nhận nước thải của bên B.

b. Nếu một trong hai bên vi phạm các quy định về thoát nước sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

c. Nếu bên A vi phạm các điều khoản được quy định tại hợp đồng này thì sẽ chịu trách nhiệm và phải bồi thường thiệt hại cho bên B.

Điều 9. Các thỏa thuận khác

9.1 Bảo mật thông tin:

Bên A không được, và phải đảm bảo nhân viên, nhân sự và nhà thầu phụ của mình không được, sử dụng, sao chép, công bố hoặc bằng bất kỳ hình thức nào tiết lộ bất kỳ thông tin nào có được trong quá trình thực hiện nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng này (và thường không ở dạng công khai) trừ khi cần thiết để hoàn thành các nghĩa vụ này và phải được Bên B đồng ý bằng văn bản. Nghĩa vụ này sẽ giữ nguyên hiệu lực kể cả khi hợp đồng này chấm dứt hoặc hết hạn.

9.2 Nhà thầu Độc lập:

Các bên đồng thuận rằng điều khoản của Hợp đồng này sẽ được Bên A thực hiện với tư cách nhà thầu độc lập với Bên B, không với bất kỳ tư cách hoặc mối quan hệ nào khác bao gồm đại lý, hợp danh hoặc quan hệ người lao động – người sử dụng lao động

9.3 Bên A cam kết không tặng tiền, quà, hoa hồng cho nhân viên của Bên B trong bất kỳ trường hợp nào ngoại trừ quà mang tính chất công việc như hoa, lịch, sổ, bút…có biểu tượng của Bên A. Bên A có nghĩa vụ nhanh chóng báo cáo đến Bên B khi nhân viên của Bên B có những hành vi như gợi ý hoặc đề nghị tặng tiền, quà, hoa hồng....thông qua số điện thoại: 0901 312 155 hoặc email: giamsatnoibo@yev.vn. Nếu bên B phát hiện bên A tặng tiền, quà, hoa hồng,... cho nhân viên của bên B thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay lập tức, đồng thời không thanh toán một phần hoặc toàn bộ chi phí dịch vụ, ngoài ra bên A còn phải bồi thường những chi phí, thiệt hại phát sinh do việc chấm dứt hợp đồng này.

9.4 Trường hợp phát sinh sự kiện bất khả kháng xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, cháy nổ, chiến tranh, ...) và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, các bên đều có quyền không thực hiện hợp đồng và không bị áp dụng các biện pháp chế tài, nhưng bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo trong một khoảng thời gian hợp lý cho bên còn lại.

9.5 Mỗi bên phải tuân thủ pháp luật áp dụng có liên quan đến việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn ở Luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư và các quy định khác về cấm cưỡng bức lao động, lao động trẻ em, lao động cao tuổi và buôn người.

9.6 Không bên nào được chuyển nhượng, chuyển giao toàn bộ hoặc bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo hợp đồng này hoặc định đoạt dưới hình thức khác bất kỳ quyền hoặc lợi ích nào trong Hợp Đồng này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên còn lại, bất kỳ việc chuyển nhượng, chuyển giao lại trái với Điều khoản này sẽ bị vô hiệu.

9.7 Mỗi bên khẳng định và bảo đảm rằng không và sẽ không nằm trong bất kỳ trường hợp nào liên quan đến cá nhân, tổ chức ....phản xã hội, chống đối nhà nước.

Điều 10. Điều khoản chung:

10.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản quy định trong hợp đồng này trên tinh thần hiểu biết và hợp tác. Nếu có sự thay đổi hoặc bổ sung một trong các điều khoản trong hợp đồng phải được hai bên chấp thuận bằng phụ lục có ký tên và đóng dấu xác nhận bởi đại diện của hai bên.

10.2 Các hợp đồng dịch vụ thoát nước khác trái với hợp đồng này đều không có giá trị pháp lý.

10.3 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2025 trừ khi bị chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại điều 7 của hợp đồng này.

10.4 Hợp đồng này được lập thành 04 *(bốn)* bộ bằng tiếng Việt Nam có giá trị như nhau. Bên A giữ 02 *(hai)* bộ, bên B giữ 02 *(hai)* bộ./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
GIÁM ĐỐC	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TRÀ VINH TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP	M.S.D.N: 3700[illegible] CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH TP. TRÀ VINH, T. TRÀ VINH
TRỊNH AN KHÊ	**NOGI HIROSHI**

PHỤ LỤC

Quy định chất lượng nước thải công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước thải khu công nghiệp Long Đức theo QCVN 40:2011/BTNMT

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4	6
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP

TRỊNH AN KHÊ

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH

NOGI HIROSHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số:04/PLHĐ-TTHT

Về việc áp dụng giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải năm 2023

Căn cứ Công văn số 522/UBND-KT ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đơn giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Đức giai đoạn 2021-2023;

Căn cứ công văn số 2193/STC-QLG&CS ngày 16/8/2023 của Sở Tài chính về việc giá dịch vụ thoát nước đối với các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Long Đức năm 2023;

Căn cứ công văn số 700/BQLKKT-QHXD&TNMT ngày 07/8/2023 của Ban Quản lý Khu Kinh tế về việc lấy ý kiến áp dụng mức thu giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Long Đức;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải số:20/HĐ-TTHT ngày 22 tháng 12 năm 2022 được ký kết giữa Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh.

Hôm nay, ngày 18 tháng 8 năm 2023, chúng tôi gồm các thành phần dưới đây thống nhất ký phụ lục hợp đồng về việc áp dụng giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải năm 2023 với nội dung như sau:

Bên A: Đơn vị thoát nước: Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp

- Tên người đại diện : **TRỊNH AN KHÊ**
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 02943.746338 - 02943.746180

- Số tài khoản: 73410000228883 Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh

- Mã số thuế: 2100312937

Bên B: Hộ thoát nước: Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh

- Tên người đại diện: **Mr. NOGI HIROSHI**

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Địa chỉ: Lô C và H, đường số 1 và số 5, Khu công nghiệp Long Đức, ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

- Điện thoại: 02943 746846

- Số tài khoản: 0281000295549 Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương.

- Mã số thuế: 3700230036-002

Sau khi xem xét thỏa thuận, hai bên thống nhất ký Phụ lục về việc áp dụng giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải năm 2023 đối với Hợp đồng Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải số: 20/HĐ-TTHT ngày 22 tháng 12 năm 2022 được ký kết giữa Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh (sau đây gọi chung là "Hợp đồng")

Điều 1. Điều chỉnh khoản 6.1, điều 6 của Hợp đồng:

- **Trước điều chỉnh:** "Đơn giá (chưa bao gồm thuế GTGT) = **6.300** đồng/m^3: Đơn giá này áp dụng đối với nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hàm lượng COD ≤ 150 mg/l) được phê duyệt".

- **Sau khi điều chỉnh:** "Đơn giá (chưa bao gồm thuế GTGT) = **6.615** đồng/m^3: Đơn giá này áp dụng đối với nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hàm lượng COD ≤ 150 mg/l) được phê duyệt.

Điều 2. Điều chỉnh khoản 6.5, điều 6 của Hợp đồng:

- **Trước điều chỉnh:** "Đơn giá (chưa bao gồm thuế GTGT) = **6.300** đồng/m^3".

- **Sau khi điều chỉnh:** "Đơn giá (chưa bao gồm thuế GTGT) = **6.615** đồng/m^3.

- Thời gian áp dụng đơn giá tại Điều 1 và Điều 2 của phụ lục hợp đồng này từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023.

- Theo lộ trình tăng giá dịch vụ thoát nước hàng năm để bù lỗ, Từ 01/01/2024 đến 31/12/2025 khi kết thúc hợp đồng, nếu không có thông báo khác thì sẽ áp dụng đơn giá điều chỉnh 6615 đồng/ m^3.

Điều 3. Điều khoản chung:

3.1 Các điều, khoản còn lại trong Hợp đồng đã ký vẫn giữ nguyên giá trị thực hiện.

3.2 Phụ lục hợp đồng được lập thành 05 bản, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

3.3 Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng và có giá trị kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI BÊN BÊN B**
GIÁM ĐỐC	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH
TRỊNH AN KHÊ	**NOGI HIROSHI**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:331./2024/CTĐT/HĐ-VCR	**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

HỢP ĐỒNG
VẬN CHUYỂN RÁC SINH HOẠT

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015;

- Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu và sự thống nhất các bên.

PHẦN II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Công Trình Đô thị Trà Vinh, đại diện hai bên gồm:

*** Bên A/Bên sử dụng dịch vụ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SACN HOÀNG GIA PHÁT**

Địa chỉ: 113B, khu phố Bình Nghĩa, Phường 6, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

Đại diện: Bà **NGUYỄN THỊ BÉ BA** Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0896889198

Mã số thuế : 1301117268

Số tài khoản: .....tại .....

*** Bên B/Bên cung cấp dịch vụ: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH.**

Địa chỉ: 48A, Sơn Thông, Khóm 1, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Đại diện: Ông **PHẠM TẤN LỘC** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0294 3853596

Mã số thuế: 2100234397

Tài khoản số: 7356666664 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh.

PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

- Chất thải rắn bị từ chối là chất thải rắn chỉ bao gồm hoặc chủ yếu bao gồm bất kỳ loại chất thải rắn nào trong các loại chất thải rắn sau đây: Chất thải rắn y tế nguy hại, chất

thải rắn công nghiệp, chất thải rắn xây dựng và các loại chất thải nguy hại khác.

Điều 2. Công việc của hợp đồng

1/Nội dung công việc: vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SACN HOÀNG GIA PHÁT (CĂN TIN CÔNG TY YAZAKI) bằng phương tiện xe ô tô chuyên dụng đến điểm xử lý rác.

Địa điểm lấy rác: CĂN TIN CÔNG TY YAZAKI, địa chỉ: Lô C&H, đường số 1 và 5, KCN Long Đức, ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh.

2/Yêu cầu công việc:

- Tần suất thu gom: Ngày 01 lần
- Phương tiện vận chuyển: xe ô tô chuyên dụng của bên B.
- Phương tiện lưu chứa rác: do bên A tự trang bị (thùng chứa rác bằng nhựa loại 240 lít).

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 01/01/2024 đến 31/12/2024

Điều 4. Giá trị hợp đồng

NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN GIÁ (đồng/tháng)	THỜI GIAN (tháng)	THÀNH TIỀN (đồng)	GHI CHÚ
Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	6.231.818,18	12	74.781.818	
Tổng giá trị (giá chưa bao gồm VAT)			**74.781.818**	
(Bảy mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi mốt ngàn, tám trăm mười tám đồng)				

Hình thức giá hợp đồng: giá trên là cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp có điều chỉnh tăng/giảm giá thì Bên B sẽ gửi thông báo kèm theo căn cứ điều chỉnh giá đến Bên A trước ít nhất 5 (năm) ngày làm việc. Giá mới chỉ được áp dụng khi có sự thống nhất của hai bên; **Giá trên áp dụng mức thuế giá trị gia tăng (VAT) theo quy định tại thời điểm xuất hóa đơn tài chánh**.

Điều 5. Thanh toán

5.1 Thời gian và hình thức thanh toán:

Sau khi hợp đồng được ký kết, Bên B xuất hóa đơn bao gồm thuế Giá trị gia tăng theo kỳ 3 tháng (4 đợt/ năm) . Bên A sẽ thanh toán dịch vụ trước cho bên B số tiền trên hóa đơn bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào một trong các tài khoản sau:

Tên tài khoản: Công ty cổ phần công trình đô thị Trà Vinh.

Các tài khoản:

- 116000015918 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh;
- 7356666664 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh.

Hóa đơn hoặc các chứng từ khác do bên B xuất là cơ sở thanh toán và xuất trình khi ngành chức năng kiểm tra.

5.2 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

6.1 Trách nhiệm của bên A:

Chứa rác vào thùng chứa rác hoặc túi rác chuyên dụng. Không được đưa các loại chất thải rắn bị từ chối, xác động vật vào chung với rác thải sinh hoạt. Rác thải trong sinh hoạt có gốc động thực vật bỏ vào túi nylon cột kín rồi cho vào thùng hoặc túi rác chung.

Không vứt rác xung quanh nơi đặt thùng hoặc túi rác. Nếu thùng chứa rác do bên B cung cấp, bên A có trách nhiệm bảo quản không để cháy, hư hỏng, mất. Nếu để cháy, hư hỏng, mất v.v… thì Bên A có trách nhiệm bồi hoàn theo giá hiện hành.

Kéo thùng rác hoặc mang túi rác ra phía ngoài đến đúng thời gian tại vị trí thuận tiện để phương tiện Bên B vào lấy rác. Thùng rác hoặc túi rác không đặt ở lề đường làm cản trở lối đi. Thanh toán chi phí vận chuyển rác sinh hoạt theo giá trị đã ký kết trong hợp đồng này.

6.2 Trách nhiệm của bên B:

Bố trí phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt trong thùng hoặc túi rác cho Bên A theo đúng địa điểm và thời gian thỏa thuận. Từ chối vận chuyển rác sinh hoạt ngày hôm đó hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu có các loại chất thải rắn bị từ chối và những chất liệu không hợp pháp gây cháy, nổ hoặc chứa hóa chất độc hại trộn lẫn trong thành phần rác thải sinh hoạt Bên A giao cho Bên B.

Trường hợp khi cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện bên A bỏ lẫn các loại rác không phải rác sinh hoạt (như đã nêu ở **Điều 1**) vào thùng rác, túi rác hoặc rác thải sinh hoạt lấy từ địa điểm của bên A có các loại chất thải rắn bị từ chối và các chất liệu khác không hợp pháp có trên xe thì bên A sẽ chịu mọi trách nhiệm và hình thức xử phạt theo qui định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu Bên A hoặc Bên B có khó khăn trở ngại phát sinh thì phải thông báo cho bên kia biết trước 05 ngày bằng văn bản, hoặc liên hệ Phòng Kế Toán; số điện thoại: 02943 853596 để được hướng dẫn thực hiện và giải đáp các trở ngại phát sinh.

Điều 7. Điều khoản bổ sung

Sau khi hợp đồng được hai bên ký kết, nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo **điều 5 khoản 1** thì hợp đồng xem như không có giá trị và bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm gì. Nếu cơ quan chức năng kiểm tra thì Bên A sẽ chịu mọi hình thức xử phạt theo qui định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu khối lượng vận chuyển rác tăng hoặc giảm thì hai bên tiến hành thoả thuận lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh theo phát sinh.

Hết thời gian hợp đồng, nếu có nhu cầu Bên A sẽ liên hệ với bên B cùng thỏa thuận ký hợp đồng mới.

Sau khi hai bên đã hoàn thành xong trách nhiệm của mình bao gồm trách nhiệm về tài chính thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

Điều 8. Điều khoản chung.

Hai bên đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được thì thống nhất nộp đơn đến tòa án có thẩm quyền để được giải quyết. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Hợp đồng này được thành lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
M.S.D.N: 2100234397 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH TP. TRÀ VINH - T. TRÀ VINH	M.S.D.N: 1301117268 C.T.N.H.H CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SACN HOÀNG GIA PHÁT TP. BẾN TRE - T. BẾN TRE
Phạm Tấn Lộc	Nguyễn Thị Bích

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG MINH HUY
MINH HUY 環境単一メンバー有限責任会社

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
ベトナム社会主義共和国
独立-自由-幸福

Số/No: 01/2024/HĐKT-YZK

HỢP ĐỒNG
契約書

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp (không nguy hại) của Chi Nhánh Công Ty TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH
矢崎 EDS ベトナム有限責任会社チャビン工場の産業廃棄物(非危険廃棄物)の収集・運搬・処理の件

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
  2015 年 11 月 24 日付民法 91/2015/QH13 号に基づく
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
  2005 年 6 月 14 日付商法 36/2005/QH11 号に基づく
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
  2020 年 11 月 17 日付環境保護法 72/2020/QH14 号に基づく
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
  環境保護法の条項についての執行を詳細に指導する 2022 年 1 月 10 日付「08/2022/NĐ-CP 号」政令に基づいて
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
  環境保護法の条項についての執行を詳細に指導する 2022 年 1 月 10 日付 02/2022/TT-BTNMT 号資源環境省の通達に基づいて
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.
  両社の実際需要および可能性のに基づく；

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2024 tại Trà Vinh, chúng tôi gồm:
本日、2024 年 3 月 01 日、チャビンにおける両社は：

BÊN A: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH
A 側： 矢崎 EDS ベトナム有限責任会社チャビン工場

Địa chỉ/住所 : Lô C&H, Đường số 1, 5, Khu Công Nghiệp Long Đức, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
Điện thoại 電話番号 : 0293-746846 Fax:
MST 税コード : 3700230036-002
Do Ông 代表者 : Mr NOGI HIROSHI Chức vụ 役職: Tổng Giám Đốc 社長

BÊN B: Công ty TNHH MTV MÔI TRƯỜNG MINH HUY
B 側： MINH HUY 環境単一メンバー有限責任会社

Địa chỉ công ty/本住所 : Ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại 電話番号 : 0961-700800 Fax:
Số Tài khoản : 0741000629767 tại ngân hàng vietcombank Trà Vinh
(Người thụ hưởng Công ty TNHH MTV Môi trường Minh Huy)
/口座番号： 0741000629767 ベトコムバンクチャビン（口座名：MINH HUY 環境単一メンバー有限責任会社）
Mã số thuế 税コード : 2100606165
Do Ông 代表者 : Mr NGUYỄN ĐÌNH HÀO Chức vụ 役職: Giám Đốc/社長

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp (không nguy hại) với những nội dung như sau:
両社は下記内容のように産業廃棄物(非危険廃棄物)の収集・運搬・処理契約書を締結することに合意する。

Điều 1: Nội dung thỏa thuận 契約内容

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp (không nguy hại) phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.
A 側は、A 側の生産活動で発生する産業廃棄物(非危険)を収集、輸送、および処理するよう B 側を割り当てることに同意します。

1.2. Điều kiện lưu chứa 保管条件

Chất thải công nghiệp (không nguy hại) được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong bể chứa riêng biệt; bùn nước trong hầm chứa đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Hầm chứa do bên A tự trang bị. Chất thải hầm cầu được bên A chứa trong hầm tách riêng biệt.

産業廃棄物(非危険)は、A 側によって収集、分別、および別々のタンクに保管されます。地下室の水汚泥が安全性を確保され、環境に漏れられません。所管官庁が発行された技術要件と産業廃棄物管理手順を満たしています。地下室は A 側自体によって装備されてい。トイレからの廃棄物は別途の地下室に保管されます。

1.3. Phương thức xác định khối lượng 斤量決定方法
Khối lượng chất thải hầm cầu, bùn thải bể tự hoại: được xác định bằng dung tích bồn chứa của bên B có xác nhận của bên A.
トイレの廃棄物及び、汚泥の量：A 側によって認定された B 側のタンク容量によって決定される。

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận 収集時間と納品場所

- Thời gian thu gom: Thu gom Theo Yêu Cầu của bên A, bên A phải báo trước 02 ngày (ngày làm việc) để bên B chuẩn bị phương tiện vận chuyển (trừ ngày lễ và ngày tết).
  収集時間：A 側の要求に応じて、輸送手段を準備するよう A 側は B 側に 2 日間前 (稼働日)に通知するものとする(祝日とお正月を除く)
- Tần suất tối thiểu: 01 lần/tháng.
  最低頻度：1 回/月
- Địa điểm thu gom: Chi Nhánh Công Ty TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH
  収集場所：矢崎 EDS ベトナム有限責任会社チャビン工場
  - Địa chỉ/場所: Lô C&H, Đường số 1, 5, Khu Công Nghiệp Long Đức, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điều 2: Đơn giá và phương thức thanh toán 単価及び支払い方法

2.1. Đơn giá chất thải công nghiệp (không nguy hại) áp dụng tại chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh.
矢崎 EDS ベトナム有限責任会社チャビン工場にて産業廃棄物(非危険)の単価が適用される。

No.	Loại chất thải 種類	Trạng thái tồn tại 存在状態	Đơn vị tính 存在状態単位	Đơn giá Thu gom và xử lý chất thải (VNĐ) 廃棄物処理及び収集単価(ドン)
01	Chất thải hầm cầu, bùn thải bể tự hoại 浄化槽廃液、浄化槽汚泥	Lỏng 水汚泥	m^3 リッポメートル	750.000

Ghi chú:
Đơn giá trên đã bao gồm 08% thuế GTGT.
Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản, hai bên sẽ thỏa thuận về đơn giá thay đổi.
備考：
上記の単価は付加価値税 08%込みの価格です。
原価が変更される場合、B 側は A 側に書面で 30 日間前に通知し、両社が交渉し、単価を調整するものとする。

2.2. Phương thức thanh toán
支払方法

a. Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế đã được hai bên xác nhận, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT hợp lệ cho bên A.
両社によって確認された実際の収集廃棄物の量に基づいて、B 側は A 側に VAT 請求書を発行する。

b. Bên A thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ do bên B phát hành.
A 側は銀行振込で B 側に支払います（振込手数料は A 側が負担）。支払い期限は B 側が発行した有効な VAT 請求書を A 側 が受け取った日から 30 日です。

c. Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định và thông báo cho bên A biết.
税法により VAT 率を変更した場合、B 側は規制に従って調整し、A 側に通知する権利があるものとする。

d. Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.
A 側がこの契約に記載されている期限に従って B 側に支払いを行わない場合、B 側は B 側の廃棄物の収集を停止し、契約を清算します。

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các bên 両社の権利と義務

3.1 . Quyền và nghĩa vụ của bên A
A 側の権利と義務

3.1.1. Quyền của bên A
A 側の権利

a. Có quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
B 側に本契約の第 01 条に従って廃棄物の収集・処理を要求する権利を有する。

b. Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
B 側が契約に違反する場合、30 日以内に書面で B 側への廃棄物の引き渡しを停止するものとする。

c. Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 04.
第 04 条に従って契約が満了した場合、B 側に廃棄物の引き渡しを停止するものとする。

d. Được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên B vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A.
A 側は B 側が本契約の内容の 1 つに違反した場合、または B 側が A 側の活動に影響を与える現在の法的規定に違反した場合、契約を一方的に終了する権利を有する。

3.1.2. Nghĩa vụ của bên A
A 側の義務

a. Chịu trách nhiệm phân định, phân loại chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho bên B.
B 側に廃棄物を引き渡す前に、廃棄物管理に関する規制に従って廃棄物を分類・管理する責任があること。

b. Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
第一条に従って廃棄物の引き渡しを実施すること。

c. Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
現在の規制に従って、廃棄物の移送時の廃棄物引き渡し議事録のフローに遵守すること。

d. Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 01 – khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 02 – khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
本契約の第 02 条に従って B 側に廃棄物の収集・輸送・処理の費用を支払うこと。定期的に、第 01 条 1.4 項で定められたスケジュールに基づいて、B 側は廃棄物を収集しに来るが、A 側は廃棄物を配達しない場合、A 側は、第 02 条 2.1 項で合意されたその輸送費を負担しなければなりません。

e. Phân loại chất thải theo quy định. Không để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động, bùn thải hoặc các loại chất thải khác vào các loại chất thải thuộc Danh mục chất thải công nghiệp quy định tại Điều 02 – khoản 2.1. Chịu trách nhiệm chi trả chi phí vận chuyển đối với lần đến vận chuyển không đúng quy định này.
規制による廃棄物の分類を行うこと。有害廃棄物、医療廃棄物、活動廃棄物、汚泥その他の廃棄物を、第 2 条 2 項の 2.1 項に定める産業廃棄物リストに掲載されている廃棄物の種類に混入させないこと。この規制に不遵守度の輸送料を支払うこと。

f. Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
B 側に廃棄物の収集条件を整える。B 側から要求された場合、廃棄物に関する必要な情報を提供すること。

g. Cử người xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
廃棄物斤量決定及び引き渡し担当者を配属する。

h. Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 03 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
A 側が第 3 条 3.1.1 項に従って処理のために B 側への廃棄物の引渡しを一時的に停止した場合、A 側は、廃棄物の引渡し停止日から 15 日以内に B 側への債務を決済する義務を履行するものとする。

i. Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
A 側が法令の規定により解散又は破産された場合、A 側は署名された契約内容に従って義務と責任を果たされ、B 側に債務の支払いを完了すること。

3.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B
B 側の権利と義務

3.2.1. Quyền của bên B
B 側の権利

a. Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
第 02 条に従って A 側の支払った金銭を受け取るものとする。

b. Bên B có quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau:
次の場合に B 側は A 側に、定期的に書面で廃棄物収集の停止を通知する権利を有します。

- Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
A 側の契約違反による廃棄物収集の一時停止
- Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 02- khoản 2.2.
第 02 条 2 項に定められたに従って A 側の支払い遅延による一時停止。

- Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt…
  自然災害、洪水等の不可抗力場合により一時停止
- Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 04.
  第 04 条に従って契約が満了した場合

3.2.2. Nghĩa vụ của bên B
B 側の義務

a. Bảo đảm tuân thủ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng như Điều 1; quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường
一般産業廃棄物の収集、運搬、処理に関する規定及び、本契約の第 1 条に従って廃棄物の収集、輸送、処理の遵守を確保すること。

b. Chịu trách nhiệm khi vi phạm các quy định hiện hành về quản lý chất thải thông thường
一般産業廃棄物の管理に関する現在の規制違反に責任を負うこと。

c. Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
現在の規制に従って廃棄物の移送時の廃棄物引き渡し議事録のフローに遵守すること。

d. Trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, bên B phải đảm bảo: Thiết bị, trang bị bảo hộ lao động, phương tiện... đầy đủ theo quy định pháp luật. Đảm bảo giữ gìn vệ sinh khu vực tiến hành công việc tại địa chỉ của Bên A.
廃棄物の処理、輸送及び、収集の際、B 側は設備、労働保護設備、車両等が法律に従って完全に装備されることを確保する。A 側の住所の作業エリアにて清潔であることを確保する。

e. Bên B phải đảm bảo rằng tất cả các nhân sự mà mình tuyển dụng hoặc thuê để thực hiện các công việc theo yêu cầu của Bên A có đầy đủ năng lực và chuyên môn phù hợp và được đào tạo đầy đủ, hướng dẫn và giám sát một cách phù hợp.
B 側はサービスを実行するために採用等する人員は全員がサービスを実施するための能力、適切な専門知識があること、十分教育され、適切に案内、観察されることを確保しなければならない。

f. Tuân thủ các nội quy, quy định, hướng dẫn...của Bên A khi đến thực hiện dịch vụ tại địa chỉ của Bên A.
A 側の住所でサービスを実施するために来る際、A 側の内規、案内、規定等を厳守する。

Điều 4. Tạm ngưng Thực hiện và Chấm dứt Thực hiện Hợp đồng 契約履行の一時停止と解除

4.1. Bên A có quyền tạm ngưng thực hiện hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng này bằng cách thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do trước 30 ngày cho Bên B, trong đó phải nêu rõ ngày có hiệu lực của việc tạm ngưng hoặc chấm dứt hợp đồng.
いつでも、原因不要で、A 側は、B 側に対し 30 日前に書面により通知することで、契約履行の一時停止、或いは契約解除をすることができ、その中で、一時停止または、契約解除の有効日を明記すること。

4.2. Nếu Bên A chấm dứt Hợp đồng này, phạm vi trách nhiệm của Bên A đối với Bên B được giới hạn ở các điều khoản của Hợp đồng này cho đến hết ngày có hiệu lực của việc chấm dứt.
もし A 側が、本契約を解除したら、A 側の B 側に対する責任範囲は、契約解除の有効日まで、本契約の条件に限定される。

Điều 5. Phạt vi phạm và bồi thường Thiệt hại 違反処罰と損害賠償

5.1. Vi phạm hợp đồng là khi một bên vi phạm bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào theo quy định của hợp đồng này và Bên còn lại đã có thông báo nhắc nhở đến lần thứ hai mà bên vi phạm vẫn không tiến hành khắc phục hoàn tất toàn bộ vi phạm.
契約違反とは、一方の当事者が本契約の規定によるいずれかの権利、義務に違反し、他方の当事者がそれについて 2 回目まで通知したが、違反側は、違反をすべて完全に改善しないこと。

5.2. Bên vi phạm phải bồi thường hoàn toàn cho Bên còn lại, nhân viên và đại diện của Bên còn lại đối với bất kỳ mất mát, tổn hại, yêu cầu, đòi hỏi (bao gồm quyền cầm giữ vật thế chấp), chi phí và trách nhiệm (bao gồm tổn thương cơ thể hoặc tử vong) phát sinh liên quan đến (i), không tuân thủ hoặc vi phạm theo Hợp đồng này hoặc khi thực hiện Hợp đồng này; (ii) bất kỳ sự bất cẩn hoặc hành

vi trái luật của Bên vi phạm hoặc của nhân viên, giám đốc, người lao động, đại lý của Bên vi phạm; và (iii) bất kỳ tổn hại về mặt vật lý hoặc phá hủy đối với hoạt động sản xuất hoặc bất động sản do Bên vi phạm gây ra. Ngoài ra, Bên vi phạm phải hoàn trả cho Bên còn lại, trên cơ sở bồi thường hoàn toàn, tất cả phí tổn và các khoản chi phí pháp lý mà Bên còn lại phải chịu liên quan đến các vấn đề nói trên, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Điều khoản bồi thường thiệt hại này sẽ giữ nguyên hiệu lực kể cả khi Hợp đồng này bị chấm dứt hoặc hết hạn.
違反側は、以下(I)、(II)、(III)に関連し発生するいかなる紛失、損害、要求、請求(担保保持権を含む)、費用と責任(身体の損傷または死亡を含む)に対し、他方および他方の社員と代表者に賠償しなければならない。(I)本契約に対する、または本契約実施時におけるいかなる不履行、不遵守または違反； (II)違反側あるいは違反側の従業員、労働者、社長、代理によるいかなる不注意または違法行為；(III)違反側により引き起こされた動産または不動産に対する物理的ないかなる損害、または破壊。その他に、別な合意がある場合を除いて、違反側は、完全賠償を基本とし、上記の問題に関して他方が負担したすべての損失、法的費用を他方に支払わなければならない。この損害賠償条項は、本契約が解除された、或いは期限が満了してもその効力が維持される。
5.3. Trường hợp một bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này ngoài việc phải bồi thường thiệt hại theo Khoản 2 Điều này còn phải chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.
一方の当事者が本契約のいずれかの条件に違反した場合、本契約書の第 2 項により損害賠償しなければならない以外に、違反した契約の義務に対し８％の価値の罰金を受けなければならない。

Điều 6. Bảo mật thông tin 条 情報セキュリティ
Bên B không được, và phải đảm bảo nhân viên, nhân sự và nhà thầu phụ của mình không được, sử dụng, sao chép, công bố hoặc bằng bất kỳ hình thức nào tiết lộ bất kỳ thông tin nào có được trong quá trình thực hiện nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng này (và thường không ở dạng công khai) trừ khi cần thiết để hoàn thành các nghĩa vụ này hoặc được Bên A đồng ý bằng văn bản. Nghĩa vụ này sẽ giữ nguyên hiệu lực kể cả khi chấm dứt hoặc hết hạn Hợp đồng này.
B 側は、本契約書に関連する義務を実施する過程において得たいかなる情報(通常公開されていない)を、その義務を完成するために必要、或いは、A 側が書面により合意した場合を除いて、使用、コピー、公開、或いは、いずれの形式でも漏洩してはならず、B 側の従業員、人員、下請け業者がそれをしないことを確保しなければならない。この義務は、本契約が解除された、或いは期限が満了してもその効力が維持される。

Điều 7. Điều khoản chung
第 7 条：共通項目
7.1. Tất cả thông báo theo quy định của Hợp đồng này phải được thể hiện bằng văn bản và được ký bởi bên gửi thông báo hoặc người đại diện của bên gửi thông báo và được gửi đến địa chỉ được hai bên xác nhận trên hợp đồng, địa chỉ hộp thư điện tử hoặc số fax đã được hai bên xác nhận.
本契約の規定に基づくすべての通知は、書面により作成され、通知側または通知側の代表者に署名され、両当事者が契約書上で事前に確認した住所、または、両当事者が確認した電子メールアドレス、ファクス番号に送られること。
7.2. Không bên nào được chuyển nhượng, chuyển giao hoặc giao thầu lại đối với toàn bộ hoặc bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng này hoặc định đoạt bất kỳ quyền, lợi ích nào trong Hợp đồng này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên còn lại. Bất kỳ việc chuyển nhượng, chuyển giao và giao thầu lại nào trái với Điều khoản này sẽ bị vô hiệu.
両当事者はともに、本契約による自らの権利、義務のすべて或いはいずれかの一部について譲渡、移転、または下請けすることはできず、或いは、相手側の書面による合意なしに本契約におけるどの権利、利益も決定することはできず、そして、本条項に反するいかなる譲渡、移転、下請けも無効となる。
7.3. Mỗi bên phải tuân thủ pháp luật áp dụng có liên quan đến việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn ở: Các điều ước, luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư và các quy định khác về cấm cưỡng bức lao động, lao động trẻ em, lao động cao tuổi và buôn người.

両当事者は、本契約の締結および履行に関し適用される法律を遵守しなければならず、以下の規定等を含むがその限りではない：各条約、法律、法令、政令、通達、その他の強制労働・児童労働・高齢者労働・人身売買を禁止する規定など。
7.4. Mỗi bên khẳng định và bảo đảm rằng không và sẽ không nằm trong bất kỳ trường hợp nào liên quan đến cá nhân, tổ chức...phản xã hội, chống đối nhà nước.
両当事者は、互いに、反社会、反政府などの個人・組織に関連するいずれのケースにも該当しておらず、今後も該当しないことを断言し保証する。
7.5. Bên B cam kết không tặng tiền, quà, hoa hồng cho nhân viên của Bên A trong bất kỳ trường hợp nào ngoại trừ quà mang tính chất công việc như hoa, lịch, sổ, bút…có biểu tượng của Bên B. Bên B có nghĩa vụ nhanh chóng báo cáo đến Bên A khi nhân viên của Bên A có những hành vi như gợi ý hoặc đề nghị tặng tiền, quà, hoa hồng...thông qua số điện thoại 0901 312 155 hoặc email giamsatnoibo@yev.vn.
B 側のロゴマークが付与されたペン、ノート、カレンダーまたは、花などの業務的性質のプレゼントを除いて、B 側は、いかなる場合においても、金品、キックバック等を A 側の従業員へ贈らないことを約束する。B 側は、A 側の従業員に金品・キックバックの要求、または、それをうかがわせる行為があった場合には、ホットライン 0901 312 155 または E メール giamsatnoibo@yev.vn を通じて早急に A 側へ報告する義務を有する。
7.6. Không bên nào phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ việc không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ khi mà nguyên nhân dẫn đến việc không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ nằm ngoài sự kiểm soát chính đáng của bên này. Các nguyên nhân bao gồm nhưng không giới hạn ở: đình công, bạo động, dịch bệnh, hỏa hoạn, cháy nổ, lũ lụt, bão, động đất, khủng bố, chiến tranh, hoạt động chính quyền hoặc các sự kiện khác ngoài tầm kiểm soát của bên bị ảnh hưởng.
両当事者は、本契約の不履行、義務実施遅延の原因が自身の正当な管理範囲外にある場合、互いに、いかなる不履行、義務実施遅延について責任を免れる。それら原因に以下を含むがその限りではない：ストライキ、暴動、疫病、火災、爆発、水害、台風、地震、テロ、戦争、政府活動、或いは、その他の影響を受ける側の管理範囲外の事象など。
7.7. Không có phần thêm vào, xóa đi hoặc sửa đổi khác đối với các quy định trong bất kỳ phần nào của Hợp đồng này có hiệu lực ràng buộc đối với Bên A trừ khi có sự thống nhất và chấp thuận bằng văn bản có ký tên và đóng dấu xác nhận của đại diện hai bên.
両社の代表は書面で印と署名を承認しない限り、本契約のいずれかの規定に対する追加、削除、或いは、その他の変更は、有効ではなく A 側を拘束しない。
7.8. Việc một bên miễn trừ đối với vi phạm của bên còn lại không có nghĩa là miễn trừ đó áp dụng cho các vi phạm sau đó. Mỗi bên có quyền theo Hợp đồng này ngoài những quyền khác đã được quy định trong luật chung hoặc luật có liên quan.
両当事者のうちの一方が、相手側の違反に対し責任を免除することは、それ以降の違反に対する責任免除を意味するものではない。一般的な法律、或いは、関連する法律に規定された権利の他に、両社は、互いに本契約に基づく権利を有する。
7.9. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này (hoặc một phần của điều khoản đó) bị bất kỳ tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền tài phán khác cho là vô hiệu, trái pháp luật hoặc không thể thực hiện được, thì điều khoản hoặc một phần của điều khoản đó sẽ, trong phạm vi cần thiết, được xem là không tạo thành một phần của Hợp đồng này, và hiệu lực và tính thực thi của những điều khoản khác trong Hợp đồng này sẽ không bị ảnh hưởng.
本契約書のいずれかの条項(あるいはその条項の一部)について、いずれかの裁判所、またはその他の権利のある所管の審判機関によって無効、違法、または実行不可などとされた場合、その条項、或いはその条項の一部は、必要な範囲において、本契約書を構成する一部とみなさず、また、本契約のそれ以外の条項の実行性、効力に影響しないものとする。
7.10. Việc không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào được quy định theo Hợp đồng này của bất kỳ bên nào sẽ không được hiểu là sự từ bỏ quyền hoặc biện pháp khắc phục đó của bên đó.
両当事者のうちのいずれかが、本契約書により規定された権利または対策のいずれかを実施しない、或いは実施遅延することは、自らの権利または対策の放棄とは理解しない。

7.11. Nếu không có thỏa thuận khác, Hợp đồng này được mặc nhiên thanh lý khi các Bên thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng. Ngoại trừ điều khoản bảo hành vẫn thực hiện cho đến khi hết thời hạn bảo hành.
その他の合意がない限り、両当事者が本契約の各条項を十分に実施したら、本契約は自動的に清算される。保証の条項に限って、保証期間が終了するまで実行される。
7.12. Bên B cam kết cải thiện việc thu gom, lưu trữ chất thải nhằm giảm thiểu chất thải nhựa, nilong...hoặc các chất thải khác gây ảnh hưởng đến môi trường nhưng không ảnh hưởng đến tính an toàn và chất lượng của dịch vụ cung cấp cho Bên A.
B 側は、プラスチック、ナイロンや、その他の環境に影響する廃棄物を削減するために、一定の基準に従い梱包の改善をすることを約束するが、A 側へ提供する製品の品質、安全性には影響しないことを保証する。
7.13. Hợp đồng này được làm thành 02 bộ song ngữ bằng tiếng Nhật và tiếng Việt, 01 bộ cho Bên A và 01 bộ cho Bên B có giá trị như nhau. Nếu có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa tiếng Nhật và tiếng Việt, tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
本契約書は 02 部 （日本語と ベトナム語）を作成され、購入者で 01 部、供給者で 01 部を保持しそれぞれ同等の価値を有する。 日本 語とベトナム語の間に矛盾点があれば、ベトナム語を優先し適用する。

Điều 8. Luật Điều chỉnh và Giải quyết Tranh chấp 調整法律と紛争解決

8.1. Hợp đồng này và bất kỳ tranh chấp hoặc khiếu nại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này hoặc nội dung chính hoặc hình thức của Hợp đồng này (bao gồm các tranh chấp hoặc khiếu nại ngoài hợp đồng) sẽ được điều chỉnh bởi và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
本契約書や、本契約書・主な内容や形式から、またはそれに関連して発生するいかなる紛争、クレーム(契約外の紛争やクレームも含む)は、ベトナムの法律により説明され調整される。
8.2. Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, sau khi các bên đã nỗ lực giải quyết nhưng không thành, các tranh chấp này sẽ được đem ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi án phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
本契約書から、またはそれに関連して発生するいかなる紛争があって、両当事者が、努力し解決しようとしたが成功しなかった場合、これらの紛争は、解決のためにチャビン省の人民法院に持ち込まれ、当センターの訴訟仲裁規定に従い解決される。裁判の費用はすべて敗訴した当事者が負担する。

Điều 9. Thời hạn Hợp đồng 契約納期

Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực 01 năm kể từ ngày 01/03/2024 đến hết ngày 28/02/2025, trừ khi bị chấm dứt theo quy định Điều 4 trên đây.
上記第 4 条の規定に従って解除される場合を除いて、本契約は 2024 年 3 月 01 日から 2025 年 02 月 28 日まで 1 年間有効となる。

ĐẠI DIỆN BÊN A A 側の代表者	**ĐẠI DIỆN BÊN B** B 側の代表者
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG MINH HUY
NOGI HIROSHI	**NGUYỄN ĐÌNH HÀO**

BẢNG SO SÁNH NHÀ CUNG CẤP
各業者の比較表

Ngày日付: 29/12/2023

Chấp thuận 承認	Xác nhận 確認	Hoàn tất 作成者

No.	Hạng mục 項目	Nội dung đánh giá 評価内容	Tên sản phẩm 品名	S.Lượng 数量	NHÀ CUNG CẤP 業者名						Ghi chú 備考
					AN VẠN PHÁT 業者		LONG VÂN KTB 業者		MINH HUY 業者		
					Đơn giá 単価	Thành tiền 金額	Đơn giá 単価	Thành tiền 金額	Đơn giá 単価	Thành tiền 金額	
1	Giá cả コスト	Giá cạnh tranh 競争価格	Chất thải hầm cầu, bùn thải bể tự hoại 浄化槽廃液、浄化槽汚泥	1	890,000	890,000	850,000	850,000	750,000	750,000	
ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN 提案された業者									✓		
LÝ DO LỰA CHỌN 選択理由			→ Đơn giá Thấp nhất 最安値								

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ HÚT BÙN THẢI

Kính gửi: CÔNG TY NHHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH

Địa chỉ: Lô C và H, Đường số 1 và số 5, KCN Long Đức, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Long Đức, TPTrà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Chúng tôi: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG MINH HUY

Địa chỉ: Ấp Trì Phong, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0961700800

Mã số thuế: 2100606165

Theo yêu cầu của quý công ty cần hút bùn thải, nay chúng tôi xin gửi bảng báo giá như sau:

1. Hút, vận chuyển và xử lý bể thu T03 là : 750.000đ/m^3
2. Hút, vận chuyển và xử lý bể bùnT21 là:750.000đ/m^3
3. Hút, vận chuyển và xử lý bể bùnT22 là:750.000đ/m^3
4. Hút, vận chuyển và xử lý bể mỡ Căn Tin là:750.000đ/m^3

Giá trên đã bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng (VAT)

Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

Chúng tôi rất mong nhận được sự hợp tác từ quý công ty.

Xin chân thành cảm ơn !

Trà Vinh, ngày 19 tháng 12 năm 2023

XÁC NHẬN TỪ YAZAKI

NOGI HIROSHI

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2100606165 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG MINH HUY
H.CHÂU THÀNH - T.TRÀ VINH

Nguyễn Đình Hào

BẢNG ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
サービス提供業者評価表

▲Đánh giá định kỳ 1 năm giao dịch 一年間のサービスを評価する		
Trưởng phòng 部長	Trưởng BP 課長	Người đánh giá 評価者

▲▲Hợp đồng NCC mới 新業者の契約			
Giám đốc 社長	Trưởng phòng 部長	Trưởng BP 課長	Người đánh giá 評価者

1.Tên nhà cung cấp dịch vụ CÔNG TY TNHH - MTV - MT- MINH HUY サービス提供業者名 2. Tên dịch vụ:Thu gom xử lý rác thải,bùn thải,nước thải công nghiệp và sinh hoạt サービス名：	サービス Dịch vụ	D	✓
		E	

Dịch vụ dùng cho xưởng 工場用のサービス	DA	
	MP	
	TV	Y
	AW	

業者と契約する工場 Xưởng ký hợp đồng với NCC:

作成日：Ngày hoàn thành: 03/01/2024

部署：Bộ phận: Hozen

評価者名：Tên người đánh giá: Nguyễn Minh Ngân

下記の定義された"D"または"E"のサービスに次第、"✓"をクリックし、評価する。 Tùy vào dịch vụ giao dịch định nghĩa bên dưới, sẽ đánh dấu ✓ thuộc D, E để đánh giá.

定義 Định nghĩa:	D.YEVが依頼しているサービス提供業者	Nhà cung cấp thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của YEV
	E.YAZAKI専用指定するサービス・・・	Nhà cung cấp thực hiện dịch vụ mà YC chỉ định.
	評価担当者はYCです。	Chịu trách nhiệm đánh giá là YC.

評価標準 Tiêu chuẩn đánh giá (Click "✓" vào ☐ để chọn đánh giá định kỳ hoặc chọn nhà cung cấp mới).

サービス. Dịch vụ	項目 Hạng mục			評価内容 Nội dung đánh giá	▲ 一年間のサービスを評価する。 Đánh giá thực tế 1 năm thực thi giao dịch				▲▲ 新業者の契約 Hợp đồng NCC mới		
					○ 2	△ 1	× 0	ランク Mức 点 Điểm	○ 2	× 0	ランク Mức 点 Điểm
D	1.品質 1.Chất lượng	品質管理体制 Qui định quản lý chất lượng	1	サービス要件を満たす。 Thỏa mãn các điều kiện về chất lượng thực hiện dịch vụ	2			○:Đúng số lượng, chủng loại theo Invoice, Order hay hợp đồng. 数量・種類が契約・オーダー・インボイスによる △:Khi phát sinh vấn đề thì nhanh chóng đưa ra đối sách phòng chống tái phát. 発生事例は有るが即時に対策再発防止されている ×: Khi phát sinh vấn đề sai lệch số lượng, chủng loại dù có đối sách nhưng vẫn bị tái phát sinh 数量・種類問題を起こし対策しても再発が有る			○. Đạt tiêu chuẩn so với yêu cầu của YEV YEVの要求より基準を満たす。 ×: Không đạt tiêu chuẩn so với yêu cầu của YEV. YEVの要求より基準を満たさない。
			2	仕入先への迅速なサービス用の物report依頼 Yêu cầu báo cáo hàng hóa dùng trong dịch vụ nhanh cho nơi mua hàng	2			mã hàng hóa trong đơn hàng. Đúng mã hàng hóa đã đăng ký trong danh mục kiểm soát hóa chất YEV. 契約どおりサービス、発注品番が正解です。YEVの化学管理一覧と比べて正解です。 △: Thỉnh thoảng 時々 -Chỉ đáp ứng <50% khi có yêu cầu báo cáo nhanh sản phẩm & NVL. 仕入先への迅速なmaterial report依頼時、対応力は未50%。 × Không có. 無い			○.Có cam kết trong hợp đồng 契約の中に約束内容がある。 ×: Không có 無い

Dịch vụ	Hạng mục	Nội dung đánh giá		○ 2	△ 1	× 0	ランク　Mức 点　　Điểm	○ 2	× 0	ランク　Mức 点　　Điểm
	納品／クレーム Giao hàng/Ý kiến đóng góp	3	サービスの後にDelivery遅い発生回数 Số lần phát sinh sai sót khác với đơn hàng sau khi thực hiện dịch vụ				○: Đáp ứng được yêu cầu dịch vụ của YEV. YEVのサービス要求を満たす。 △:Khi phát sinh vấn đề thì nhanh chóng đưa ra đối sách phòng chống tái phát. 発生事例は有るが即時に対策再発防止されている ×:Không đáp ứng yêu cầu dịch vụ của YEV . YEVのサービスの要求を満たさない。			○. Có cam kết đáp ứng theo yêu cầu trong hợp đồng. 契約の中に要求を満たす事に関する約束内容がある。 ×: Không có 無い
		4	クレーム発生時のsupport speed （サービス関連） Tốc độ hỗ trợ khi phát sinh lỗi dịch vụ lỗi	2			○: Không xảy ra vấn đề về chất lượng trong 1 năm trước (Bao gồm cả vấn đề có chứa vật chất gây tác hại xấu lên môi trường). 過去１年間に品質問題（環境負荷物質含有混入問題を含む）を起こしていない △: Khi phát sinh vấn đề thì nhanh chóng đưa ra đối sách phòng chống tái phát. 発生事例は有るが即時に対策再発防止されている ×: Khi phát sinh vấn đề chất lượng dù có đối sách nhưng vẫn bị tái phát sinh. 品質問題を起こし対策しても再発が有る			○. Có cam kết tốc độ đối ứng theo yêu cầu trong hợp đồng 契約の中に要求通りに対応スピードに関する約束内容がある。 ×: Không có 無い
		5	サービスの後の保証能力と信頼度 Độ tin tưởng, năng lực bảo hành sau thực hiện dịch vụ	2			○: Luôn bảo hành chất lượng theo hợp đồng 契約によると常に品質保証; △. Khi phát sinh vấn đề thì nhanh chóng đưa ra đối sách phòng chống tái phát 発生事例は有るが即時に対策再発防止されている. ×: Khi phát sinh vấn đề lỗi, dù có đối sách nhưng vẫn bị tái phát sinh. Không bảo hành chất lượng theo hợp đồng. ミス問題を起こし対策しても再発が有る;契約によると品質非保証			○.Có cam kết bảo hành theo yêu cầu trong hợp đồng 契約の中に要求通りに保証する約束内容が有る。 ×: Không có 無い
	2.納期 2. Kỳ hạn	納期対応力 Khả năng đối ứng kỳ hạn	6	サービス time 遵守 Tuân thủ thời gian thực hiện dịch vụ	2			○: Hầu như không có trễ kì hạn. 納期遅れが殆どない △.Thỉnh thoảng trễ kì hạn nhưng ý thức kì hạn cao. 納期遅れが時々あるが納期意識が高い ×:Trễ kì hạn nhiều lần. Không hợp tác 納期遅れが多い; 短納期に非協力・対応力もない			○. Có cam kết tuân thủ kì hạn theo yêu cầu trong hợp đồng 契約の中に要求通りに納期の厳守する約束が有る。 ×: Không có 無い。
		緊急時の対応体勢 Thái độ ứng phó trường hợp khẩn cấp	7	サービス times 調整 Điều chỉnh thời gian thực hiện dịch vụ	2			○: Hợp tác tích cực đối với điều chỉnh kì hạn ngắn và cũng có năng lực đối ứng; 短納期に積極的に協力、対応力も有る △. Thỉnh thoảng hợp tác đối với kì hạn ngắn 短納期に時々協力 ×: Trễ kì hạn nhiều lần. Không hợp tác 納期遅れが多い; 短納期に非協力・対応力もない			○. Có cam kết hợp tác điều chỉnh kì hạn ngắn theo yêu cầu trong hợp đồng 契約の中に要求通りに短納期に協力の内容が有る。 ×: Không có 無い

Dịch vụ	Hạng mục		Nội dung đánh giá		○ 2	△ 1	× 0	ランク　Mức 点　　Điểm	○ 2	× 0	ランク　Mức 点　　Điểm
		納期管理体制 Qui định quản lý kì hạn	8	窓口／担当者の明確化 Xác nhận người đảm nhiệm/ Nơi tiếp nhận thông tin	2			○: Có bằng chứng thông tin rõ ràng 明確な情報の証拠が有る。 △: Thỉnh thoảng 時々 Không thể liên lạc được người đảm nhiệm/ nơi tiếp nhận thông tin từ 2 lần trở lên. 窓口／担当者への連絡出来ない：2回以上 ×: Không có 無い			○. Có thông tin rõ ràng trong hợp đồng. 契約の中に明確な情報が有る。 ×:Không có 無い
			9	窓口／担当が不在時の対応 Đối ứng khi không có người phụ trách/ Nơi tiếp nhận thông tin	2			○: Có bằng chứng thông tin rõ ràng 明確な情報の証拠が有る。 △: Thỉnh thoảng 時々 Không thể đối ứng khi không có người phụ trách: từ 2 lần trở lên 窓口／担当が不在時の対応出来ない：2回以上 ×: Không có 無い			○. Có thông tin rõ ràng trong hợp đồng. 契約の中に明確な情報が有る。 ×: Không có 無い
			10	営業日・臨時休業日の連絡有無 Có liên lạc về những ngày nghỉ hay ngày làm việc của công ty (có trao đổi khi có nghỉ dài, nghỉ đột xuất)	2			○: Có bằng chứng thông tin rõ ràng 明確な情報の証拠が有る。 △: Thỉnh thoảng 時々 -Không có liên lạc: từ 2 lần trở lên. 連絡無い：2回以上 ×: Không có 無い			○: Có thông tin rõ ràng trong hợp đồng. 契約の中に明確な情報が有る。 ×: Không có 無い
	3. コスト **3. Giá cả**	企画提案能力 Năng lực đưa ra kế hoạch	11	サービス用の物.同spec／別maker／low priceの提案、紹介有無 Có giới thiệu dịch vụ, hàng hóa dùng trong dịch vụ cùng quy cách, tiêu chuẩn, giá thành rẻ hơn của hãng - nhà sản xuất khác không?	2			○: Có bằng chứng thông tin rõ ràng 明確な情報の証拠が有る。 △: Thỉnh thoảng 時々 -Chỉ giới thiệu khi có yêu cầu : 1 lần 依頼の時、紹介有: 一回 ×: Không có 無い			○: Có bằng chứng thông tin rõ ràng 明確な情報の証拠が有る。 ×:Không có 無い
		見積価格 Giá ước tính	12	流通市場と変わらぬ価格、または、scale meritも折込まれている Giá không đổi so với giá lưu thông trên thị trường hoặc có đặt mua hàng tập trung, cùng một mặt hàng với số lượng lớn	2			○: Có bằng chứng về giá thị trường; làm rõ giá mua ưu đãi nếu mua số lượng lớn, tập trung. 市場価格の証拠が有る；大量購入の価格を明確にする。 △: Thỉnh thoảng 時々 - Chỉ xem xét khi có yêu cầu: 1 lần 依頼の時、検討有：一回 ×: Không có 無い			○: Có bằng chứng thông tin rõ ràng 明確な情報の証拠が有る。 ×: Không có 無い

Dịch vụ	Hạng mục		Nội dung đánh giá		○ 2	△ 1	× 0	ランク　Mức 点　　Điểm	○ 2	× 0	ランク　Mức 点　　Điểm
		コスト低減 Hạ giá thành	13	相談した項目の以外の発生があれば無料サービス有無 Có hay không hỗ trợ miễn phí nếu có phát sinh nhỏ ngoài hạng mục thỏa thuận khi thực hiện giao dịch	2			○: Có thực hiện việc hỗ trợ miễn phí, để giảm giá thành nhưng vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ. 無料サポート。コスト低減を維持しながらサービスの品質も維持する。 △: Thỉnh thoảng　時々 -Chỉ xem xét khi có yêu cầu: 1 lần 依頼の時、検討有：一回 ×: không có tiêu chuẩn đóng gói. 基準な量で梱包無し。			○: Có tiêu chuẩn đóng gói sao cho giá thành thấp trong hợp đồng 契約の中にコスト低減するように基準な量で梱包の内容が有る。 ×: Không có 無い
	4. 安全 **4. Tính an toàn**	梱包 Đóng gói	14	サービス途中による身体への負担 Con người phải mang vác nặng khi thực hiện dịch vụ trong nhà xưởng, có cải thiện dịch vụ đáp ứng yêu cầu YEV	2			○: Có thực hiện dịch vụ theo tiêu chuẩn, đảm bảo tính an toàn, nhưng đảm bảo chất lượng sản phẩm. 基準に安全性を維持しながらサービスの品質も維持する。 △: Thỉnh thoảng　時々 Chỉ xem xét khi có yêu cầu: 1 lần 依頼の時、検討有：一回 ×:không có tiêu chuẩn an toàn. 基準に安全性無し。			○: Có tiêu chuẩn đóng gói an toàn trong hợp đồng 契約の中に安全に基準な量で梱包の内容が有る。 ×: Không có 無し
			15	梱包材の身体への影響 Con người bị ảnh hưởng bởi nguyên liệu đóng gói, có cải thiện bao gói giảm thiểu ảnh hưởng môi trường (vd: có chất thải nilon, nhựa ảnh hưởng môi trường ...)	2			○: Có hàng hóa đóng gói theo tiêu chuẩn, giảm thiểu ảnh hưởng môi trường, nhưng đảm bảo chất lượng dịch vụ. 基準な量で梱包。環境への影響を低減しながら、サービスの品質を維持する。 △: Thỉnh thoảng　時々 - Chỉ xem xét khi có yêu cầu: 1 lần 依頼の時、検討有：一回 ×: không có tiêu chuẩn đóng gói.基準な量で梱包無し。			○: Có tiêu chuẩn đóng gói ít ảnh hưởng môi trường nhất trong hợp đồng 環境へあまり影響与えないように契約の中に基準な量で梱包の内容が有る。 ×: Không có 無し
		納品 Giao hàng	16	YEV敷地内での安全ルール遵守 Tuân thủ qui định về an toàn trong toàn bộ khu vực của YEV, đối với nhân viên vào YEV làm việc	2			○: Tuân thủ các vấn đề về an toàn, vệ sinh, phân loại chất thải, phòng chống cháy nổ trong công ty. 掃除安全・廃棄物分類・火災防止等会社規制遵守 △. Thỉnh thoảng phát sinh vấn đề không tuân thủ nhưng nhanh chóng đưa ra đối sách phòng chống tái phát. 不遵守発生は有るが即時に対策再発防止されている ×: Không tuân thủ quy định nhiều lần　不遵守が多い			○: Có thông tin cam kết rõ ràng trong hợp đồng. 契約の中に明確な厳守情報の内容が有る。 ×: Không có　無し
	5.経営 **5. Kinh doanh**	経営姿勢 Thái độ kinh doanh	17	創業年数 Số năm thành lập (Tìm hiểu trên các trang quảng cáo, các thông tin doanh nghiệp, hoặc liên lạc trực tiếp nhà cung cấp)	2			○: Đáp ứng được yêu cầu về kỹ thuật, có đủ hồ sơ pháp lý (Giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hành nghề, chứng chỉ ISO theo ngành nghề, dịch vụ.) . Thành lập công ty trên 2 năm. 法的文書・技術の要求を満たす。（事業者登録証明書、業務許可証、ISO証明書、サービス）。2年間以上創業。 △: Không rõ ràng　　明確にしない Chỉ xem xét khi có yêu cầu: 1 lần 依頼の時、検討有：一回 ×: Không đáp ứng được yêu cầu. 要求を満たさない			○:Giống tiêu chuẩn a, cty thành lập trên 1 năm. A基準と同じ、1年間以上創業。 ×: Không đáp ứng được yêu cầu. 要求を満たさない

Dịch vụ	Hạng mục			Nội dung đánh giá	○ 2	△ 1	× 0	ランク　Mức 点　　Điểm	○ 2	× 0	ランク　Mức 点　　Điểm
			18	社員教育有無 Có hay không về việc đào tạo huấn luyện nhân viên (nhà CC mua hàng đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên để thực hiện giao dịch tại YEV)	2			○: Có bằng chứng tái đào tạo định kì khi đến thực hiện giao dịch với YEV. Không xảy ra vấn đề về chất lượng dịch vụ, luôn vui vẻ hợp tác サービス品質問題を起こしていない・いつも積極的に協力 △: Chỉ xem xét khi có yêu cầu: 1 lần 依頼の時、検討有：一回 ×: Không có bằng chứng đào tạo. 教育証拠無し			○: Có bằng chứng được đào tạo trước khi thực hiện giao dịch với YEV. YEVと取引前に社員教育証拠有り ×: Không có bằng chứng đào tạo. 教育証拠無し
		成長性 Tính tăng trưởng	19	取引先数・契約社数 Số công ty kí kết hợp đồng/giao dịch (Tìm hiểu trên các trang quảng cáo, các thông tin doanh nghiệp, hoặc liên lạc trực tiếp nhà cung cấp)	2			○: Có bằng chứng thông tin rõ ràng　証拠有り △: Chỉ xem xét khi có yêu cầu: 1 lần 依頼の時、検討有：一回 ×: Không có　証拠無し			○: Có bằng chứng thông tin rõ ràng 証拠有り ×:Không có　証拠無し
		コンプライアンス Tuân thủ pháp luật	20	法律順守姿勢 Thái độ tuân thủ pháp luật (môi trường, an toàn vận chuyển khi giao dịch)	2			○: Có tuân thủ pháp luật về an toàn, môi trường, Phương tiện chuyên chở hàng hóa,　& Các yêu cầu khác khi giao dịch với YEV. 環境規定遵守;業者の運搬台車;SOC依頼, 環境の要求・安全を遵守 △. không tuân thủ: Từ 2 lần trở lên 時々法律を遵守しない：二回以上 ×: Không tuân thủ. 遵守しない			○: Có cam kết tuân thủ pháp luật trong hợp đồng 契約書内での法律を順守し確約があり ×:Không có　無し
	6.その他 **6. Thứ khác**	支払い条件 Điều khoản thanh toán	21	Yazakiの清算規定通り同意 Đồng ý theo quy định thanh toán của công ty Yazaki (cùng thống nhất đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng)	2			○: Thực thi theo quy định thanh toán công ty. 会社の支払規定により実施する △: Để giảm chi phí giá thành, thanh toán trước kì hạn. 原価費用を減少し、支払い納期前に支払うこと ×:　Không đồng ý　　同意しない			○: Thực thi theo quy định thanh toán công ty. 会社の支払規定により実施する ×: Để giảm chi phí giá thành, thanh toán trước kì hạn. 原価費用を減少し、支払い納期前に支払うこと
				Total		**42**		**Total**			
▲一年間のサービスを評価する。 Đánh giá thực tế 1 năm thực thi giao dịch	**D**	**1.Tiêu chuẩn phán đoán cấp độ** **ランク判定基準** *Loại a: 42 *Loại b: 39~41 継続納入可（改善要求をする） Có thể tiếp tục giao hàng (Yêu cầu cải thiện). * Trong các hạng mục đánh giá có hạng mục điểm "×" thì xem như không đạt 評価項目は一つの"×"があれば達成しない。 **2. Kết quả đánh giá:** 評価結果 達成. Đạt □　　不達成. Không đạt □						▲▲-新業者の契約 Hợp đồng NCC mới			**1.Tiêu chuẩn phán đoán cấp độ** **ランク判定基準** *Tổng điểm dưới tiêu chuẩn là không đạt. 合点は標準より低ければ、悪い。 * Trong các hạng mục đánh giá có hạng mục điểm "×" thì xem như không đạt. 評価項目は一つの"×"があれば達成しない。 **2. Kết quả đánh giá:** 評価結果 達成. Đạt □　　不達成. Không đạt □

CHECK SHEET ĐIỀU KHOẢN HỢP ĐỒNG
契約条件チェックシート

Bộ phận ký kết Hợp đồng 契約締結部署	
Xác nhận 確認	Hoàn thành 作成
Phòng Pháp Lý 法務部	
Xác nhận 確認	Hoàn thành 作成
22/1/2024	19.01.24 / 12.01.2024

Phòng ban/Bộ phận 部署/チーム: HOZEN

Xưởng 工場:TRÀ VINH

Người phụ trách 担当者: BÙI THỊNH

Mã nhân viên 社員コード:32626

Tên Hợp đồng 契約名:Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp産業廃棄物(非危険廃棄物)の収集・運搬・処理

Tên đối tác/Nhà cung cấp 取引先、サプライヤー: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG MINH HUY

Loại giao dịch (theo Danh sách các giao dịch/Hợp đồng trên CMS) 取引の種類（CMS上の契約＆取引分類のリストに従う）: 5(5-3)

Số Hợp đồng 契約番号: 01/2024/HĐKT-YZK

I. Người phụ trách Hợp đồng xác nhận các thông tin chung sau 契約担当者は、下記の情報を確認すること

Trước khi tiến hành checksheet điều khoản hợp đồng phải diễn giải những hạng mục bên dưới

No.	Hạng mục 項目	Nội dung xác nhận 確認内容	Diễn giải 説明
1	**Bối cảnh/ mục đích 背景/目的**	Bối cảnh, mục đích của hợp đồng này (giao dịch) là gì? (Nhập nội dung vào cột diễn giải) *Lưu ý :* 1. Kiểm tra, xác nhận làm rõ bối cảnh, mục đích của hợp đồng, khi chỉnh sửa, bổ sung... thì nhằm thỏa mãn mục đích gì? Có thay đổi mục đích không? 2. Đối với trường hợp tái ký Hợp đồng, cần làm rõ bối cảnh, mục đích ký kết Hợp đồng, xác nhận Hợp đồng đã hoàn thành trước khi tái ký chưa? Có cần gia hạn, làm mới nội dung hợp đồng không?... この契約の背景/目的の内容は、説明欄に記入。 注記： １．契約の背景＆目的を検査・確認し明らかにすること。修正時の目的を明確にし、目的変更が必要かどうか判断。 ２．契約再締結の場合は、締結の「背景、目的」を明確にし、再締結の前に契約を完成できたか確認し、更新が必要なのか判断。	-Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp (không nguy hại) 産業廃棄物(非危険廃棄物)の収集・運搬・処理 -Hợp đồng hoàn thành trước khi tái ký(01/03/2023-29/02/2024) 再締結の前に契約書を完成します。(01/03/2023-29/02/2024)
2	**Nội dung giao dịch liên quan 関係する取引内容**	Nội dung các giao dịch có liên quan đến hợp đồng đang tiến hành? (Nhập nội dung vào cột diễn giải) *Ví dụ:* Hợp đồng mua MMTB thì giao dịch có liên quan là bảo dưỡng, bảo trì, thay thế linh kiện, phụ kiện…. Nếu không có thì nhập *"Không"* vào cột diễn giải この契約に関係する取引内容があれば、説明欄に記入。 例：「設備機械の購入」契約：保守・部品交換などの関連取引がある。 何もない場合は、「なし」を説明欄に記入。	-Không なし
3	**Tần suất giao dịch 取引頻度**	Tần suất giao dịch? (Đối với Hợp đồng lần đầu thì dự kiến tần suất. Ví dụ: 1 tháng/1 lần; 1 năm/4 lần….. Hợp đồng lần 2 trở đi thì căn cứ vào tần suất của hợp đồng trước đó hoặc nhu cầu thực tế của các phòng ban...). *Lưu ý:* Kiểm tra tính phù hợp giữa nội dung hợp đồng và tần suất giao dịch 取引頻度は、初めての契約に対し、頻度を想定する。（例：月１回；年４回など） ２回目以降の場合は、それまでの実績内容を踏まえ判断。 注記：契約内容と取引頻度が適切か確認すること。	-01 lần/ tháng 1回/月
4	**Hợp đồng sử dụng 適用する契約書**	Sử dụng nguyên trạng Hợp đồng của NCC/đối tác (có bằng chứng kèm theo) hay sử dụng Hợp đồng của NCC/đối tác có chỉnh sửa, bổ sung. *Lưu ý:* Cần lý giải và đánh giá được các nguy cơ cũng như rủi ro khi đồng ý sử dụng nguyên trạng Hợp đồng của NCC/đối tác hoặc sử dụng HĐ của NCC/đối tác nhưng chỉnh sửa không đáng kể. サプライヤー/業者の契約書をそのまま適用(エビデンス添付)、または、サプライヤー/業者の契約書を修正・補足して適用する。 注記：サプライヤー/業者の契約書をそのまま適用、または、ほんの一部のみ修正指定適用する場合のリスクを評価・理解しておく必要がある。	-Sử dụng Hợp đồng của NCC/đối tác có chỉnh sửa, bổ sung. サプライヤー/業者の訂正・補充がある契約書を使用します。 -Người đảm nhiệm có điều chỉnh nội dung cho phù Hợp với thực tế công việc tại YEV và được sự đồng ý của Trưởng Xưởng 担当者は実際YEVに応じて内容を調整して、工場長は同意されます。

II. Xác nhận các điều khoản của Hợp đồng 契約条件の確認

※Ở cột Xác nhận, Người phụ trách Hợp đồng sẽ chọn ○ (OK) hoặc X (Không áp dụng) hoặc "－" (không phù hợp/không tương thích với nội dung giao dịch)
Đối với hạng mục đánh X thì phụ thuộc vào bối cảnh kí kết hợp đồng, loại hợp đồng, ... Người phụ trách ghi lý do vào cột Diễn giải và xin xác nhận của Trưởng phòng).
※契約担当者は、確認欄に「○ (OK) 、X (適用しない)、 "－" (取引内容と異なるなど) 」の中からいずれか一つを選んで記入。
Xを記入の場合、契約の背景＆契約分類によって担当者が説明欄に詳細な理由を記入後、部長の承認をもらう。

No.	Hạng mục 項目	Nội dung Hợp đồng cần có 契約に要求される内容	Bộ phận ký kết Hợp đồng 契約締結部署			Phòng Pháp Lý 法務部		Ghi chú 備考
			Xác nhận của Người phụ trách Hợp đồng 契約担当者の確認	Diễn giải (đối với những hạng mục chọn "X" hoặc "-") 「X」、「-」と記載した場合の説明	Xác nhận của Trưởng phòng (Bộ phận ký kết Hợp đồng) 部長の確認（契約締結部署）	Xác nhận của P.Pháp lý 法務部の確認	Diễn giải của Phòng Pháp lý (nếu có) 法務部の説明（有れば）	
1	**Căn cứ Pháp luật áp dụng 法律の根拠**	Là các văn bản pháp luật được sử dụng để làm căn cứ điều chỉnh, thực hiện... nội dung của Hợp đồng. Tùy thuộc vào nội dung của từng Hợp đồng mà phần căn cứ pháp lý này cần được ghi nhận hoặc không cần ghi nhận. *Lưu ý:* Trong trường hợp sử dụng các văn bản pháp luật làm căn cứ áp dụng thì cần kiểm tra hiệu lực của các văn bản này. 契約内容の作成・修正について、根拠となる法律文書。 契約内容によって法律根拠は記載したり、しなかったりする。 注記：根拠とする法律文書の情報を記入する際、有効期限の確認が必要。	O		OK	OK		

2	Đối tác Hợp đồng 契約相手	1. Thống nhất giữa đối tác được ghi nhận trong Hợp đồng và đối tác giao dịch trên thực tế. 2. *Đối tác trong nước* : Kiểm tra, đối chiếu các thông tin như tên doanh nghiệp, địa chỉ, mã số thuế, người đại diện theo pháp luật, ngành nghề hoạt động…,yêu cầu cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký mẫu dấu, các loại Giấy phép chứng minh năng lực hoạt động.... Có thể kiểm tra thông tin bằng cách tra cứu trên trang: https://dangkykinhdoanh.gov.vn; http://tracuunnt.gdt.gov.vn; các trang web của các Sở, ban, ngành liên quan.... Hoặc yêu cầu đối tác cung cấp bản chứng thực/bản sao (đối chiếu bản gốc).... 3. *Đối tác nước ngoài:* yêu cầu cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc một hình thức tương đương: đăng ký mẫu dấu hoặc một hình thức tương đương...hoặc các tài liệu liên quan khác nhằm xác nhận tư cách pháp lý của đối tác - nếu có (bản màu). *Lưu ý:* Trường hợp Người ký Hợp đồng không phải là người đại diện theo pháp luật của đối tác thì yêu cầu Văn bản ủy quyền hoặc Bảng phân cấp quyền hạn hoặc một văn bản được ký bởi Người đại diện theo pháp luật của đối tác thể hiện Người ký có đủ thẩm quyền ký Hợp đồng . １．実際の取引相手と契約上の相手が合致していること。 ２．国内業者に対し、「企業名・所在地・税番号・法人・事業の種類など」の情報を確認・照合し、企業登録証明書・社印登録の提供を要請。	O		OK	OK		
3	Chủ thể Hợp đồng/Người ký kết Hợp đồng của YEV 契約主体、YEVの締結者	1. *Chủ thể Hợp đồng:* Tên xưởng phụ trách Hợp đồng (ví dụ: Xưởng DA/MP: Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam; Xưởng Trà Vinh: Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh; Xưởng AW: Chi nhánh dây cáp điện xe ô tô Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam). *Lưu ý:* Mã số thuế và con dấu sử dụng cần phù hợp với chủ thể giao kết Hợp đồng. 2. *Người ký kết Hợp đồng:* Là Người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám Đốc) của YEV. *Lưu ý:* Nếu Người ký không phải là Tổng Giám Đốc thì phải có Văn bản ủy quyền hoặc Quy định về trách nhiệm quyền hạn hoặc một văn bản bất kỳ được ký bởi Tổng Giám Đốc cho Người ký được quyền ký Hợp đồng. １．契約主体：契約を担当する工場名　（例：DA/	O		OK	OK		
4	Đối tượng Hợp đồng (Hàng hóa/Dịch vụ…) 契約対象（品物、サービスなど）	1. Hàng hóa, dịch vụ có khớp với nhu cầu thực tế của YEV không? Có bảng mô tả quy cách hàng hóa, dịch vụ cụ thể không?..... 2. Chất lượng, mẫu mã, quy chuẩn của hàng hóa, dịch vụ có phù hợp và khớp với nhu cầu không? 3. Hàng hóa, dịch vụ .. có cần làm thủ tục khai báo hải quan hoặc xin phép, khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền không? Trách nhiệm này thuộc về ai?... 4..Liệt kê chi tiết, cụ thể các yêu cầu của YEV đối với chất lượng, mẫu mã của hàng hóa hoặc chất lượng của dịch vụ được đối tác cung cấp (trường hợp cần thiết thì cung cấp	O		OK	OK		
5	Địa điểm giao hàng/thực hiện dịch vụ… 引渡場所/サービス実施場所	Chỉ nhận cụ thể, tổ rõ địa điểm giao hàng/ thực hiện dịch vụ.... Trường hợp hàng hóa/dịch vụ.. được cung cấp tại nhiều hơn 1 địa chỉ của YEV thì địa chỉ còn lại cũng phải được ghi nhận trong Hợp đồng. *Ví dụ:* Xưởng Dĩ An ký Hợp đồng mua bán hàng hóa, nhưng hàng hóa được giao tại xưởng Dĩ An và xưởng Mỹ Phước thì trong Hợp đồng phải thể hiện rõ ràng hai địa điểm này. 引渡/サービス実施場所を具体的かつ明確に記載すること。 YEVの複数拠点で商品/サービスが提供される場合、その全ての住所を契約書に明記しなければならない。 例：DA工場で販売契約を締結し、商品は、DA工場＆MP工場へ引き渡す場合は、契約書にそれらの住所を明記すること。	O		OK	OK		
6	Thời hạn giao hàng/thời gian hoàn thành công việc/đổi trả hàng không phù hợp/khắc phục sự cố dịch vụ….. 引渡納期/不良品の交換/修理時期	1. Ghi nhận rõ ràng thời gian giao hàng/ thời gian hoàn thành công việc/thời gian đổi trả hàng, sửa chữa ...Thời gian thỏa thuận cần phù hợp với nhu cầu thực tế và tính cấp bách của công việc. 2. Tất cả chi phí của việc đổi trả, sửa chữa….thuộc trách nhiệm của đối tác. １．引渡納期/役務完成納期/不良品の交換・修理時期などを明記。(契約内容に適さない商品/サービスに対して)。実際の要求や業務の緊急性に合わせて納期合意する必要がある。 ２．交換・修理に関係する費用は、すべて業者・サプライヤーの負担である。	O		OK	OK		
7	Phương thức vận chuyển 輸送方法	Quy định về phương thức vận chuyển (cần cân nhắc đến việc sử dụng phương thức vận chuyển phù hợp với hàng hóa mua), chi phí vận chuyển bên nào chịu? Có phải mua bảo hiểm hàng hóa không? Đối với hàng hóa mua tại nước ngoài cần thỏa thuận cụ thể phương thức giao nhận của Incoterms nào (lựa chọn phiên bản Incoterms phù hợp với giao dịch và thuận lợi cho YEV). 輸送方法についての規定（購入商品に適した輸送方法かどうか考慮）、どちらが輸送費を負担するか、商品に保険が必要か。 外国から購入する商品に対し、どのIncotermsの引渡し条件にするのか具体的な合意が必要。(YEVにとって利便的で、取引に適したIncotermsをえらぶ)	O		OK	OK		
8	Đơn giá/Giá trị Hợp đồng 契約の単価/価値	Đơn giá /Giá trị Hợp đồng cần được ghi nhận cụ thể trong Hợp đồng. Giá chưa bao gồm/đã bao gồm các loại thuế, phí, chi phí liên quan....Trường hợp Hợp đồng chưa ghi nhận thì phải ghi nhận tại Đơn đặt hàng hoặc báo giá.... đây là các tài liệu không tách rời Hợp đồng vì vậy cần chú ý người ký Đơn đặt hàng hoặc Báo giá của phía đối tác phải là người đại diện theo pháp luật hoặc là người được ủy quyền hợp lệ). *Lưu ý:* Người phụ trách Hợp đồng phải yêu cầu ít nhất 03 nhà cung cấp báo giá và được cấp trên chấp thuận đơn giá theo các quy định của Công ty (trừ một số trường hợp ngoại lệ) 契約の単価/価値の情報は、契約に明記しなければならない。単価/価値に、関連する各種税、手数料、費用などのが含まれているかどうか確認する。もし含まれていない場合は、注文を再確認したり、契約書に添付の見積書を確認すること。（注文書&見積書は、契約書と切り離せないものであることの記載がなければならない。そのため、相手側の注文書&見積書に署名する人は、法定代表者、或は、適法に委任された人でなければならない） 注記：社内の規定に従い、契約の担当者は、少なくとも３社からの相見積もり	O		OK	OK		
9	Điều kiện thanh toán 支払条件	1. Trường hợp YEV thanh toán: về thời hạn, dựa theo quy định của tập đoàn; quy định nội bộ của YEV hoặc thỏa thuận hợp đồng (các đối tác có thời hạn thanh toán dựa theo quy định của Tập đoàn thì nội dung này cũng cần được ghi nhận trong Hợp đồng). Tuy nhiên, YEV sẽ ưu tiên thanh toán dựa trên nguyên tắc: nhận và kiểm tra hàng hóa hoặc xác nhận công việc đã hoàn thành...yêu cầu đối tác bổ sung hồ sơ thanh toán sau đó YEV mới tiến hành thanh toán. 2. Trường hợp YEV nhận tiền thanh toán: ghi nhận cụ thể trong Hợp đồng. Lưu ý hồ sơ, giấy tờ YEV cần đảm bảo để nhận được thanh toán từ đối tác. *Lưu ý:* - Quy định rõ loại tiền thanh toán (VND/USD/JPY.....), VND đối với đối tác trong nước; ngoại tệ với các doanh nghiệp nước ngoài/doanh nghiệp chế xuất... - Cần tuân thủ các nguyên tắc sử dụng ngoại hối trong lãnh thổ và ngoài lãnh thổ Việt Nam theo các quy định của pháp luật. １．YEVが支払する場合：矢崎グループの規定、YEV社内規定、或は契約の条件に基づく支払期限を適用。（相手側が矢崎グループの規定に基づき支払している場合、その内容を契約書に記載しなければならない。）	O		OK	OK		

10	**Phương thức thanh toán** **支払方法**	Chuyển khoản với tất cả các giao dịch (trừ một số trường hợp được Trưởng phòng chủ quản và Tổng Giám Đốc đồng ý chi tiền mặt) *Lưu ý:* Đối với các giao dịch có giá trị từ 20 triệu vnd/lần giao dịch (Đã bao gồm thuế VAT), hoặc dưới 20tr nhưng mua nhiều lần trong ngày có tổng trị giá từ 20 triệu trở lên thì bắt buộc phải chuyển khoản. すべての取引の振込（部長と社長が現金の支払い認諾を除く） *留意:* 一回当たりの取引額が、20.000.000VND以上(VAT含む)、或は、20.000.000VND以下の取引が複数回あり、一日の取引額合計が、20.000.000VND以上なら、銀行振込で支払う。	O		OK	OK		
11	**Bảo hành** **保証**	1. Trường hợp YEV là bên mua/bên sử dụng dịch vụ....: Quy định cụ thể thời hạn bảo hành với hàng hóa/dịch vụ - Đối với hàng hóa đã được nhà sản xuất thiết lập thời hạn bảo hành thì thời hạn bảo hành theo quy định của Nhà sản xuất, trường hợp sản phẩm không ghi nhận thời hạn bảo hành thì thiết lập thời hạn bảo hành trong hợp đồng đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty: - Đối với hàng hóa YEV mua và giao đến khách hàng của YEV thì thời hạn bảo hành theo yêu cầu của khách hàng.... - Đối với dịch vụ thì thời hạn bảo hành được tính từ khi đối tác thực hiện xong dịch vụ đó. 2. Trường hợp YEV bán hàng: Quy định rõ trách nhiệm của YEV đối với hàng hóa bán nhằm giảm thiểu tối đa trách nhiệm cũng như giới hạn thời gian bảo hành phù hợp căn	ø —		OK	OK	Hợp đồng thu gom bán thải nên không cần điều khoản này	
12	**Quyền và nghĩa vụ của hai bên** **両方の権利＆義務**	1. Quyền và nghĩa vụ của đối tác: Căn cứ nhu cầu thực tế của giao dịch và các quy định của pháp luật, chủ động đưa ra các quyền và nghĩa vụ mà đối tác cần đảm bảo trong quá trình thực hiện hợp đồng (nên dự liệu các tình huống rủi ro có thể diễn ra để đưa ra các nội dung về nghĩa vụ phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của YEV...) ví dụ: giao hàng thiếu, giao hàng chậm, vi phạm các điều khoản về chất lượng cũng như số lượng hàng hóa, yêu cầu kỹ thuật của công việc, cung ứng dịch vụ không đúng hợp đồng .... 2. Quyền và nghĩa vụ của YEV: Thiết lập các nội dung về quyền của YEV dựa vào các nội dung như mục đích cuối cùng của giao dịch, mong muốn khi ký kết HĐ của YEV là gì?.... 1.相手の権利/義務：法律規定及び取引の実際の需要に基づき、契約履行過程において相手側が確保すべき権利と義務の事項を織り込む。(YEVの権利・利益を確保し、適切な義務についての内容を規定するために、起こりうるリスクを想定すべき） 例：出荷ミス（不足、遅れ）、品質や数量、業務の技術的要求に関する条件の違反、契約内容と異なる役務提供など。 2．YEVの権利/義務・取引の最終目的、締結時のYEVの希望などの内容に基	O		OK	OK		
13	**Phạt và bồi thường thiệt hại** **損害賠償/処罰**	Đưa cụ thể nội dung về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại. *Lưu ý:* Trường hợp các bên không có thỏa thuận phạt vi phạm thì bên bị vi phạm chỉ có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại 違反の処罰、損害賠償についての内容を規定。 注記：違反処罰に関する条項がなかった場合は、被害者は、損害賠償を要求する権利しかない。	O		OK	OK		
14	**Ngôn ngữ** **言語**	Hợp đồng được giao kết phải sử dụng ít nhất 02 ngôn ngữ (Tiếng Việt - Tiếng Nhật/Tiếng Việt - Tiếng Anh/Tiếng Anh-Tiếng Nhật.....) - *Đối với các Hợp đồng có đối tác Việt Nam:* Ngôn ngữ ưu tiên sử dụng là Tiếng Việt (Tiếng Nhật hoặc Tiếng Anh... được dịch trên phiên bản chuẩn Tiếng Việt để lý giải đến Người ký nên không bắt buộc phải ký vào bản dịch). - *Đối với các Hợp đồng có đối tác nước ngoài:* Tùy thuộc vào thỏa thuận của các bên nhưng dựa trên tiêu chí ưu tiên sử dụng ngôn ngữ mà người phụ trách hợp đồng thông thạo. 締結される契約書は、少なくとも2つの言語で作成されなければならない(ベトナム語＋日本語/ベトナム語＋英語/英語＋日本語など)- ベトナムの業者との契約：優先的に使用される言語はベトナム語(ベトナム語の正規版から翻訳された日本語版 /英語版は、署名者が契約内容を理解するためなので、翻訳版へ署名しなくてもよい。）- 外国の業者との契約：両者の合意によるが、契約担当者が精通した言語を優先	O		OK	OK		
15	**Sự kiện bất khả kháng** **不可抗力事象**	Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, các bên đều có quyền không thực hiện hợp đồng và không bị áp dụng các biện pháp chế tài, nhưng bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo trong một khoảng thời gian hợp lý cho bên còn lại. Nên liệt kê cụ thể các trường hợp các bên dự liệu là bất khả kháng: như thiên tai, dịch bệnh.... 不可抗力事象は、予測不可能で客観的に発生する事象で、許される範囲で必要なあらゆる措置を適用しても克服出来ない事象。不可抗力事象が発生する時、両者はどちらも契約履行しなくてもよい権利があり、制裁規定を適用されない。但し、不可抗力事象の影響を受けた側は、合理的な一定期間内に相手に通知しなければならない。 疫病、天災といった不可抗力という予想される場合には具体的に羅列するべき。	O		OK	OK		
16	**Bảo mật thông tin** **情報セキュリティー**	Có thể thiết lập một điều khoản trong hợp đồng hoặc ký một cam kết độc lập để ràng buộc, bảo vệ quyền, lợi ích của YEV và nghĩa vụ pháp lý của đối tác khi vi phạm, đưa ra những giới hạn về thời gian, phạm vi bảo mật, mức bồi thường.... khi vi phạm điều khoản bảo mật thông tin. *Lưu ý:* - Khi đối tác muốn sử dụng logo Yazaki phải có sự đồng ý bằng văn bản của YEV - Điều khoản bảo mật thông tin sẽ tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi hợp đồng đã chấm dứt ít nhất 03 năm (trong một số trường hợp đặc biệt có thể kéo dài 10 năm hoặc 20 năm tùy phán đoán của người phụ trách Hợp đồng, Trưởng phòng chủ quản hoặc Tổng Giám Đốc) hoặc không xác định thời hạn. 契約違反する時、YEVの権利・利益を守り、相手側の法的な義務で縛るために、契約書の中に情報セキュリティの条項を設けるか、契約書とは別の誓約書を作成・署名する。また、情報セキュリティ条項に違反した際の時間的な制約、セキュリティー範囲、賠償額などを契約義務に入れる。 注記： -相手側が、Yazakiのロゴを使用したい時、書面によるYEVの同意が必要。 - 契約が終了した後も情報セキュリティーに関する条項は、最低3年間の継続的に有効。（特別な場合は、担当者/部長/社長の判断次第で10年、あるいは20年	O		OK	OK		

17	Cam kết bảo vệ môi trường 環境保護確約	1. Đối với Nguyên vật liệu, máy móc thiết bị liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến sản phẩm của YEV: trong hợp đồng bắt buộc phải nội dung yêu cầu đối tác cam kết hàng hóa của đối tác cung cấp cho YEV sẽ không chứa SOC. 2. Đối với các hàng hóa khác: khuyến khích sử dụng điều khoản SOC. *Lưu ý:* Nội dung chi tiết của điều khoản SOC phải được sử dụng nguyên trạng nội dung đã được ban hành theo quy định của YEV. １．YEVの製品に直接的/間接的に関連する原材料・機械・設備に対し、相手が、YEVへ提供する商品にはSOC指定物質が混入しないことの確約を要請する内容がなければならない。 ２．その他の製品に対し、SOCの条件を採用することが望ましい。 注記：SOC条件に関する内容は、社内規定の原文をそのまま適用する。	O		OK	OK		
18	Điều kiện chấm dứt/tạm ngưng và đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn 解約条件/契約履行一時停止と	1. Quy định các điều kiện 1 trong 2 bên được quyền tạm ngưng/chấm dứt hợp đồng như 1 trong 2 bên vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng đã được bên còn lại nhắc nhở trong một khoảng thời gian nhất định nhưng vẫn không khắc phục. 2. Trường hợp 1 trong 2 bên được đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn như thông báo bằng văn bản trước ít nhất 30 ngày hoặc 1 trong 2 bên tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản..... １．どちらかが契約内容に違反し、相手に注意され、一定期間内に克服しない	O		OK	OK		
19	Thời hạn Hợp đồng 契約期限	Thời hạn Hợp đồng: thời hạn tối đa của tất cả các Hợp đồng là 01 năm kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Tuyệt đối không được tự động gia hạn. 契約期限：すべての契約書の期限は契約の発効日から最長1年間、絶対に自動	O		OK	OK		
20	Giải quyết tranh chấp 紛争対応	Khi phát sinh tranh chấp ưu tiên sử dụng phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp không thương lượng, hòa giải được thì: 1. Trường hợp là đối tác trong nước: Lựa chọn Tòa án kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hoặc Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) tại Hồ Chí Minh, Việt Nam. 2. Trường hợp là đối tác nước ngoài: ưu tiên lựa chọn trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) tại Hồ Chí Minh, Việt Nam. 契約における係争が起こる時、交渉、和解の方法を優先的に使用する。交渉・和解出来ない場合は、 １．国内業者の場合：ビンズン省人民裁判所の経済裁判所、或は、ホーチミン市のベトナム国際仲裁センター(VIAC)を選択。 ２．国外業者の場合：ホーチミン市のベトナム国際仲裁センター(VIAC)を優先的に選択。			OK	OK		
21	Điều khoản sử dụng lao động 労働者使用条件	Cam kết không sử dụng lao động chưa thành niên, cao tuổi không hợp pháp, cưỡng bức lao động, vi phạm pháp luật lao động ... 未成年・高齢者の採用、強制労働、労働法違反といった違法行為を行わないと確約。	O		OK	OK		
22	Quyền sở hữu, sở hữu trí tuệ 所有権、知的所有権	Đảm bảo các nội dung sau: Quyền sở hữu của bên mua đối với hàng hóa đã bán không bị tranh chấp bởi bên thứ ba. Hàng hóa thuộc quyền định đoạt hợp pháp của bên bán. Việc chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá là hợp pháp và có đầy đủ các chấp thuận cần thiết. Bên bán không được bán hàng hóa vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Bên bán phải chịu trách nhiệm trong trường hợp có tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa đã bán. Cân nhắc việc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ cho YEV trong một số trường hợp đặc biệt (như YEV thuê thiết kế, gia công...theo ý tưởng, thiết kế của YEV). 下記通り確保すること 販売済みの製品に対する買い手の所有権は、第三者に争われない。 製品は、売り手の合法的な決定権に属するものである。 製品所有権の移転は、合法的であり、必要な承認がそろっている。 売り手は、知的所有権に違反した製品を販売してはならない。販売した製品の知的所有権に関する係争が発生した場合、売り手は、その責任を負う。 特別な場合において、YEVへの知的所有権の譲渡を検討する（YEVが、YEVの	O		OK	OK		
23	Chuyển giao nghĩa vụ hợp đồng 契約義務譲渡権	Trong Hợp đồng cần có nội dung quy định về việc đối tác muốn chuyển giao, bán giao...quyền và nghĩa vụ Hợp đồng cho bên thứ ba thì cần có sự công nhận, đồng ý bằng văn bản của YEV. *Lưu ý:* Hạn chế chuyển giao cho Bên thứ ba nếu các điều khoản chuyển giao làm ảnh hưởng đến lợi ích của YEV dưới mọi hình thức. Trường hợp YEV đồng ý chuyển giao, phải có thỏa thuận bằng văn bản của bên nhận chuyển giao đồng ý tiếp nhận vô điều kiện toàn bộ và bất kỳ nghĩa vụ của bên chuyển giao; và Bên nhận chuyển giao phải cung cấp cho YEV biện pháp bảo đảm thay thế trong trường hợp chuyển giao nghĩa vụ có bảo đảm. Ví dụ bảo đảm thực hiện hợp đồng trong hợp đồng xây dựng. 契約に「相手側が契約の義務権利を第三者に移行」譲渡しない場合、YEV同	O		OK	OK		
24	Thế lực phản xã hội 反社会勢力	Đối tác là hoặc nghi ngờ là thế lực phản xã hội không? Có thể tra cứu thông tin trên các trang mạng xã hội. *Lưu ý:* Tuyệt đối không ký kết, giao dịch với đối tượng phản động, đối tượng có liên quan đến phần tử phản xã hội, chống đối nhà nước....Trường hợp sau khi ký kết hợp đồng phát hiện nhà cung cấp, đối tác giao dịch là đối tượng phản động, có liên quan đến phần tử phản xã hội, chống đối nhà nước thì phải hủy/đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng một văn bản thông báo về việc hủy hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng đó.	O		OK	OK		
25	Chống hối lộ 賄賂防止	Nghiêm cấm mọi hành vi hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ với đối tác và nhân viên YEV dưới bất kỳ hình thức nào. Ngoại trừ tặng quà mang tính chất công việc, tặng công khai tại trụ sở Công ty và được YEV chấp nhận. 業者・YEV従業員に対する、すべての賄賂行為、収賄、賄賂仲介などは、いかなる形式でも厳禁。 業務的なプレゼント、会社において公開でのプレゼントは除外とし、YEVとして認める。	O		OK	OK		
26	Thanh lý Hợp đồng 契約清算	Ghi nhận cụ thể hình thức thanh lý (ví dụ: tự động thanh lý hoặc thanh lý bằng văn bản....) 清算形式を詳しく記入。（例：自動清算、或は文書で清算）	O		OK	OK		
27	Luật áp dụng 適用法	Ưu tiên và khuyến khích theo pháp luật Việt Nam. ベトナム法を優先して適用することを奨励。	O		OK	OK		

Ghi chú: Tất cả những nội dung không thực hiện phải gạch chéo (không được bỏ trống).
注記：実施しない項目にXを付けること（空白にしない）

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ベトナム社会主義共和国
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
独立-自由-幸福

Số No: 25 - RSH /HĐ – KT/24

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
原則契約書

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường)
普通産業固形廃棄物の処理・運搬・回収

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017;
  2017年1月1日より施行された民事法 No. 91/2015/QH13 に基づく。
  Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2006;
  2006年1月1日より施行された商業法No.36/2005/QH11 に基づく。
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
  2020年11月17日にベトナム社会主義共和国の国会によって制定され、
  2022年01月01日より施行されている環境保護法 No. 72/2020/QH14 に基づく。
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường.
  2022年01月10日付けの環境保護に関する法律 No.08/2022/NĐ_CP に基づく。
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường.
  2022年01月10日、資源環境局より公布された有害廃棄物管理に
  関する通達No.02/2022/TT-BTNMTに基づく。
- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ Phần Bình Dương Tương Lai Xanh.
  Binh Duong Tuong Lai Xanh 株式会社の企業登記に基づく。
- Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 2014/2021/HĐNT ký ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi nhánh Công ty Cổ Phần Bình Dương Tương Lai Xanh và Chi nhánh xử lý chất thải- Công ty Cổ Phần Nước - Môi Trường Bình Dương.
  Binh Duong 環境・水株式会社有害廃棄物処理支社と Binh Duong Tuong Lai Xanh 株式会社支社の 2021年12月29日に No. 2014/2021/HĐNT 締結済みの経済契約に基づく。
- Căn cứ nhu cầu, khả năng và điều kiện của hai bên
  両社における需要、能力、条件に基づく。

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2024 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

本日、2024 年　月　日、Binh Duong にて下記の 2 社により、

BÊN A:

（以下「A」という）

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

社名:　Binh Duong Tuong Lai Xanh 株式会社

Địa chỉ : Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

本社の住所：　No. 197, Group 4, Ba Tri Quarter, Tan Hiep Ward, Tan Uyen Town, Binh Duong Province .

Mã số thuế/税番号: 3700892311

Tel: 0274.3896688　　Fax: 0274.3872626

Người đại diện: Ông **GO YASUHARU**　　Chức vụ**: Phó Giám Đốc.**

代表：Mr. **GO YASUHARU**　　**役職：副社長**

Theo Quyết định bổ nhiệm số 02/QĐ HĐTV ngày 01 tháng 03 năm 2023 của Người đại diện theo pháp luật và ông GO YASUHARU

法定代表人と Mr.Go Yasuharu の 2023 年 03 月 01 日に発行された補任決定書 No. 02/QĐ HĐTV に基づく。

BÊN B:

（以下「B」という）

Tên công ty:社名：	**Công ty TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM YAZAKI EDS VIETNAM CO., LTD.**	MST：税番号:	3700230036
Địa chỉ: 住所：	Khu phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Thong Nhat 1 Hamlet, Di An Ward, Di An City, Binh Duong Province, Vietnam		
TEL：	0274-3752590	FAX:	0274-3752594
Đại diện: 代表：	**MR. NOGI HIROSHI**	Chức vụ: 役職:	**Tổng Giám đốc 代表取締役社長**
Tài khoản: 口座：	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN chi nhánh Nam Bình Dương VietcomBank　Nam Binh Duong Branch	MST: 口座番号：	0281000295549 （VND）

Hai bên đã tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (giấy vệ sinh, rác sinh hoạt) với những nội dung như sau:

両社は、普通産業固形廃棄物（トイレットペーパー、家庭ゴミ）の集荷、運搬および処理に関し協議後、以下の内容で締結することに同意した。

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第 1 条：契約内容

1.1 Hai bên cùng thống nhất:

a. Bên B đồng ý sử dụng, bên A đồng ý cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (giấy vệ sinh, rác sinh hoạt) phát sinh từ hoạt động của người lao động của Bên B.

Bは、Bの労働者の生活活動から発生する普通産業固形廃棄物（トイレットペーパー、家庭ゴミ）の集荷、運搬および処理をAのサービスを使用すことに同意した。

b. Bên A ủy quyền cho Chi nhánh Công ty Cổ Phần Bình Dương Tương Lai Xanh là đơn vị phụ thuộc của bên A thực hiện việc thu gom, vận chuyển, chuyển giao xử lý theo thỏa thuận của hợp đồng này và phù hợp với quy định của pháp luật;

Aは本契約書の合意内容及び法律の規定に従い、回収・運搬および処理をBinh Duong Tuong Lai Xanh株式会社の支社に委託することを許可します。

c. Bên B đồng ý cho bên A và chi nhánh của Bên A liên kết với nhà thầu phụ có đủ năng lực để thực hiện việc xử lý chất thải công nghiệp thông thường (giấy vệ sinh, rác sinh hoạt) cho bên B theo các quy định của pháp luật hiện hành. Bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về năng lực và tính pháp lý của Chi nhánh cũng như nhà thầu phụ trước Bên B và pháp luật.

Bは、Bの普通産業廃棄物処理（トイレットペーパー、家庭ゴミ）に関し、A及びA支社が資格を有する下請業者と協業することに同意する。Aは A支社や下請業者の能力とその法的責任を負う。

1.2 Điều kiện lưu chứa:

保管条件：

a. Chất thải được bên B thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường và tập trung tại một điểm. Bao bì, thùng chứa do bên B tự trang bị.

生活ゴミはBが分別し、保管、集荷すること。安全が保証された環境に漏洩が無い容器、設備を使用し、定めた場所に置く。全ての容器、袋などはBが備えること。

b. Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng này như chất thải nguy hại, chất thải y tế... để chung với chất thải công nghiệp thông thường (giấy vệ sinh, rác sinh hoạt) thì bên A có quyền từ chối thu gom chất thải.

有害廃棄物、医療廃棄物など本契約書に記載の無い廃棄物が混入している又は普通産業廃棄物（トイレットペーパー、家庭ゴミ）と一緒に保管する場合、Aは集荷を拒否する。

1.3 Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

回収時間及び引渡し地点：

a. Thời gian thu gom: theo lịch thỏa thuận giữa hai bên (trừ ngày nghỉ theo lịch của bên B, chủ nhật, ngày lễ và ngày tết).

回収時間：両者の相談により実施します（B のスケジュールに従い休日、日曜日、祝日、祭日を除く）。

b. Địa điểm giao nhận: Tại các nhà máy sản xuất thuộc bên B, cụ thể như sau:
引渡し地点：B の各工場

- Địa chỉ 1: Địa điểm 1: Khu phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
  住所１： Thong Nhat 1 Hamlet, Di An Ward, Di An City, Binh Duong province.
- Địa chỉ 2: Địa điểm 2: Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
  住所２： My Phuoc 1 Industrial Park, Ben Cat Town, Binh Duong province.
- Địa chỉ 3: Địa điểm 3: Lô C và H, đường số 1 và 5, khu công nghiệp Long Đức, ấp Vĩnh Hưng, xã long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
  住所３： Lot C and H,Street No.1 and No.5,Long Duc I.P., Vinh Hung Hamlet, Long Đức Commune, Tra Vinh City,Tra Vinh Province

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第 2 条：単価及び清算方法：

2.1. Đơn giá dịch vụ:

サービス単価

Stt	Loại chất thải 廃棄物	Đơn vị tính 単位	Đơn giá xử lý (VND) 処理費 (VND)	Ghi chú 備考
01	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (giấy vệ sinh, rác sinh hoạt) 普通産業固形廃棄物（トイレットペーパー、家庭ゴミ）	Kg	800	

a. Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT).
上記の処理費は VAT を含みません。

b. Đơn giá đã trên bao gồm phí thu gom, vận chuyển, xử lý.
上記の処理費は回収、運搬、処理費を含みます。

c. Đơn giá trên là cố định trong suốt thời hạn của Hợp đồng. Nếu có sự điều chỉnh về đơn giá phải được sự đồng ý bằng văn bản của bên B.
上記の処理費は契約期間中固定されます。処理費を調整する場合、
B の書面による同意が必要です。

2.2. Phương thức thanh toán

清算方法：

a. Các "Biên bản giao nhận chất thải" sau mỗi lần thực hiện công việc ghi rõ khối lượng công việc thực tế bên A đã thực hiện trong tháng đó (có xác nhận của đại diện hai bên) sẽ là căn

cứ để hai bên đối chiếu, xác nhận giá trị thanh toán hàng tháng. Bên A căn cứ vào khối lượng công việc và đơn giá đã được Bên B xác nhận, xuất hóa đơn GTGT hợp lệ cho bên B

Bは、Aが回収した実際の重量を記録した「廃棄物授受記録書」（両社が確認しサインする）に基づいてAに支払います。
AはBが確認した廃棄物重量実績に基づき、BにVATインボイスを発行する。

b. Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản. Bên B sẽ chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng mà bên A đăng ký trên Vendor Ledger do bên B phát hành. Nếu Bên A có sự thay đổi thông tin tài khoản của mình thì phải thông báo cho bên B bằng cách gửi lại cho bên B Vendor Ledger mới. Thông tin tài khoản bên A như sau:

銀行振込によるベトナムドンで支払います。BはBが発行したVendor LedgerにAが登録した銀行口座へ送金します。Aが口座情報を変更する場合、Bに新しいVendor Ledgeを送り通知する必要があります。口座情報は下記の通りです：

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Bình Dương Tương Lai Xanh.

口座名：Binh Duong Tuong Lai Xanh 株式会社

Số tài khoản: 1 8 0 0 1 4 8 5 1 0 0 6034.

口座番号：1 8 0 0 1 4 8 5 1 0 0 6034

Ngân hàng: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu VN – CN BD.

銀行名：Eximbank- Binh Duong **支店**

c. Thời hạn thanh toán trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ do bên A phát hành.

清算期限はAから発行された有効なVATインボイスを受領してから30（三十）日間とする。

d. Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản. Nếu bên B không thông báo thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

VATインボイス記載情報に変更が生じた場合、Bは必ずAに書面またメールで通知する。もしBから告知がない場合は、Aは既に発行したVATインボイスに関する責務は負わない。

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

第3条：各社の権利及び責任

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

Aの権利及び責任

3.1.1. Quyền của bên A

Aの権利

a. Được nhận tiền do bên B thanh toán theo Điều 2.

第2条に準じBから支払われた金銭を受領する。

b. Bên A được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :

本契約を履行中、下記の事象が発生した場合、A は廃棄物の定期集荷を30（三十）日間前に停止する告知をする権利を有する。

- Tạm ngưng thu gom chất thải do bên B vi phạm hợp đồng.

  B が契約違反を犯した際、廃棄物の集荷を停止。

- Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật : thiên tai, lũ lụt…

  法律の規定に従い不可抗力事項発生時の場合、停止：天災、洪水など。

- Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.

  第 5 条の通りに契約の効力が切れた場合、停止。

- Bên A, Chi nhánh của Bên A hoặc nhà thầu phụ thực hiện các công việc liên quan đến Hợp đồng này không còn đủ năng lực theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện các công việc theo thỏa thuận Hợp đồng.

  A、A 支社又は本契約に関連する作業を行う下請業者が、法律により契約履行ができなくなった場合、停止。

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

A の責任

a. Bố trí nhân sự, phương tiện thu gom đến nhận chất thải của bên B giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị, quy định pháp luật. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom, vận chuyển.

合意された回収時間に B の廃棄物授受に必要な運送車両及び人員を配備し、都市衛生規制及び法律の規制を遵守する。運送車両は環境衛生に支障を与えることはなく、回収及び運搬直後にこぼれたゴミを必ず掃除する。

b. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom, vận chuyển, bảo quản và xử lý chất thải công nghiệp thông thường.

普通産業廃棄物保管・回収・運搬・処理、環境保護に関して現行法の各規定を遵守する。

c. Cung cấp các tài liệu, hồ sơ, hợp đồng liên quan đến năng lực của bên A, Chi nhánh của bên A và nhà thầu phụ theo quy định tại điều 1 Hợp đồng này cho bên B;

本契約の第 1 条の規定通りに A、A 支社又は下請業者の能力に関する契約、書類、資料を提出する。

d. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bên B đối với công việc mà Chi nhánh của Bên A, nhà thầu phụ thực hiện liên quan đến Hợp đồng này;

本契約に関して A、A 支社又は下請業者の実施された仕事に対して法的責任を負う。

e. Tuân thủ các quy định về nội quy của bên B khi thực hiện công việc tại địa điểm của bên B
Bの各住所にて回収作業時にBの各規定を遵守する。

f. Trong trường hợp Chi nhánh hoặc nhà thầu phụ vi phạm các quy định của pháp luật, vi phạm thỏa thuận với bên A mà gây thiệt hại cho Bên B thì bên A phải chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại đó.
A支社又は下請業者が法律違反や契約違反をしBに損害を与えた場合、
Aはそれらの損害を賠償する責任を有する。

g. Đảm bảo tất cả các nhân sự mà mình tuyển dụng hoặc thuê hoặc nhân sự của nhà thầu phụ khi thực hiện các công việc theo thỏa thuận Hợp đồng này có năng lực và chuyên môn phù hợp và được đào tạo đầy đủ, hướng dẫn, giám sát một cách phù hợp.
本契約に関する作業を行う際、Aの関連先全ての作業員、または
下請業者の作業員が適切な資格と専門知識を持ち、適切な訓練、指示、
監視されていることを確約します。

h. Duy trì các loại giấy tờ pháp lý, giấy phép cần thiết hoặc thích hợp để Bên A cũng như nhà thầu phụ của Bên A thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này và để Bên B sử dụng dịch vụ theo đúng quy định của pháp luật áp dụng.
A及びAの提携先は、本契約を履行しBが現行法に沿った適切なサービスを
受けるため、法律に関する必要ライセンス及び書類を常に持続する義務を
有します。

i. Bên A không được phép và phải đảm bảo nhân viên, nhân sự và nhà thầu phụ của mình không được tiết lộ hoặc rò rỉ bất kỳ thông tin nghiệp vụ hoặc bất kỳ thông tin nào có được trong quá trình thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng này của Bên B cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý bằng văn của Bên B. Nghĩa vụ này sẽ được giữ nguyên hiệu lực kể cả khi Hợp đồng này chấm dứt hoặc hết hạn.
Bの書面による同意無しに、AやAの関係者及びAの提携先が本契約に
関する情報を第三者へ漏洩しない事を保証します。本義務は、契約期間中及び
契約終了後も有効である。

j. Cung cấp Hóa đơn GTGT hợp lệ và Biên bản giao nhận chất thải cho bên B.
Bに廃棄物授受記録書、有効なVATインボイスを発行する。

k. Chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên A vi phạm quy định của Hợp đồng này.
Aが本契約内容に違反した場合、違反に対する罰則を支払い、損害を補償します。

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B
Bの権利及び責任

3.2.1. Quyền của bên B
Bの権利

a. Được quyền yêu cầu bên A thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
本契約第1条の通りに、Aに廃棄物の集荷及び処理を要求する権利を有する。

b. Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên A thu gom, xử lý bằng văn bản trước 03 (ba) ngày nếu bên A vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này.

A が本契約を違反する場合、B は A へ廃棄物処理依頼の停止を文書で 3（三）日間前に通知すること。

c. Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên A xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

本契約第 5 条の通りに契約の効力が切れた場合、A への廃棄物処理依頼を停止する。

d. Chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên A vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên A gây ra theo quy định của pháp luật.

A が本契約内容に違反した場合、契約終了及び現行法の各規定に従い A の契約違反により生じた損害賠償を請求する。

e. Bên A, chi nhánh hoặc nhà thầu phụ của Bên A thực hiện các công việc liên quan đến Hợp đồng này phải đảm bảo đủ năng lực theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện các công việc theo thỏa thuận Hợp đồng. Trường hợp bên A, chi nhánh hoặc nhà thầu phụ của Bên A không đủ năng lực hoặc không bổ sung được hồ sơ chứng minh đủ năng lực theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Bên B, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà Bên A không được quyền khiếu nại.

A 及び本契約に関連する作業を行う A 支社又は下請業者は、本契約履行にあたり現行法に沿った能力を保持することを確約します。A、A 支社及び下請業者が必要な能力がない、B の要求に従い能力を証明する書類を追加できない場合、B は本契約を解除する権利を有し A は異議権利がない。

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

B の責任

a. Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.

本契約第 1 条に従い廃棄物の引き渡しを実施する。

b. Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, tập trung các chất thải cần thu gom theo Hợp đồng này để tạo điều kiện cho bên A thu gom, chuyển giao xử lý.

廃棄物発生場所で廃棄物を分別し、A が収集運搬処理するための環境を整えます。

c. Giao chất thải đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.

定めた時間通りに廃棄物の引渡を実施し、運送車両が円滑に回収及び運搬作業ができる場所に保管すること。

d. Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên A đến thu gom.

回収時は廃棄物回収に必要な人員を配備する。

e. Trong trường hợp bên B tạm ngưng giao chất thải cho bên A xử lý theo mục 3.2.1 Điều này thì bên B phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên A trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.

B が本契約第 3 条 2.1 項に基づき A への廃棄物処理依頼を停止した場合、B は停止した日から 10（十）日以内に未払金を A に全額支払う義務を有する。

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第 4 条：共通条

4.1. Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

両社は本契約で同意された内容を確実に履行する義務を有し、両社ともに相手方の文書による同意を無くして内容を変更することは出来ない。どちらかが違反した場合、相手方が被った全ての損害を賠償する責任を有する。

4.2. Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

本契約に記載のない事柄で問題が発生した場合、現行法に基づき対処される。紛争が発生した際は相互尊重の下、協力し話し合い解決される。両社にて解決できない紛争が発生した場合、裁判所へ審議を委ね、人民裁判所の判決が最終決定となり両社共に従わなければならない。有した経費は敗者が負担する。

4.3. Bên nào muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho bên còn lại trước 30 (ba mươi) ngày bằng văn bản, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

AまたはBは契約満期よりも前に契約を解約したい場合、解約日から少なくとも30（三十）日前に文書で相手方へ知らせること。

4.4. Không bên nào được chuyển nhượng, chuyển giao toàn bộ hoặc bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này hoặc định đoạt dưới hình thức khác bất kỳ quyền hoặc lợi ích nào trong Hợp Đồng này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên còn lại, bất kỳ việc chuyển nhượng, chuyển giao lại trái với Điều khoản này sẽ bị vô hiệu.

いずれの当事者も相手方の書面による同意なしに本契約に関する権利及び義務を第三者へ委託することを禁止します。各譲渡・移転に関して当項目に違反する場合は、無効とします。

4.5. Mỗi bên phải tuân thủ pháp luật áp dụng có liên quan đến việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn ở các điều ước, luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư và các quy định khác về cấm cưỡng bức lao động, lao động trẻ em, lao động cao tuổi và buôn người.

両社が本契約の履行・締結に関する法律に遵守するものとします。強制労働、児童労働、高齢労働及び人身売買の禁止に関する条約、法律、政令、通知、およびその他の各規定を含むがこれらに限定されない。

4.6. Mỗi bên khẳng định và bảo đảm rằng không và sẽ không nằm trong bất kỳ trường hợp nào liên quan đến cá nhân, tổ chức...phản xã hội, chống đối nhà nước.
両社は、反社会的及び反国家的な個人及び組織との関係が一切ないことを確約・確保するものとします。

4.7. Bên A cam kết không tặng tiền, quà, hoa hồng cho nhân viên của Bên B trong bất kỳ trường hợp nào ngoại trừ quà mang tính chất công việc như hoa, lịch, sổ, bút…có biểu tượng của Bên A. Bên A có nghĩa vụ nhanh chóng báo cáo đến Bên B những hành vi vi phạm của nhân viên của Bên B thông qua số điện thoại 0901 312 155 hoặc email giamsatnoibo@yev.vn
A は A のロゴがあるカレンダー、手帳、ボールペン、花などのギフト以外に金銭、贈り物、利益を B に与えません。A が B の関係者の不正行為を発見した場合、電話 (0901 312 155）又は電子メール (giamsatnoibo@yev.vn）で通知する義務を有します。

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

第 5 条：契約の効力

5.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2024 đến 31 tháng 03 năm 2025. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

本契約は 2024 年 4 月 1 日から 2025 年 3 月 31 日まで効力を有する。両社は本契約が満了する 30（三十）日前に契約更新について話し合う。

5.2. Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào chưa hoàn thành thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

本契約期間終了後、両社による契約更新（または契約書附則）がない場合および両社ともに義務を有さない場合は、本契約は解約とみなされる。

5.3. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản song ngữ Việt-Nhật, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Tiếng Việt sẽ được ưu tiên sử dụng khi có mâu thuẫn giữa hai ngôn ngữ hoặc tranh chấp.
本契約は日本語とベトナム語の2ヶ国語で作成され、A及びBが記名押印の上各1部を保管し、2部ともに同等の価値を有する。本契約内容に関して紛争が生じた場合にはベトナム語版に基づいて解決する。

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
A の代表	**B の代表**
CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH	CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM
GO YASUHARU	**NOGI HIROSHI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ベトナム社会主義共和国
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
独立-自由-幸福

KD-M-01/TMPL

---------*&*---------

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU
廃棄物売買契約

Số: 07.2024/HĐMB/FIRST – YEV
No. 07.2024/HĐMB/FIRST – YEV

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2017.
  2015 年 11 月 24 日にベトナム社会主義共和国の国会によって制定され、
  2017 年 01 月 01 日に施行された民事法No.91/2015/QH13 に基づく。
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.
  2005 年 6 月 14 日にベトナム社会主義共和国の国会によって制定され、2006 年 01 月 01 日に施行された商事法No.36/2005/QH11 に基づく。
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
  2020 年 11 月 17 日にベトナム社会主義共和国の国会によって制定され、2022 年 01 月 01 日より施行されている環境保護法 No. 72/2020/QH14 に基づく。
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường.
  2022 年 01 月 10 日付けの環境保護に関する法律 No.08/2022/NĐ_CP に基づく。

- Căn cứ vào nhu cầu, khả năng, điều kiện của hai bên.
  2 社における需要、能力、条件に基づく。

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2024, tại văn phòng trụ sở Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam chúng tôi gồm có:
本日 2024 年 04 月 01 日、YAZAKI EDS VIETNAM CO., LTD.にて下記の 2 社により

Bên A
委託者（以下「A」という）

Tên công ty:社名：	**Công ty TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM** **YAZAKI EDS VIETNAM CO., LTD.**	MST： 税番号:	3700230036
Địa chỉ: 住所：	Khu phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam Thong Nhat 1 Hamlet, Di An Ward, Di An City, Binh Duong Province, Vietnam		
TEL：	0274-3752590	FAX:	0274-3752594
Đại diện 代表：	**MR. NOGI HIROSHI**	Chức vụ: 役職:	**Tổng giám đốc** **代表取締役社長**
Tài khoản: 口座：	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN Chi nhánh Nam Bình Dương VietcomBank Nam Binh Duong Branch	MSTK： 口座番号:	0281000295549 （VND）

Bên B
受託者（以下「B」という）

Tên công ty: 社名 ：	**Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ BẢN** **FIRST COMPANY LIMITED**	MST： 税番号:	0305895958
Địa chỉ: 住所：	6A, Ngô Chí Quốc, Khu Phố 2, Bình Chiểu, Thành Phố Thủ Đức, Tp.HCM, Việt Nam 6A, Ngo Chi Quoc st,Quarter2,Binh Chieu ward, Thu Duc city, HCMC, Vietnam		
Điện thoại: 電話：	028-3729 4251	FAX:	028-3729 4253
Đại diện: 代表：	**MR. GO YASUHARU**	Chức vụ： 役職:	**Giám đốc** 社長
Tài khoản 口座：	Vietcombank - chi nhánh Thủ Đức Vietcombank - Thu Duc Branch	MSTK: 口座番号:	038.100.0417591

Theo giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-FIRST ngày 01 tháng 03 năm 2023 do Bà **NGUYỄN THỊ MỸ NGA** ủy quyền.
2023年03月01日に **NGUYEN THI MY NGA** 氏が委任した委任状 No.01/2023/UQ-FIRST に基づく。
Cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng Mua bán phế liệu theo các điều khoản sau:
両社は有価物売買に関する下記項目に同意した。

Điều 1: Nội dung hợp đồng
第1条: 契約内容

1. Bên A giao cho bên B việc thu gom phế liệu dưới đây:
   AはBに対し、下記の各種廃棄物収集を依頼する。
   A. Phế liệu có giá trị (cố định)
      価値（固定）を有する廃棄物
   B. Phế liệu có giá trị (biến động)
      価値（変動）を有する廃棄物
2. Đơn giá phế liệu, phí vận chuyển, địa điểm và thời gian thu gom chi tiết thể hiện trong

từng Phụ lục Hợp đồng. Các phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.
廃棄物価格、運搬費、住所、回収時間詳細については、各契約附則に記載される。各契約附則は、契約書の一部となります。
Giá thu mua, xem xét ảnh hưởng giá do sự biến động của thị trường, 3 tháng 1 lần sẽ thương lượng lại với nhau và quyết định giá cả, dưới sự đồng ý của hai bên, nếu giá thay đổi 02 (hai) bên sẽ tiến hành ký phụ lục hợp đồng bổ sung.
買取価格、市況変動による価格影響を考慮し、3 ヵ月 1 回、両社協議のうえ検討する場 を設け、両社による合意の下、価格変更あれば、両社により契約書附則にて更新される。

3. Phương pháp thu gom:
回収方法：
   a. Bên B đến địa điểm của Bên A thu gom phế liệu hoặc một địa điểm khác do hai bên thỏa thuận.
   B は A の住所へ廃棄物回収する、または両社が他の協議をする。
   b. Bên B nhận ký gửi phế liệu từ Bên A (không tính phí) theo số lượng cân thực tế được thể hiện trên Phiếu xuất kho của Bên A (có nhân viên hai bên ký xác nhận).
   B は A からの出庫票に記載された実際の重量（両社のスタッフがサインし確認する）の通りに廃棄物を授受する（無償）。

Điều 2: Thời hạn hợp đồng: 01 năm
第２条：契約期間：１年間

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 03 năm 2025. Một (01) tháng trước khi đến ngày kết thúc hợp đồng hai bên sẽ cùng nhau họp lại để thỏa thuận tái ký hoặc thanh lý hợp đồng. Bên A được ưu tiên, chọn ngày giờ họp và có thông báo bằng văn bản cho bên B.
当契約書は2024年04月01日から、2025年03月31日まで有効とする。契約期間満了日より1ヶ月前に両社により、継続または解除を決定する。Aは優先的に会議の日時を決定する権利を持ち、文書によりBに告知する。

Điều 3: Hình thức thanh toán
第３条: 清算方法

1. Hàng tháng bên B thanh toán cho Bên A một lần bằng tiền Việt Nam đồng theo hình thức chuyển khoản.
毎月にBはAに対しベトナムドン振込で一括で支払います。
2. Bên B thanh toán cho Bên A dựa vào chứng từ mua bán phế liệu do Bên A xuất và giao cho Bên B.
AはBに対し依頼した廃棄物収集に対してAが発行した書類に基づき、BはAに対し支払いを実施する。
3. Ngày 26 (hai mươi sáu) hàng tháng (nếu rơi vào ngày nghỉ của Bên A sẽ chuyển sang ngày làm việc tiếp theo) hai bên tiến hành đối chiếu số lượng phế liệu thực tế Bên B đã nhận từ ngày 26 (hai mươi sáu) tháng trước đến ngày 25 (hai mươi lăm) tháng này.
毎月の26日（Aの休日に当たる場合、次の勤務日とする）に両社はBが前月の26日から今月の25日まで引き取った実際の廃棄物重量を対照する。
4. Sau khi hai bên thống nhất, bên A đồng ý bán cho bên B số lượng phế liệu đã ký gửi. Đồng thời phát hành hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ theo số lượng này cho Bên B.
両社が合意した後、A は B に対して授受した廃棄物重量を売却する事を同意す

る。同時にBに対して、当重量に応じて正当なVATインボイスを発行する。

5. Bên B thanh toán cho bên A sau 25 đến 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ.
   BはAに対して正当なVATインボイスを受領日から25から30日間以内にお支払い。

Điều 4: Quyền và Nghĩa vụ của hai bên
第４条：両社の責務

1. **Quyền và Nghĩa vụ của Bên A:**
   Aの責務

a. Bên A bảo đảm phân loại và đặt đúng chỗ các loại phế liệu chính xác như đã chỉ định trong Phụ lục Hợp Đồng nhằm giúp bên B thu gom và dọn vệ sinh sạch sẽ kho phế liệu.
   AはBによる収集および清掃を妨げる事が無いよう、各種廃棄物をこの契約附則に定められた項目別に分別し、指定保管場所へ保管する。

b. Bên A có trách nhiệm tiến hành cân đo và lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này. Và là căn cứ để phát hành hóa đơn tài chính và ghi nhận công nợ
   Aは計量および出庫票を作成する義務を有する。出庫票は当契約書の一部になります。そして、財政インボイスを発行すると債務を記録するための根拠になる。

c. Được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, yêu cầu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên A chỉ rõ được cho bên B, bên B đã vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên B vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A. Ngoài ra, khi Bên B hoặc nhà thầu phụ của Bên B không đủ năng lực hoặc không bổ sung được hồ sơ chứng minh đủ năng lực theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà Bên B không được quyền khiếu nại.
   B側が本契約の内容に一つでも違反、又はB側が法律に違反しAの活動に影響を与えた場合で、尚且つA側がB側の違反を明示できる場合、A側は一方的に契約を解除でき、違反により発生した損害を請求する権利を有する。B側又はB側の下請け業者が能力不足である。又は法律及びA側の要求に従って適格性を証明する為の書類を提出出来ない場合、A側はB側の不服を聞き入れることなく、一方的に契約を解除する権利を有する。

2. **Quyền và Nghĩa vụ của Bên B:**
   Bの責務

a. Nhân viên của bên B đến kho phế liệu của bên A tất cả các ngày làm việc trong tuần theo lịch làm việc của Bên A, trong giờ hành chính để dọn vệ sinh và thực hiện công việc như sau:
   Bの作業員はAの週勤務日程通りに、下記条件を満たすため、作業時間中にAの廃棄物保管場所でAが仕分けた廃棄物の確認および保管場所の清掃を実施する。
   - Sắp xếp các loại phế liệu và dọn dẹp vệ sinh (kể cả đối với những phế liệu không thể hiện trong các Phụ lục Hợp đồng đính kèm) để duy trì kho phế liệu sạch đẹp và quá trình cân được nhanh chóng, dễ dàng.

収集時の計量、その他作業を速やかに実施できるよう、各種廃棄物を当契約の名品リスト及び添付各契約附則に記載されないとしても仕分ける作業をしないければなりません。

- Thực hiện việc cân, xác nhận phiếu cân phế liệu dưới sự giám sát và theo thời gian quy định của bên A.

Aの監視の下、Aが定める時間内に計量を実施、確認、収集作業を完了させる。

- Chịu trách nhiệm sắp xếp và bốc xếp phế liệu sau khi cân lên phương tiện vận chuyển.

計量後、運搬車両に有価物を整理、載積する責任を持つ。

b. Bên B thông báo cho bên A bằng văn bản danh sách công nhân tác nghiệp và trưởng nhóm tác nghiệp tại hiện trường của bên A, nếu có thay đổi, bổ sung nhân sự Bên B phải thông tin ngay đến người đảm nhiệm giám sát, thực hiện Hợp đồng này của Bên A.
BはAに対し、Aの現場で作業するリーダーとスタッフのリストを通知する。人事変更があればBは当契約書を実施と監察を担当するAに対しすぐ通知する。

c. Cam kết tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, quản lý phế liệu và phòng cháy chữa cháy trong hoạt động thu gom, vận chuyển phế liệu theo quy định của pháp luật, chỉ đạo của cơ quan nhà nước địa phương và tự chịu trách nhiệm về các nội dung này.
有価物を運搬、回収の活動時、消防および有価物管理、環境保護の規則をしっかり守ること。又は、法律の規定及び地方の示指に従い、問題が生じる場合は、B側が全責任をお持ちしないといけない。

d. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về những sai phạm phát sinh trong việc thu gom, vận chuyển phế liệu sau khi nhận chuyển giao từ Bên A.
Aの倉庫から引き取った有価物を回収、運搬で原則に違反発生した場合について全責任を負う。

e. Nhân viên của Bên B khi đến thu gom phế liệu, liên hệ công việc tại địa chỉ của Bên A phải tuân thủ đúng, đủ các quy định nội bộ của Bên A. Trường hợp bên B đã tuân thủ quy định của bên A nhưng trong quá trình tác nghiệp dẫn đến thiệt hại cho người và tài sản của Bên A, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại thực tế xảy ra khi nhận được yêu cầu từ Bên A.
B の作業員が A の敷地内で有価物を回収作業する際、A の社内規定やルールを厳守し行動する。作業過程において、B 側が A の規定を順守しているにもかかわらず A の作業員や財産に損害を与えた場合、B 側は A 側の要求に応じた実際の損害を賠償する。

f. Đảm bảo tất cả các nhân sự mà mình tuyển dụng hoặc thuê hoặc nhân sự của nhà thầu phụ khi thực hiện các công việc theo thỏa thuận Hợp đồng này có năng lực, chuyên môn phù hợp và được đào tạo đầy đủ, hướng dẫn, giám sát một cách chặt chẽ.
本契約書に従って実施する採用全て人員又は下請け業者の全て人員が有能であり、適切な資格を持ち、十分な訓練を受け、教育・監督されることを確保する。

g. Đảm bảo các phương tiện vận chuyển chuyên dụng và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
専用の郵送手段であり、現行法の遵守を確保する。

h. Cam kết tính trung thực, chính xác của những thông tin mà Bên B đã đưa ra và đảm bảo

sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với những việc phát sinh từ tính trung thực, chính xác của những thông tin này.
Bは提供した情報の真実性と正確性を確実し、Bはこの情報の真実性と正確性から発生する事をすべての責任を完全に負うことを保証する。

i. Duy trì các giấy tờ pháp lý, các giấy phép cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các công việc của mình theo đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng.
契約に従って業務を遂行するために必要または適切な法的文書と許可証を維持する。

j. Chịu tiền phạt theo quy định của pháp luật và bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên B vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng, gây thiệt hại cho bên A.
B側は、契約書の内容に違反する場合、法律の規定により罰金をお支払いしないければなりません。一方、Aに損分をさせる分は、B側が金額として補償するものとします。

Điều 5 : Tính minh bạch và đạo đức kinh doanh
第５条： 営業の透明性 & 道義的

1. Các bên không được tiết lộ bất kỳ một thông tin nào của đối phương liên quan đến hợp đồng này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại. Nghĩa vụ bảo mật này sẽ tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này đã hết hạn hoặc chấm dứt.
A又はBは、相手方の書面による同意なしに、本契約に関わる情報を第三者に漏らさないこと。当契約書が解消もしくは満了になるまで極秘を漏らさない義務を持つ。
2. Bên B cam kết không đút lót, hối lộ, chi hoa hồng, chi chênh lệch tăng giá, quà tặng, bồi dưỡng hoặc sử dụng bất kỳ hình thức ưu đãi vật chất nào khác cho bất kỳ người nào của bên A để được hưởng chế độ ưu đãi hơn so với đối tượng khác. Khi có sự đòi hỏi từ phía người của bên A, trong vòng 6 ngày làm việc bên B có trách nhiệm thông báo với người đại diện có thẩm quyền cấp quản lý cao hơn của bên A để cùng xử lý, hình thức thông báo trực tiếp đến số điện thoại 0901 312 155 hoặc email" giamsatnoibo@yev.vn"
Bは不当な利益を得るために、A及び関係者に対し、賄賂、贈答やリベートなど金銭に関わる一切のことを行いません。Aの人事から要求された場合、6営業日以内に、A側が情報を把握し、早速に対応頂くため、BはAの上位管理者に直ちに報告しないければなりません。報告方法は、0901 312 155の番号に電話もしくは、" giamsatnoibo@yev.vn"のアドレス先に報告します。
3. Trong trường hợp bên B vi phạm khoản 2 điều này, bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi thông báo đến bên B, đồng thời bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do việc chấm dứt Hợp đồng này gây ra. Khi bên A chứng minh được các thiệt hại trực tiếp.
B 側が第５条の項目２に違反する場合、A側がB側に書面で通知として一方的に当契約を終了する権を有ます。同時に、A側がB側に契約書の終了で損分を証明できるとB側がA側に生じさせる損害の補償をすべて負わなければなりません。

Điều 6: Đình chỉ hợp đồng
第6条 : 契約の停止

1. Khi một bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào nêu tại Điều 4 Hợp đồng này bên bị vi phạm được quyền đình chỉ thực hiện hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào. Hoặc hai bên có

thỏa thuận khác.
A 又はB は本契約書の第4条に記載されている項目に対し、違反した場合は、違反された当事者がいつでも契約書を停止する権利があります。あるいは、両社が別の合意を行う。

2. Hợp đồng chấm dứt từ thời điểm Bên vi phạm nhận được thông báo chấm dứt. Bên nào đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ đối xứng.
契約は、違反当事者が解消通知を受け取った時点から解消になります。義務を実施した当事者は、相手方に支払いまたは対称的な義務を実施することを要求する権利はある。
3. Bên bị vi phạm được quyền yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế xảy ra (nếu có).
違反された当事者は違反当事者へ実際に起こった損害賠償を要求する権利はある（ある場合）。

ĐIỀU 7: Trường hợp bất khả kháng:

第7条：不可抗力の場合

1. Các bên sẽ được miễn trừ trách nhiệm liên quan đến việc không thực hiện đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng này trong những trường hợp bất khả kháng như: dịch bệnh, chiến tranh, thiên tai (động đất, sóng thần, bão lũ lụt) hay sự kiện tương tự có ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng này.
双方は、エピデミック、戦争、自然災害（地震、津波、洪水）、または本契約の実施への影響を与える同様の事件などの不可抗力の場合に、本契約に基づく義務を実施しなかったことに関する責任を免除されます。
2. Trong vòng 06 ngày làm việc kể từ khi trường hợp bất khả kháng phát sinh, Bên chịu ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc phát sinh sự kiện, những phần việc không thực hiện được do hậu quả của sự kiện bất khả kháng và các biện pháp khắc phục.
不可抗力場合の発生後06日の勤務時間以内に、不可抗力の影響を受ける当事者は、不可抗力の結果として発生した事件や困難克服方法を書面で相手方に通知する必要があります。
3. Hai bên sẽ trao đổi thống nhất về việc tiếp tục thực hiện, tạm hoãn hay chấm dứt Hợp đồng khi sự kiện bất khả kháng xảy ra.
不可抗力事件が発生した場合に、双方は契約の実施、一時停止、または解消を継続することについて協議する。

Điều 8: Bảo mật thông tin

第８条：機密の責務

Bên B không được và phải đảm bảo nhân viên nhân sự và các nhà thầu phụ < nếu có> của mình không được sử dụng, sao chép, công bố, hoặc bất kỳ thông tin nào có được trong quá trình thực hiện nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng này, trừ khi cần thiết để hoàn thành các nghĩa vụ này hoặc được bên A đồng ý bằng văn bản. Nghĩa vụ này sẽ giữ nguyên hiệu lực kể cả khi chấm dứt hoặc hết hạn Hợp đồng này.
B側の作業員、スタッフさん、提携先は、A側の工場へ回収作業を行う際、A側の情報を得るのを誰かに漏洩してはいけません。A側の情報を機密させてコン

プライアンスの責任があります。仮にA側がB側に契約書を継続しない場合としてもA側の情報を一切外に流れてはいけません。

Điều 9: Điều khoản chung

第９条：共通項目

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, mọi sửa đổi, bổ sung sẽ được hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận và lập thành phụ lục hợp đồng.
   両社はこの契約書に記載されている事項に対し十分に実施し、契約の実行進捗状況を連絡する。修正又は追加する時、両社による話し合い、協議の下、契約附則に項目を追加する。
2. Các phụ lục Hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
   各契約書附則は本契約書の一部になります。
3. Không bên nào được chuyển nhượng, chuyển giao toàn bộ hoặc bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng này hoặc định đoạt dưới hình thức khác bất kỳ quyền hoặc lợi ích nào trong Hợp đồng này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên còn lại, bất kỳ việc chuyển nhượng, chuyển giao lại trái với điều khoản này sẽ bị vô hiệu hóa.
   契約書の権利を各社がいくつかの権利を方社の事前に書面で同意せずに第三者に譲渡してはいけません。仮に各社の承認せずに第三者に契約書の権利を譲渡する場合は、当契約の全ての有効は、無有になります。
4. Mỗi bên phải tuân thủ pháp luật áp dụng có liên quan đến việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn các điều ước, luật pháp lệnh, nghị định, thông tư và các quy định khác về cấm cưỡng bức lao động, lao động trẻ em, lao động cao tuổi và buôn người.
   当契約を有効になるためいくつかの条件に関しては、各側が遵守しないといけません。ですが、法令、労働法に関する規定には、当契約の責務を含みません。
5. Mỗi bên khẳng định và đảm bảo rằng không và sẽ không nằm trong bất kỳ trường hợp nào liên quan đến cá nhân, tổ chức….phản xã hội, chống đối nhà nước.

   両当事者は、互いに、反社会、反政府などの個人・組織に関連するいずれのケースにも該当しておらず、今後も該当しないことを断言し保証する。
6. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hai bên trước hết sẽ giải quyết bằng thương lượng trực tiếp. Nếu các bên không giải quyết được bất đồng, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa Án có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa Án là kết luận cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các bên. Mọi chi phí phát sinh để phục vụ việc giải quyết tranh chấp kể từ ngày phát sinh tranh chấp bao gồm nhưng không giới hạn án phí, lệ phí xét xử do bên thua chịu, hoặc hai bên có thỏa thuận khác.
   両当事者は、本契約書の記載事項を十分に実施することを確約する。競争問題が発生した際は、両当事者にて尊重の下、解決する。両当事者にて解決できない場合は、裁判所へ審議を委ねる。有した経費は敗者が負担する。裁判所の判決は最終的なものであり、両当事者に対し、実施強行を有効となります。紛争の発生日から紛争の解決に役立つために発生したすべての費用には、訴訟費用、敗者が負担する、または両当事者が他の合意を協議する。
7. Hợp đồng này được lập thành hai bản song ngữ Việt-Nhật, mỗi Bên giữ một bản có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có mâu thuẫn hoặc tranh chấp về mặt pháp lý thì tiếng Việt được quyền ưu tiên sử dụng.

本契約書は日本語とベトナム語の2ヶ国語併記で2部作成し、双方とも同一の効力を有するものとする。A及びBは、各1部を保管する。ベトナム語と日本語の内容に相違が発生した場合、ベトナム語版へ優先し使用される。

8. Hợp đồng tự thanh lý mà không cần lập biên bản thanh lý khi hết thời hạn thực hiện Hợp đồng theo Điều 2, đồng thời hai bên đã hoàn thành xong mọi nghĩa vụ của Hợp đồng.
契約は、第2条に従って契約実施期間が満了する時、契約清算記録を作成せずに自動清算となります。同時に、両当事者が契約のすべての義務を完了したこと。

Ngày 01 tháng 04 năm 2024
2024 年 04 月 01 日

A: CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM
YAZAKI EDS VIETNAM CO., LTD.代表者
Tổng giám đốc. NOGI HIROSHI
代表取締役社長: 野木 裕士

TỔNG GIÁM ĐỐ
NOGI HIROSH

B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ BẢN
FIRST COMPANY LIMITED 代表者
Giám đốc: **GO YASUHARU**
社長:郷　康晴

GO YASUHARU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
SOCIALIST REPULIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số/ *No.*: 010424JYEV/HĐDV/VX-YEV

ngày 01 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH SX - TM - DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH

Việt Xanh
Cho Mai Màu Xanh Việt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

(Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số/ *No.*: 010424JYEV/HĐDV/VX-YEV

- Căn cứ vào Luật Thương mại đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/06/2005
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều luật của Luật bảo vệ môi trường
- Căn cứ vào Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Căn cứ vào giấy phép quản lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.033.VX của Công Ty TNHH SX-TM-DV Môi Trường Việt Xanh do Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp/
- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên.

Hôm nay ngày 01 tháng 04 năm 2024, Chúng tôi, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH

Địa chỉ : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, Thành Phố. Tân Uyên, T. Bình Dương.
Điện thoại *Tel :* 0274.3653.076/77 Fax: 0274.3653.075
Mã số thuế. : 3700671231
Tài khoản số. 0605.000.000.551 tại ngân hàng VID Public Bank Chi nhánh Bình Dương.
Đại diện bởi. **(Mr) OKADA TOSHIKAZU**
Chức vụ./*Position*: Phó Tổng Giám Đốc KD.

Theo văn bản ủy quyền số. 01/2024/UQ-MTVX

BÊN B: CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM

Địa chỉ : Khu Phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại/ *Tel :* 0274-375-2590 *Fax*: 0274-375-2594
Mã số thuế : 3700230036
Số tài khoản.: 0281 000 295 549 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Bình Dương
Đại diện bởi/ *Represented by* : **(Mr) NOGI HIROSHI**
Chức vụ/ *Position*: Tổng Giám Đốc.

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với các điều khoản sau.

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG.

1.1. Công ty B 4 nhà máy (YAZAKI EDS VN.), Thêm 1 nhà máy (Công ty TNHH SEIWA Shipping Việt Nam):

- Địa chỉ 1: Khu Phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
- Địa chỉ 2: Đường D1, KCN Mỹ Phước 1, Thị Xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Địa chỉ 3: Lô C và H, Đường số 1 và số 5,KCN Long Đức, Ấp Vĩnh Hưng, Xã Long Đức, TP.Trà Vinh,tỉnh Trà Vinh.
- Địa chỉ 4: CHI NHÁNH DÂY CÁP ĐIỆN XE Ô TÔ CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM.
  Lô C3-2, Khu C3, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh./
- Địa chỉ 5: CÔNG TY TNHH SEIWA KAIUN VIỆT NAM
  Số 8, Đường 22, Khu Công Nghiệp Sóng Thần II, TP Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Danh mục chất thải nguy hại được ghi rõ tại các phụ lục kèm theo của hợp đồng này.

1.2. Các loại chất thải của bên B được xử lý theo đúng quy trình kỹ thuật đã được thống nhất giữa hai bên, các quy định pháp luật hiện hành và được cơ quan chức năng cho phép thực hiện.

1.3. Bên B đồng ý cho Bên A liên kết với nhà thầu phụ, đơn vị có đủ năng lực để thực hiện hoàn tất việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho Bên B theo quy định pháp luật. Bên A sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Bên B về năng lực cũng như tư cách pháp lý của nhà thầu phụ liên kết.

ĐIỀU 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HAI BÊN.

2.1 Quyền và nghĩa vụ của bên A.

2.1.1 Bố trí nhân sự và phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại theo yêu cầu của bên B và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2.1.2 Đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường tại các khu vực chứa chất thải của bên B trong và sau khi hoàn tất việc thu gom, xử lý chất thải.

2.1.3 Cung cấp phương tiện vận chuyển (xe chuyên dụng theo đúng quy định của pháp luật) và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải tại các nhà máy bên B.

2.1.4. Cung cấp các tài liệu, hồ sơ, hợp đồng liên quan đến năng lực của Bên A, các nhà thầu phụ của Bên A... theo các quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này. Trong trường hợp, nhà thầu phụ của Bên A vi phạm các quy định của pháp luật, vi phạm thỏa thuận với bên A mà gây thiệt hại cho Bên B thì bên A phải chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại đó.

2.1.5 Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại, phòng cháy chữa cháy theo pháp luật hiện hành trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý.

2.1.6 Xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy của bên B.

2.1.7 Chịu hoàn toàn trách nhiệm về những sai phạm phát sinh (nếu có) trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sau khi đã nhận chuyển giao từ bên B và bồi thường 100% thiệt hại cho những mất mát (nếu có) do những sự cố phát sinh bởi lỗi của bên A trong quá trình làm việc tại nhà máy bên B.

.

2.1.8 Đảm bảo tất cả các nhân sự mà mình tuyển dụng hoặc thuê hoặc nhân sự của nhà thầu phụ khi thực hiện các công việc theo thỏa thuận Hợp đồng này có năng lực, chuyên môn phù hợp và được đào tạo đầy đủ, hướng dẫn, giám sát một cách chặt chẽ.

2.1.9 Tuân thủ các nội quy, quy định, hướng dẫn....của bên B khi thực hiện các công việc tại địa điểm của bên B.

2.1.10 Cung cấp Hóa đơn GTGT hợp lệ, Biên bản giao nhận chất thải và các hồ sơ liên quan khác (nếu có) cho bên B.

2.1.11 Duy trì các loại giấy tờ pháp lý, giấy phép cần thiết hoặc thích hợp để Bên A cũng như đảm bảo việc duy trì của các nhà thầu phụ của mình, đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này và để Bên B sử dụng dịch vụ theo đúng các quy định của pháp luật.

2.1.12 Chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên A vi phạm quy định của Hợp đồng này.

2.2 Quyền và nghĩa vụ của bên B.

2.2.1 Tập trung, các loại chất thải cần thu gom, xử lý tại khu vực chứa rác thải để tạo điều kiện thuận lợi cho bên A thu gom, xử lý.

2.2.2 Thông báo cho bên A về chủng loại, số lượng chất thải và thời gian thu gom, xử lý trước 02 ngày so với lịch trình dự kiến. Hình thức thông báo bằng điện thoại, email hoặc fax cho nhân sự Lê Xuân Hoàng (***số fax 0274-365-3075, email: sales@vietxanh.com.vn, điện thoại: 0938-763-379***)

2.2.3 Khi có phát sinh chất thải ngoài danh mục hợp đồng thu gom, chất thải dễ cháy nổ, hóa chất có tính nguy hại cao, bên B phải cảnh báo cho bên A trước khi thu gom để phòng ngừa và xử lý kịp thời.

2.2.4 Bên B bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy

2.2.5 Thanh toán chi phí xử lý đúng hạn quy định cho bên A

2.2.6 Phối hợp với Bên A lập chứng từ chất thải nguy hại và phát hành các chứng từ chất thải theo quy định của pháp luật về môi trường.

2.2.7 Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên A thu gom, xử lý bằng văn bản trước 03 (ba) ngày nếu bên A vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này.

2.2.8 Được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B. Ngoài ra, khi Bên A hoặc nhà thầu phụ của Bên A không đủ năng lực hoặc không bổ sung được hồ sơ chứng minh đủ năng lực theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Bên B, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà Bên A không được quyền khiếu nại.

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ.

3.1 Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên B giao cho Bên A thông qua biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên, là cơ sở cho việc kiểm tra và thanh toán theo nội dung hợp đồng.

3.2 Đơn giá xử lý (bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý): Được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng..

3.3 Đơn giá thu mua sẽ được thay đổi theo giá thị trường và được sự đồng ý của hai bên. Trong trường hợp tăng hoặc giảm giá hai bên cùng thống nhất và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

3.4 Giá trị thanh toán: Được tính bằng tổng thành tiền của từng loại, với số lượng thực tế được ghi trong biên bản giao nhận có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên tại kho của Bên *A*.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

4.1 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.

4.2 Thời gian thanh toán.

4.2.1 Vào ngày đầu tháng, hai bên tiến hành kiểm tra đối chiếu công nợ xử lý chất thải căn cứ biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên của tháng trước đó. Bên A xuất hóa đơn tài chính về việc xử lý chất thải cho bên B.

4.2.2 Thời hạn thanh toán: sau 15 .ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn giá trị gia tăng và các hồ sơ, tài liệu liên quan khác (nếu có).

ĐIỀU 5: BẢO MẬT THÔNG TIN

5.1 Các bên cam kết giữ bí mật tất cả các thông tin liên quan đến nội dung của Hợp đồng, nội dung thực hiện Hợp đồng và thông tin khác liên quan đến bên kia và khách hàng, đối tác của bên kia mà các bên được biết trong quá trình làm việc.

5.2 Các bên không được tiết lộ hoặc để lộ thông tin trên cho bất kỳ bên thứ ba nào khác trừ trường hợp bên còn lại đồng ý bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật.

5.3 Các quy định tại khoản 1 điều này ràng buộc các bên về nghĩa vụ bảo mật có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này đã hết hạn hoặc chấm dứt. Mọi vi phạm nghĩa vụ bảo mật dẫn đến thiệt hại cho một bên (nếu có) sẽ được bên vi phạm bồi thường theo thực tế thiệt hại xảy ra.

ĐIỀU 6: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

6.1 Các bên sẽ được miễn trừ trách nhiệm liên quan đến việc không thực hiện đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng này trong những trường hợp bất khả kháng như: dịch bệnh, chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, động đất, sóng thần hay sự kiện tương tự có ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng này.

6.2 Trong vòng 06 ngày làm việc kể từ khi trường hợp bất khả kháng phát sinh, Bên chịu ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc phát sinh sự kiện, những phần việc không thực hiện được do hậu quả của sự kiện bất khả kháng và các biện pháp khắc phục.

6.3. Hai bên sẽ trao đổi thống nhất về việc tiếp tục thực hiện, tạm hoãn hay chấm dứt Hợp đồng khi sự kiện bất khả kháng xảy ra.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

7.1 Không bên nào được chuyển nhượng, chuyển giao toàn bộ hoặc bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này hoặc định đoạt dưới hình thức khác bất kỳ quyền hoặc lợi ích nào trong Hợp Đồng này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên còn lại, bất kỳ việc chuyển nhượng, chuyển giao lại trái với Điều khoản này sẽ bị vô hiệu.

7.2 Nếu không có thỏa thuận khác, Hợp đồng này được mặc nhiên thanh lý khi các Bên thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng.

7.3 Mỗi bên phải tuân thủ pháp luật áp dụng có liên quan đến việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn ở các điều ước, luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư và các quy định khác về cấm cưỡng bức lao động, lao động trẻ em, lao động cao tuổi và buôn người.

7.4 Mỗi bên khẳng định và đảm bảo rằng không và sẽ không nằm trong bất kỳ trường hợp nào liên quan đến cá nhân, tổ chức....phản xã hội, chống đối nhà nước.

7.5 Bên A cam kết không tặng tiền, quà, hoa hồng cho nhân viên của Bên B trong bất kỳ trường hợp nào ngoại trừ quà mang tính chất công việc như hoa, lịch, sổ, bút...có biểu tượng của Bên A. Bên A có nghĩa vụ nhanh chóng báo cáo đến Bên B khi nhân viên của bên B có hành vi gợi ý hoặc đề nghị tặng tiền, quà, hoa hồng.....thông qua số điện thoại 0901 312 155 hoặc email giamsatnoibo@yev.vn

7.6 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

7.7 Hợp đồng có thời hạn từ ngày **01** tháng **04** năm **2024** đến ngày **31** tháng **03** năm **2025**.
Trước khi hết hạn hợp đồng 30 ngày, hai bên sẽ thông báo cho nhau về vấn đề tái ký hợp đồng.

7.8 Trường hợp bên nào vi phạm ngoài việc phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia theo quy định của pháp luật hiện hành, còn phải chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm (giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm sẽ căn cứ và giá trị thanh toán của tháng liền kề trước đó).

7.9 Bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết trên cơ sở thỏa hiệp. Nếu hai bên không thể thương thuyết, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền. Phán quyết của tòa án là cơ sở pháp lý bắt buộc thi hành đối với mỗi bên. Toàn bộ chi phí trong quá trình xét xử do bên thua chịu.

7.10 Hợp đồng được lập thành 02 bản gồm 1 loại ngôn ngữ là tiếng Việt mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp không có sự đồng nhất về các điều khoản trong hợp đồng thì phần ngôn ngữ bằng tiếng Việt là cơ sở để giải quyết.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B.**
C.TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH	CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM
Phó Tổng Giám Đốc KD.	Tổng Giám Đốc.
(Mr) OKADA TOSHIKAZU	**(Mr) NOGI HIROSHI**

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

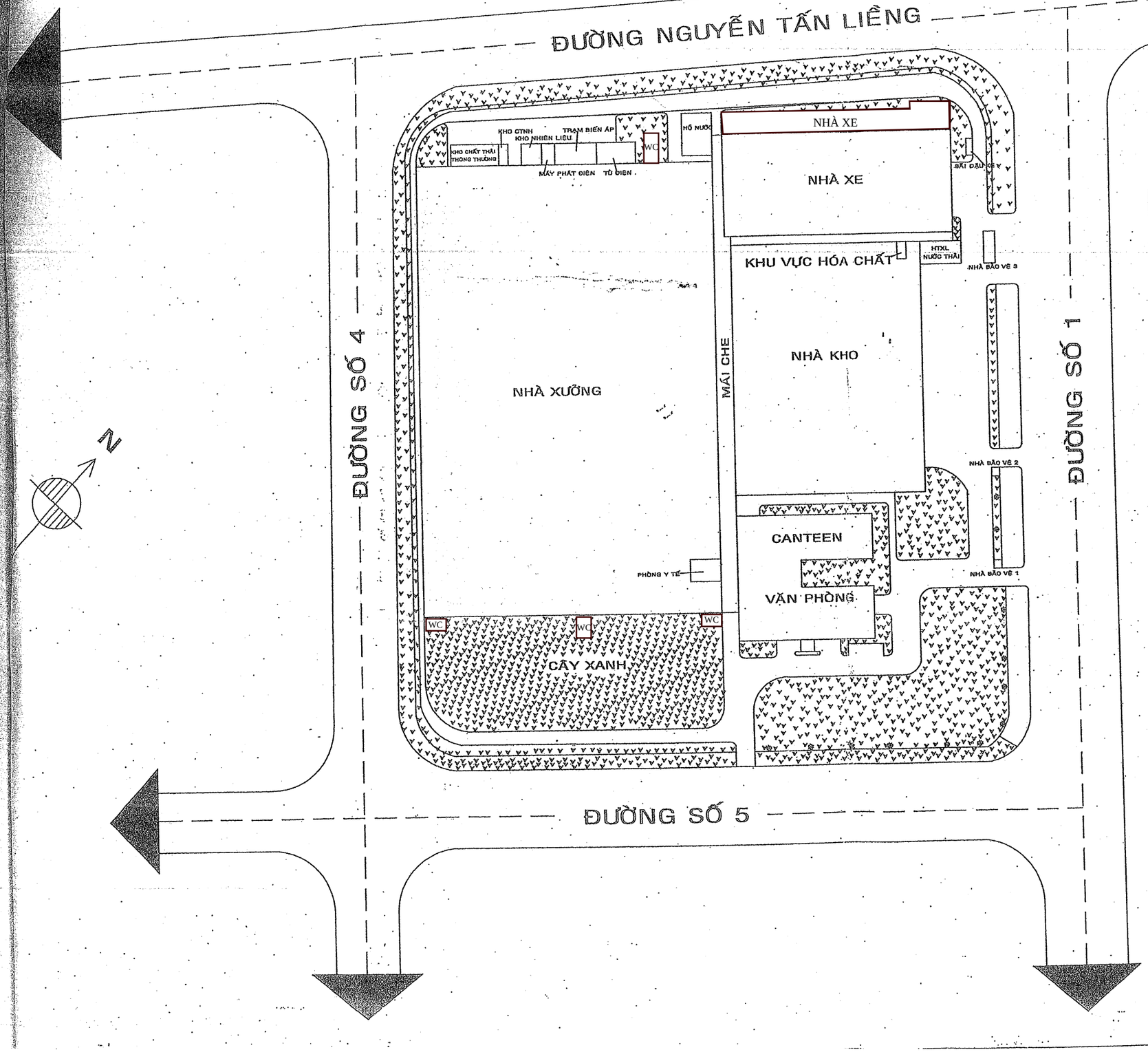

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m^2)	TỈ LỆ (%)
1	NHÀ XƯỞNG	30.421,45	34,2
1.1	PHÒNG Y TẾ	157,5	-
1.2	KHO RÁC THẢI THÔNG THƯỜNG	233,24	-
1.3	KHO CTNH	34,3	-
1.4	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN	61,5	-
1.5	NHÀ TRẠM BIẾN ÁP	200	-
1.6	KHO NHIÊN LIỆU	100	
2	NHÀ KHO	11.122,19	12,5
2.1	KHU VỰC HÓA CHẤT	36,45	
3	MÁI NỐI	1.762,41	1,98
4	VĂN PHÒNG & CANTEEN	3.401,4	3,82
5	BÃI ĐẬU XE	5.823,12	6,55
6	NHÀ BẢO VỆ 1	16	0,02
7	NHÀ BẢO VỆ 2	16	0,02
8	NHÀ BẢO VỆ 3	56	0,06
9	BỂ CHỨA NƯỚC	294	0,33
10	HTXL NƯỚC THẢI	216	0,24
11	ĐƯỜNG NỘI BỘ	13.405,02	15,07
12	CÂY XANH	22.420,9	25,21

S.G.C.N: 5821200002 - C.T.N.H
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH
TRÀ VINH - T.TRÀ VINH

CHỦ DỰ ÁN : CH. NHÁNH CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH

TÊN DỰ ÁN: NÂNG CÔNG SUẤT NHÀ MÁY YAZAKI TẠI TRÀ VINH

MẶT BẰNG TỔNG THỂ	HOÀN THÀNH
TL 1:500	2019

MARK KÍ HIỆU	DESCRIPTION - DIỄN GIẢI
	OPEN GUTTER MƯƠNG HỞ
	COVERED GUTTER MƯƠNG KÍN
	COVERED GUTTER (HEAVY LAND) MƯƠNG KÍN (TẢI NẶNG)
	PVC DOWNSPOUT ỐNG THOÁT NƯỚC MÁI PVC
▢	DOWNSPOUT MANHOLE HỐ GA NƯỚC MÁI
⊠	GUTTER MANHOLE HỐ GA MƯƠNG

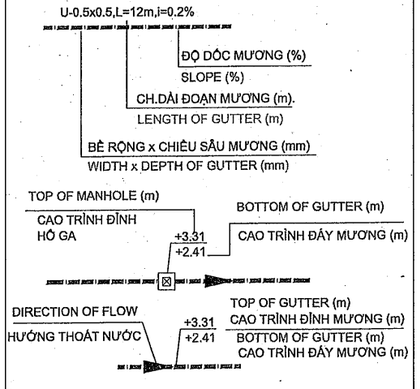

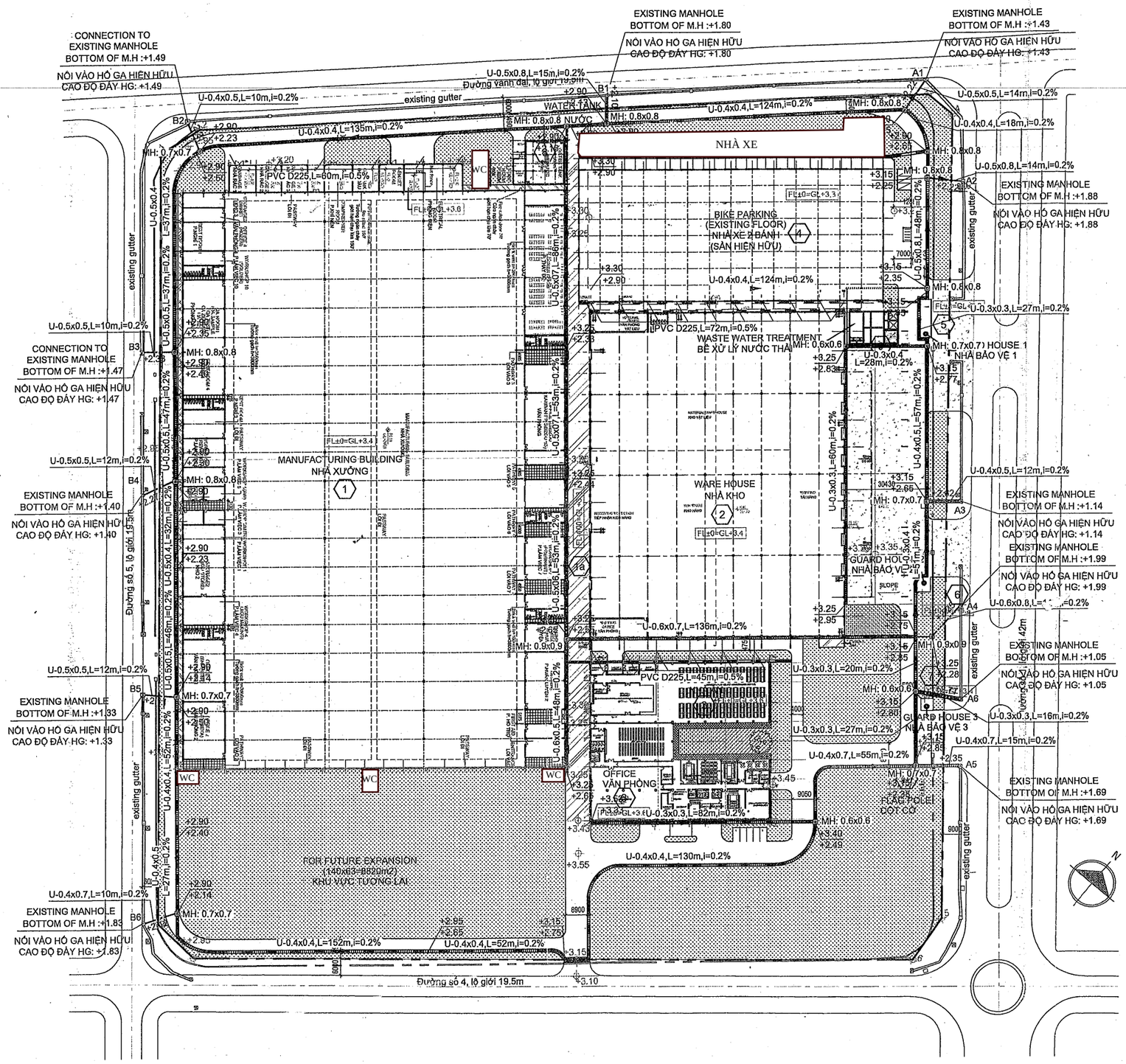

GROUND MASTER FLOOR PLAN Sc: 1/800
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT Tỉ: 1/800

PHÁT HÀNH | ISSUED

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS-BUILT DRAWING

NGÀY PHÁT HÀNH : 01.SEPTEMBER.2014
DATE OF ISSUE

NOTES:

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT TITLE

NHÀ MÁY YAZAKI TẠI TRÀ VINH
YEV TRA VINH NEW FACTORY CONSTRUCTION PLAN
LÔ C VÀ H, ĐƯỜNG SỐ 1 VÀ SỐ 5, KHU CÔNG NGHIỆP LONG ĐỨC, THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER

YEV
CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH
TRA VINH BRANCH OF YAZAKI EDS VIETNAM CO., LTD
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

KONAGAI TAMOTSU

NHÀ THẦU XÂY DỰNG / DESIGN BUILD CONTRACTOR:

KAJIMA OVERSEAS ASIA PTE LTD
7th Floor, AB Tower
76 Le Lai St., Dist. 1, HCM City, Vietnam

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN | PROJECT MANAGER

MASAAKI KASHIMA

VẼ | DRAWN BY

PHAM DUY KHANG

NHÀ THẦU PHỤ / SUB CONTRACTOR

KRO CO.,LTD

QUẢN LÝ DỰ ÁN | PROJECT MANAGER

HIDETO KUNIOKA

CÔNG TY GIÁM SÁT / SUPERVISION COMPANY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH
266 TRẦN PHÚ, PHƯỜNG 7, THÀNH PHỐ TRÀ VINH
GIÁM SÁT TRƯỞNG | SUPERVISOR

PHẠM MINH TÂN

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

DRAINAGE SYSTEM PLAN
MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

TÌNH TRẠNG | STATUS

BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

BỘ PHẬN THIẾT KẾ | DESIGN DISCIPLINE:

KIẾN TRÚC / ARCHITECTURE

TỈ LỆ | SCALE	NGÀY | DATE	KHỔ GIẤY SHEET SIZE [841x594]
A1 = 1/800	01 SEPT 2014	A1

SỐ BẢN VẼ | DRAWING NUMBER	HIỆU CHỈNH REVISION
YEV-13009-ICIC-DD-20-CV-008	00

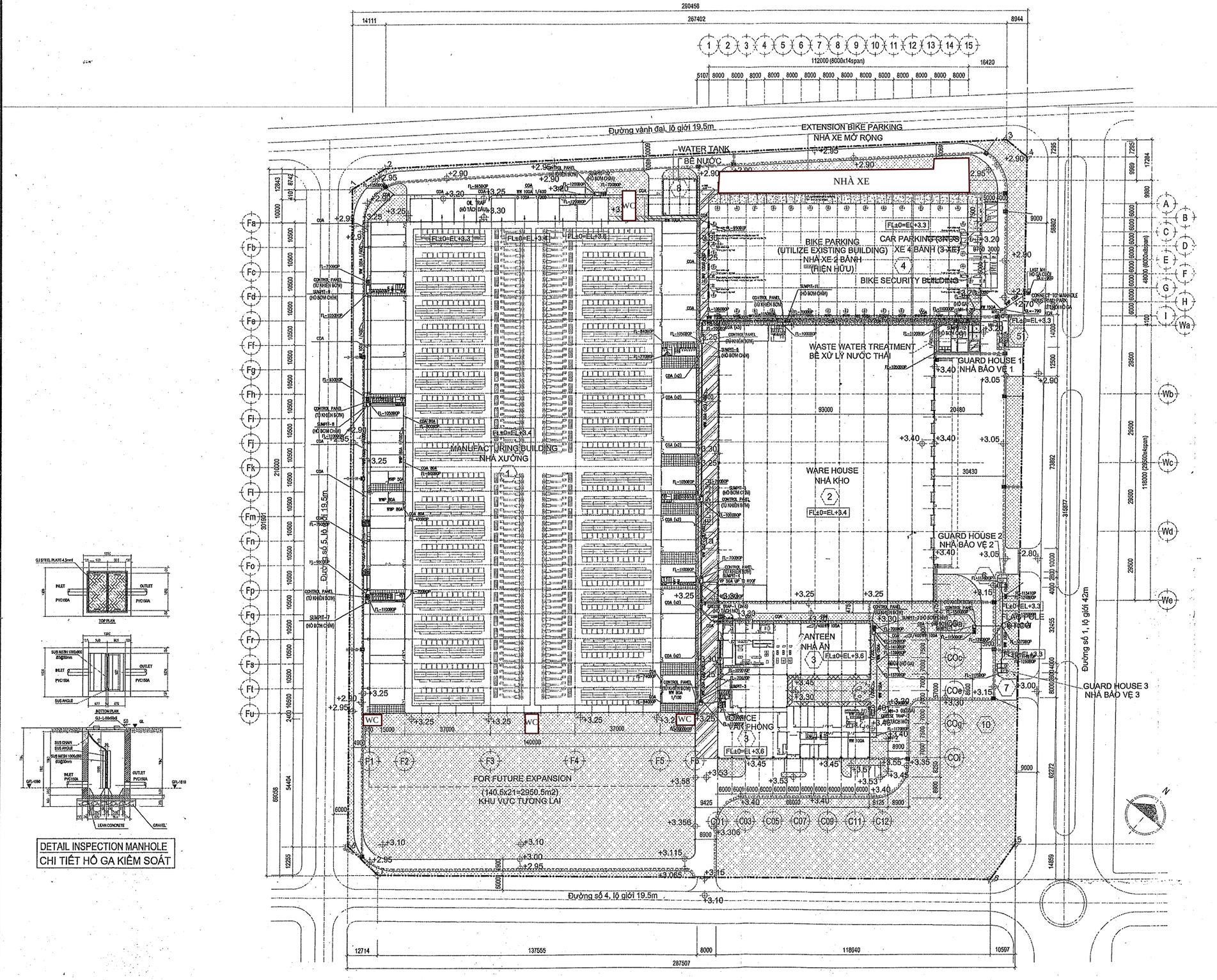

DETAIL INSPECTION MANHOLE
CHI TIẾT HỐ GA KIỂM SOÁT

+3.00 FINISH LEVEL OF ROAD
CAO ĐỘ HOÀN THIỆN ĐƯỜNG

GROUND MASTER FLOOR PLAN Sc: 1/800
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT TI: 1/800.

PHÁT HÀNH | ISSUED

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS-BUILT DRAWING

NGÀY PHÁT HÀNH / DATE OF ISSUE: 01.SEPTEMBER.2014

NOTES:

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT TITLE

NHÀ MÁY YAZAKI TẠI TRÀ VINH
YEV TRA VINH NEW FACTORY CONSTRUCTION PLAN
LÔ C VÀ H, ĐƯỜNG SỐ 1 VÀ SỐ 5, KHU CÔNG NGHIỆP LONG ĐỨC, THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER

YEV
CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH
TRA VINH BRANCH OF YAZAKI EDS VIETNAM CO., LTD
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

KONAGAI TAMOTSU

NHÀ THẦU XÂY DỰNG / DESIGN BUILD CONTRACTOR:

KAJIMA OVERSEAS ASIA PTE LTD
7th Floor, AB Tower
76 Le Lai St., Dist. 1, HCM City, Vietnam

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN | PROJECT MANAGER

MASAAKI KASHIMA

VẼ | DRAWN BY

PHAM DUY KHANG

NHÀ THẦU PHỤ / SUB CONTRACTOR

TAIKI-SHA
TAIKISHA VIET NAM ENGINEERING INC.
HEAD OFFICE: RM 303-305 TH HOME LONG BUILDING 1,2 NGO HA STR., DONG DA DIST., HA NOI
BRANCH OFFICE: 8TH FLOOR-194 GOLDEN BUILDING 10 HO BA KIEN STR., DISTRICT 10, HCM CITY

QUẢN LÝ DỰ ÁN | PROJECT MANAGER

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

CÔNG TY GIÁM SÁT / SUPERVISION COMPANY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH
266 TRẦN PHÚ, PHƯỜNG 7, THÀNH PHỐ TRÀ VINH
GIÁM SÁT TRƯỞNG | SUPERVISOR

PHẠM MINH TÂN

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

WASTE WATER PIPING PLAN EXTERNAL
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC BÊN NGOÀI NHÀ MÁY

TÌNH TRẠNG | STATUS

BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

BỘ PHẬN THIẾT KẾ | DESIGN DISCIPLINE.

KIẾN TRÚC / ARCHITECTURE

TỶ LỆ | SCALE	NGÀY | DATE	KHỔ GIẤY SHEET SIZE. (840x594)
A1 = 1/800	01 SEPT 2014	A1

SỐ BẢN VẼ | DRAWING NUMBER	HIỆU CHỈNH REVISION
YEV-13009-ICC-DD-20-ME-003	00

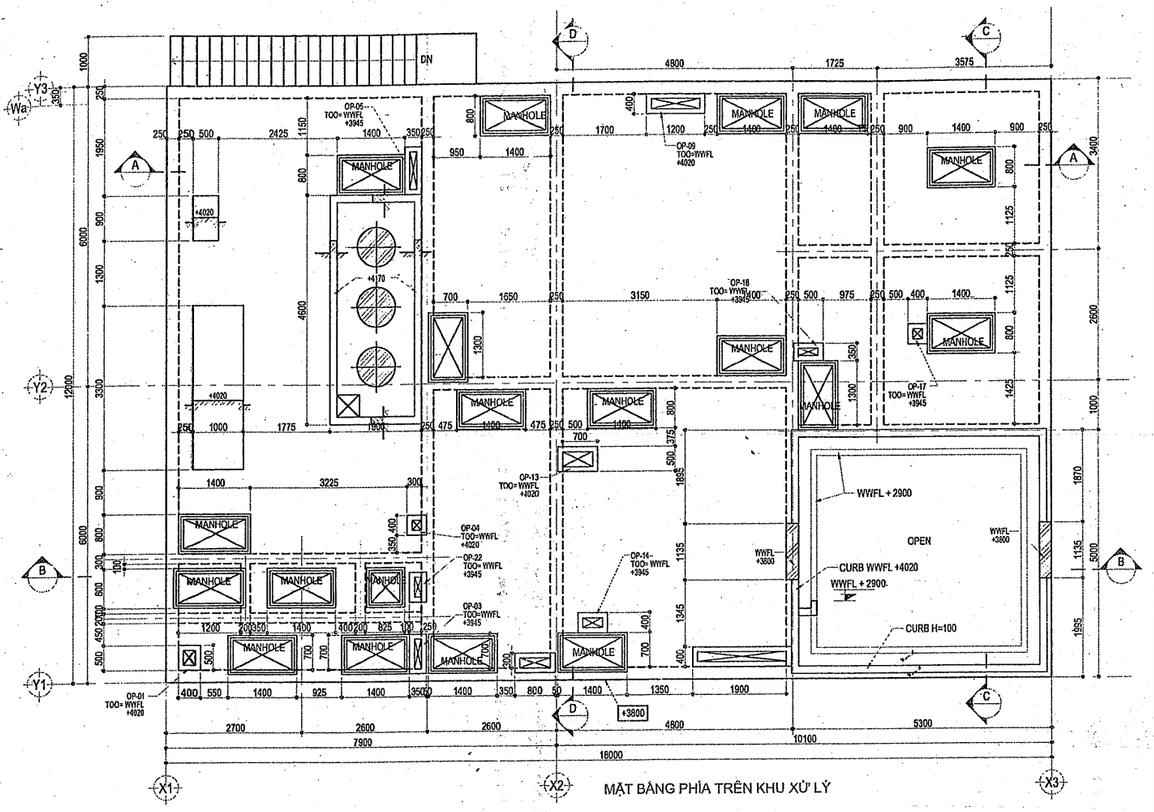

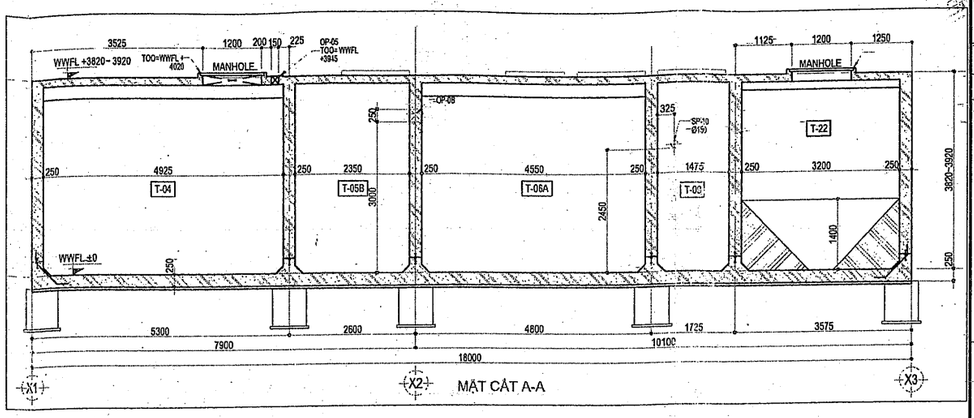

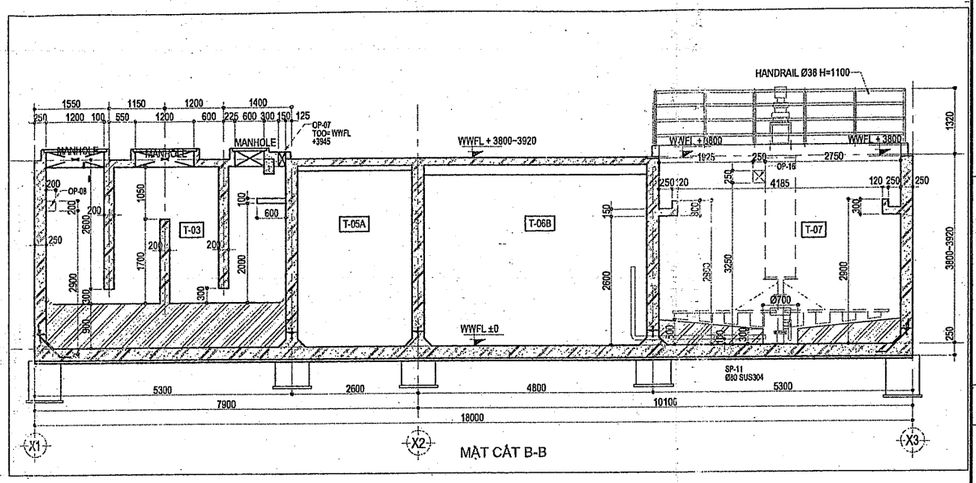

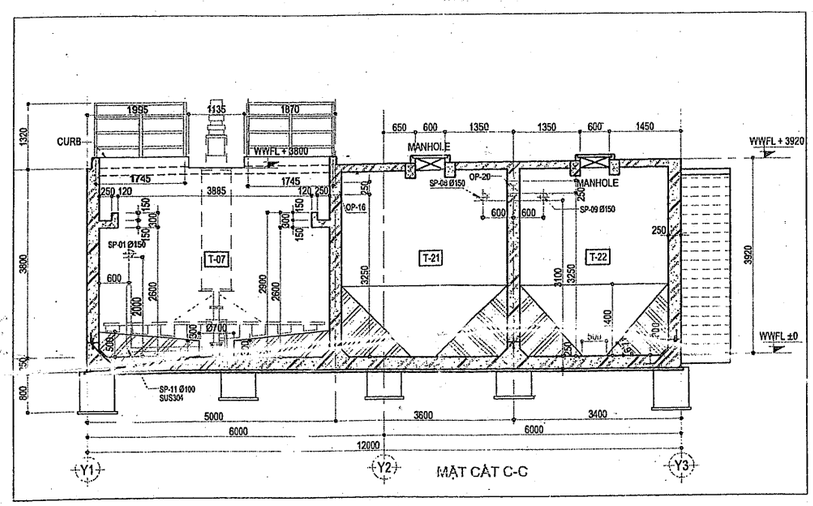

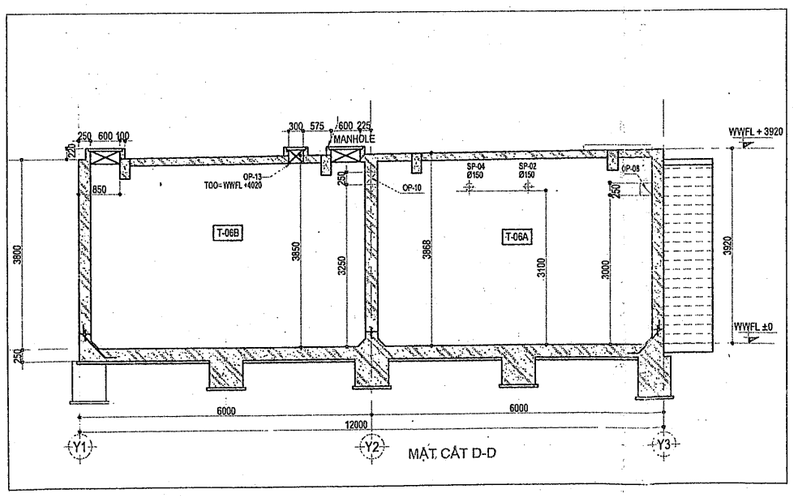

PHÁT HÀNH | ISSUED

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS-BUILT DRAWING

NGÀY PHÁT HÀNH: 01.SEPTEMBER.2014
DATE OF ISSUE

NOTES:

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT TITLE

NHÀ MÁY YAZAKI TẠI TRÀ VINH
YEV TRA VINH NEW FACTORY CONSTRUCTION PLAN
LÔ C VÀ H; ĐƯỜNG SỐ 1 VÀ SỐ 5, KHU CÔNG NGHIỆP LONG ĐỨC, THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER

YEV
CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH
TRA VINH BRANCH OF YAZAKI EDS VIETNAM CO., LTD
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

KONAGAI TAMOTSU

NHÀ THẦU XÂY DỰNG / DESIGN BUILD CONTRACTOR:

KAJIMA OVERSEAS ASIA PTE LTD
7th Floor, AB Tower
76 Le Lai St., Dist. 1, HCM City, Vietnam

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN | PROJECT MANAGER

MASAAKI KASHIMA

VẼ | DRAWN BY

PHAM DUY KHANG

NHÀ THẦU PHỤ / SUB CONTRACTOR

TAIKI-SHA
TAIKISHA VIET NAM ENGINEERING INC.
HEAD OFFICE: RM 303-13th THANG LONG BUILDING LANG HA STR4-DONG DA DIST-HA NOI
BRANCH OFFICE: 6TH FLOOR/7M GOLDEN BUILDING TRAD 25-BINH THANH DIST-HO CHI MINH CITY

QUẢN LÝ DỰ ÁN | PROJECT MANAGER

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

CÔNG TY GIÁM SÁT / SUPERVISION COMPANY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH
266 TRẦN PHÚ, PHƯỜNG 7, THÀNH PHỐ TRÀ VINH
GIÁM SÁT TRƯỞNG | SUPERVISOR

PHẠM MINH TÂN

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

WASTE WATER TREATMENT PLAN
MẶT BẰNG
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÌNH TRẠNG | STATUS

BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

BỘ PHẬN THIẾT KẾ | DESIGN DISCIPLINE

KIẾN TRÚC / ARCHITECTURE

TỶ LỆ | SCALE	NGÀY | DATE	KHỔ GIẤY SHEET SIZE [840x594]
A1 = 1/60	01 SEPT 2014	A1

SỐ BẢN VẼ | DRAWING NUMBER	HIỆU CHỈNH REVISION
YEV-13009-ICC-DD-13-ME-001	00

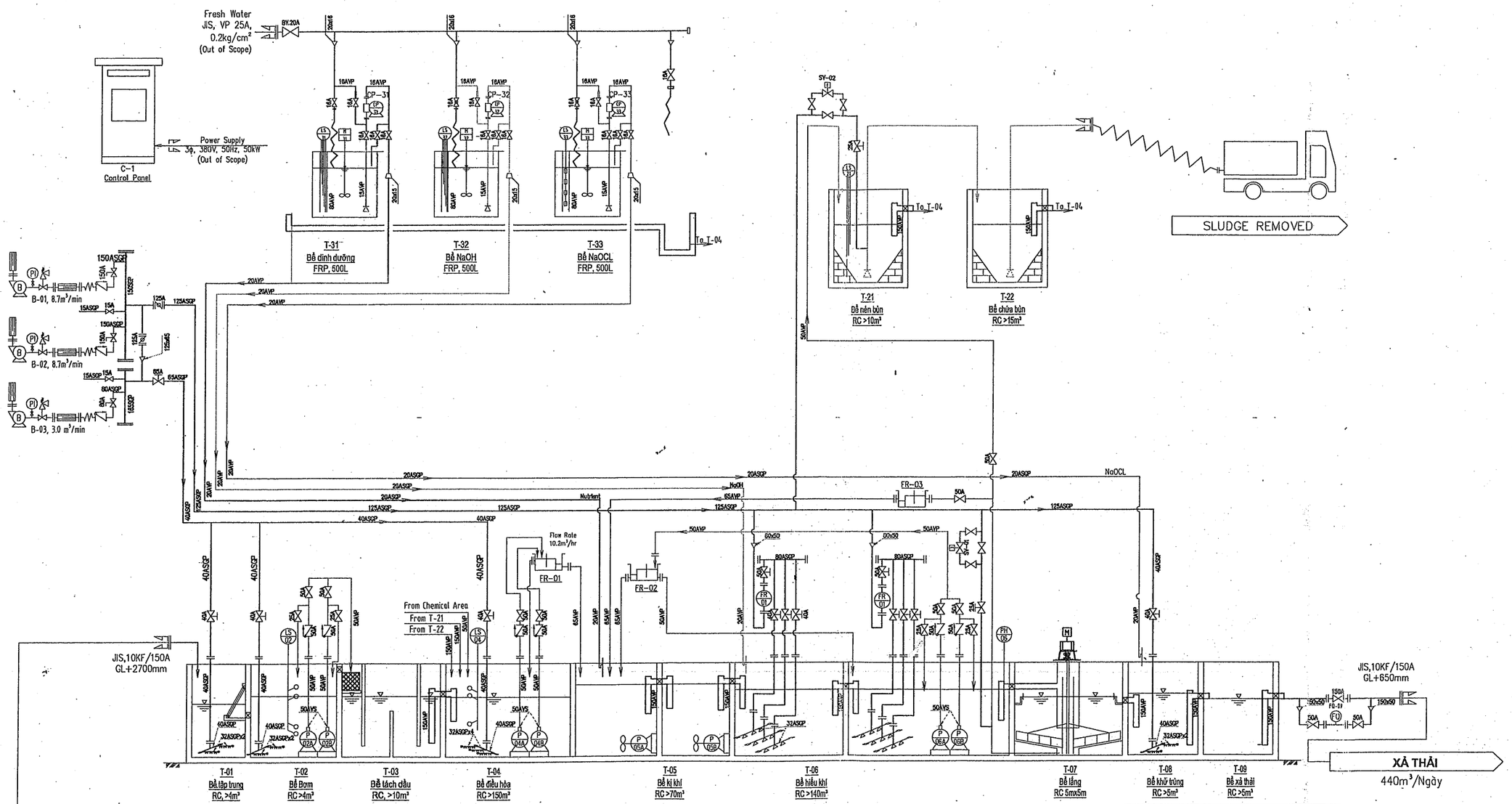

Chất lượng nước thải vào	
pH	5~9
COD (mg/L)	≤450
BOD (mg/L)	≤250
SS (mg/L)	≤220
T-Nitrogen (mg/L)	≤60
Ammonia (mg/L)	≤40
T-Phosphate (mg/L)	≤18
Vegetable Oil & Animal Fat -Insoluble (mg/L)	≤30
Coliform (MPN/100mL)	–

CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI RA (QCVN40:2011, Class B)	
pH	5.5~9
COD (mg/L)	≤150
BOD (mg/L)	≤50
SS (mg/L)	≤100
T-Nitrogen (mg/L)	≤40
Ammonia (mg/L)	≤10
T-Phosphate (mg/L)	≤6
Vegetable Oil & Animal Fat -Insoluble (mg/L)	≤10
Coliform (MPN/100mL)	≤5000

PHÁT HÀNH | ISSUED

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS-BUILT DRAWING

NGÀY PHÁT HÀNH:
DATE OF ISSUE: 01 SEPTEMBER 2014

NOTES:

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT TITLE

NHÀ MÁY YAZAKI TẠI TRÀ VINH
YEV TRA VINH NEW FACTORY CONSTRUCTION PLAN
LÔ C VÀ H, ĐƯỜNG SỐ 1 VÀ SỐ 5, KHU CÔNG NGHIỆP LONG ĐỨC, THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER

YEV

CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH YAZAKI EDS VIỆT NAM TẠI TRÀ VINH
TRA VINH BRANCH OF YAZAKI EDS VIETNAM CO., LTD
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

KONAGAI TAMOTSU

NHÀ THẦU XÂY DỰNG / DESIGN BUILD CONTRACTOR:

KAJIMA OVERSEAS ASIA PTE LTD
7th Floor, AB Tower
76 Le Lai St., Dist. 1, HCM City, Vietnam

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN | PROJECT MANAGER

MASAAKI KASHIMA

VẼ | DRAWN BY

PHAM DUY KHANG

NHÀ THẦU PHỤ / SUB CONTRACTOR

TAIKI-SHA
TAIKISHA VIET NAM ENGINEERING INC.
HEAD OFFICE: P.M 305-135 THANG LONG BUILDING LANG HA STR-DONG DA DIST-HA NOI
BRANCH OFFICE: 6TH FLOOR-194 GOLDEN BUILDING TRAN DUY HUNG STR-CAU GIAY DIST-HO CHI MINH CITY

QUẢN LÝ DỰ ÁN | PROJECT MANAGER

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

CÔNG TY GIÁM SÁT / SUPERVISION COMPANY

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH
266 TRẦN PHÚ, PHƯỜNG 7, THÀNH PHỐ TRÀ VINH
GIÁM SÁT TRƯỞNG | SUPERVISOR

PHẠM MINH TÂN

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

WASTE WATER TREATMENT DIAGRAM
SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÌNH TRẠNG | STATUS

BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

BỘ PHẬN THIẾT KẾ | DESIGN DISCIPLINE

KIẾN TRÚC / ARCHITECTURE

TỶ LỆ | SCALE	NGÀY | DATE	KHỔ GIẤY SHEET SIZE [840x594]
A1 = NTS	01 SEPT 2014	A1

SỐ BẢN VẼ | DRAWING NUMBER	HIỆU CHỈNH REVISION
YEV-13009-ICC-DD-00-ME-005	00